

## **LỜI MỞ ĐẦU**

### **1. Lý do chọn đề tài**

Trong điều kiện kinh tế phát triển, du lịch trở thành nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hoá xã hội và hoạt động du lịch đang được phát triển một cách mạnh mẽ trở thành ngành kinh tế quan trọng ở nhiều quốc gia trên thế giới. Du lịch không chỉ để con người nghỉ ngơi, giải trí mà còn thoả mãn nhu cầu to lớn về mặt tinh thần. Mỗi quốc gia, dân tộc, mỗi tỉnh thành đều có những đặc trưng riêng về tự nhiên, lịch sử văn hoá, truyền thống...thu hút khách du lịch. Thông qua việc phát triển du lịch sự hiểu biết và mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc, giữa các tỉnh thành trong cả nước ngày càng được mở rộng vì nền hoà bình và tình hữu nghị trên toàn thế giới. Ngày nay du lịch mang tính nhận thức và tính phổ biến với mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho con người, củng cố hoà bình hữu nghị giữa các dân tộc trong nước và trên toàn thế giới.

Ở nước ta trong những năm gần đây ngành du lịch cũng từng bước phát triển ổn định. Trong hoạt động du lịch, kinh tế đối ngoại của nước ta du lịch giữ vai trò quan trọng là nhân tố tích cực góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, rút ngắn thời gian khoảng cách so với trình độ phát triển của các nước trong khu vực. Với phương châm “Muốn là bạn với tất cả các nước” “Việt Nam được coi là điểm đến của thiên nhiên kì mới ngày càng là sự quyến rũ tiềm ẩn” đối với du khách trong nước và ngoài nước. Thêm vào đó đời sống của người dân ngày càng được nâng cao và cải thiện hơn thì du lịch trở thành nhu cầu không thể thiếu, đó cũng là cơ hội để ngành du lịch Việt Nam phát triển.

Cùng với quá trình đô thị hoá, công nghiệp oá đất nước nhu cầu du lịch của con người ngày càng gia tăng. Đặc biệt khi mà nhà nước ban hành chế độ làm việc 40h/tuần, người dân có nhiều thời gian rỗi hơn để đến những nơi có không khí trong lành xoá tan đi sự căng thẳng giữa phố phường chật hẹp đông đúc...

Kim Bảng là một vùng đất có bề dày lịch sử, lại là huyện giàu tiềm năng nhất của tỉnh Hà Nam. Do quá trình đô thị hoá ngày nay đang diễn ra mạnh mẽ ở nhiều nơi trên cả nước. Do đó quá trình đô thị hoá diễn ra trên địa bàn tỉnh Hà Nam cũng không phải là ngoại lệ. Việc đi du lịch cuối tuần, nghỉ dưỡng, tham quan... nhất là ở những địa bàn gần đây là xu thế chung của xã hội. Do vậy việc phát triển du lịch của huyện Kim Bảng có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống của người dân huyện Kim Bảng nói riêng cũng như người dân trong tỉnh nói chung.

Kim Bảng là huyện có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch có phong cảnh đẹp, những hang động kỳ thú, những danh thắng cảnh nổi tiếng, có cánh rừng rộng lớn với không gian trong lành... mang đến cho du khách gần xa sự thoải mái dễ chịu mỗi khi đến tham quan du lịch huyện.

Mặc dù hiện nay du lịch huyện Kim Bảng đã có bước phát triển nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Do điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn và yếu kém, các tài nguyên chưa được khai thác hết. Du lịch huyện Kim Bảng nói riêng, du lịch Hà Nam nói chung cần nhanh chóng nắm lấy cơ hội phát triển nhằm phát huy những thế mạnh sẵn có, tranh thủ tận dụng những thuận lợi khách quan để vươn lên phát triển bền vững. Với mong muốn tìm hiểu, bước đầu tập dượt nghiên cứu khoa học và mong muốn được góp một phần bé nhỏ của mình vào sự phát triển chung của du lịch huyện Kim Bảng nói riêng và du lịch tỉnh Hà Nam nói chung nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng du lịch huyện Kim Bảng, đáp ứng nhu cầu của quần chúng nhân dân trong tỉnh khi chất lượng cuộc sống ngày càng phát triển. Chính vì vậy mà tác giả đã chọn đề tài: “ **Hiện trạng và giải pháp phát triển du lịch của huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam**” làm đề tài khoá luận tốt nghiệp cho mình.

## **2. Mục đích nghiên cứu của đề tài**

Xuất phát từ việc tổng hợp tài liệu về phát triển du lịch và thực tiễn kinh doanh du lịch trên địa bàn huyện Kim Bảng, Khoá Luận xác định mục đích nghiên cứu của đề tài như sau:

Đề tài được trình bày nhằm nêu lên tài nguyên và thực trạng hoạt động du lịch huyện Kim Bảng. Từ đó thấy được những thành công và hạn chế trong phát triển du lịch của huyện. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp khắc phục những hạn chế nhằm khai thác tốt hơn nữa tiềm năng du lịch góp phần đưa du lịch huyện Kim Bảng trở thành điểm sáng trong du lịch Hà Nam nói riêng và du lịch Việt Nam nói chung.

Để đạt được các mục tiêu trên đề tài cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan cơ sở lý luận về phát triển du lịch
- Tìm hiểu hiện trạng hoạt động phát triển du lịch huyện Kim Bảng.
- Trên cơ sở đó đề xuất một số định hướng và giải pháp khắc phục khai thác tiềm năng vốn có của du lịch huyện Kim Bảng.

## **3. Phạm vi nghiên cứu của đề tài.**

Nghiên cứu hiện trạng phát triển du lịch huyện Kim Bảng trong mối quan hệ với các ngành kinh tế khác của địa phương, từ đó đưa ra những giải pháp trong thời gian tới để du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Hà Nam, đưa du lịch huyện Kim Bảng phát triển cùng nhịp với các huyện trong tỉnh.

Đề tài được nghiên cứu trên phạm vi địa bàn của huyện Kim Bảng.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để hoàn thành luận văn này tác giả đã sử dụng các phương pháp: tổng hợp, so sánh, phân tích...

Ngoài ra còn có các phương pháp

- **Phương pháp thu thập và xử lý số liệu:**

Đây là phương pháp quan trọng cho việc thực hiện đề tài. Để có được các thông tin đầy đủ về mọi mặt tự nhiên, kinh tế, xã hội trong khu vực. Cần tiến hành thu thập thông tin tư liệu về nhiều lĩnh vực nhiều nguồn sau đó xử lý chúng để có các tư liệu cần thiết phục vụ cho việc nghiên cứu.

**- Phương pháp khảo sát thực địa**

Khảo sát thực địa là phương pháp truyền thống trong nghiên cứu địa lý đặc biệt là trong việc nghiên cứu tiềm năng, hiện trạng phát triển du lịch. Tác giả tiến hành khảo sát thực địa tại địa bàn, làm việc với cơ quan địa phương...Kết quả điều tra thực địa là cơ sở ban đầu và là điều kiện thẩm định lại một số nhận định trong giáo trình nghiên cứu. Thông qua đó đã cho phép đề ra những giải pháp khắc phục những nhược điểm, phát huy những ưu điểm. Đây là phương pháp khoa học nhất để thu hút được số liệu tương đối chính xác về số lượng khách, nhu cầu sở thích của khách và những dịch vụ mà khách quan tâm.

**- Phương pháp điều tra xã hội học**

Là phương pháp lấy ý kiến của khách du lịch, người dân địa phương, về chất lượng, quy mô, diện tích sức hấp dẫn của tài nguyên...

**5. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, phần Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, Nội dung khoá luận được bố cục thành 3 chương như sau:

Chương I: Cơ sở lý luận chung của đề tài

Chương II: Hiện trạng hoạt động du lịch của huyện Kim Bảng

Chương III: Định hướng - Giải pháp phát triển du lịch của huyện Kim Bảng

## **CHƯƠNG I :CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG CỦA ĐỀ TÀI**

### **1.1. Một số khái niệm cơ bản**

#### ***1.1.1. Khái niệm về du lịch***

Ngày nay du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế- xã hội phổ biến không chỉ các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên cho đến nay vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau về du lịch.

Thuật ngữ du lịch trong ngôn ngữ nhiều nước bắt nguồn từ tiếng Hi Lạp với ý nghĩa là đi một vòng. Thuật ngữ này được la tinh hoá thành tornus và sau đó thành tiếng pháp *tourisme, tourism* trong tiếng Anh

Trong tiếng Việt thuật ngữ *Tourism* được dịch qua tiếng Hán: Du có nghĩa là đi chơi, lịch có nghĩa là từng trải.

Năm 1963 với mục đích quốc tế hoá tại hội nghị Liên Hợp Quốc về du lịch ở Rô Ma các chuyên gia đã đưa ra định nghĩa: “*Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi cư trú thường xuyên của họ, hay ngoài nước họ với mục đích hoà bình. Nơi họ đến lưu trú không phải là nơi làm việc của họ*” . Đây là cơ sở cho định nghĩa du khách đã được liên minh quốc tế các tổ chức du lịch của tổ chức du lịch thế giới thông qua.

Trong cuốn cơ sở địa lí du lịch và dịch vụ thăm quan với một số nội dung khá chi tiết nhà địa lí Belarus đã nhấn mạnh “*Du lịch là một dạng hoạt động của dân cư trong thời gian rời có liên quan đến di cư và lưu trú tạm thời ngoài nơi cư trú thường xuyên nhằm mục đích phát triển thể chất, tinh thần nâng cao trình độ nhận thức, văn hoá hoặc hoạt động thể thao, kèm theo việc tiếp thu những giá trị về tự nhiên, kinh tế văn hoá và dịch vụ.*”

Theo luật du lịch Việt Nam năm 2006: “ *Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định.*”

### **1.1.2. Khái niệm khách du lịch**

Du khách là những người từ nơi khác đến vào thời gian rảnh rỗi của họ với mục đích thoả mãn tại nơi đến về nghiên cứu nâng cao hiểu biết, phục hồi sức khoẻ, xây dựng hay tăng cường tổ chức của con người, tăng cường tình cảm của con người với nhau hoặc với tự nhiên, thư giãn giải trí hoặc thể hiện mình kèm theo việc tiếp thu những giá trị tinh thần hay vật chất và các dịch vụ do các cơ sở của ngành du lịch cung ứng.

Theo Luật du lịch Việt nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 Khách du lịch được định nghĩa như sau: “ *Khách du lịch là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch trừ trường hợp đi học, phải làm việc hoặc hành nghề để nhận thu nhập ở nơi đến.*”

Luật du lịch Việt Nam năm 2006 phân loại Khách du lịch như sau:

- Khách du lịch quốc tế

+ Là người nước ngoài hoặc người Việt nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch.

+ Là công dân Việt Nam hy người nước ngoài cư trú tại Việt Nam ra nước ngoài.

+ Mục đích chuyến đi của họ là thăm quan tham dự hội nghị, khảo sát thị trường.

-Khách du lịch nội địa

+ Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài thường trú tại Việt Nam đi du lịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

### **1.1.3. Khái niệm khu, điểm du lịch**

❖ *Khái niệm khu du lịch*

Các nhà khoa học du lịch Trung Quốc đã đưa ra khái niệm và đặc điểm về khu du lịch: “ Khu du lịch được xác định là đơn vị cơ bản để làm quy hoạch và quản lý du lịch, là thể tổng hợp địa lí lấy chức năng du lịch làm chính và nội dung quy hoạch quản lí để triển khai các hoạt động du lịch.”

Theo khoản 7 điều 7 chương 1 Luật du lịch Việt Nam năm 2006: “ Khu du lịch là nơi có tài nguyên du lịch, ưu thế nổi bật về cảnh quan thiên nhiên được quy hoạch đầu tư phát triển, nhằm thoả mãn các nhu cầu đa dạng của khách du lịch đem lại hiệu quả kinh tế xã hội và môi trường.”

❖ *Khái niệm điểm du lịch*

Theo định nghĩa chung nhất điểm du lịch là những chỗ hoặc cơ sở mà khách du lịch muốn đến và lưu trú, điểm du lịch có thể là những chỗ không có dân cư. Đó là định nghĩa rộng của điểm du lịch. Tuy nhiên trong kinh tế du lịch, điểm du lịch là một nơi một vùng hay một đất nước có sức hấp dẫn đặc biệt đối với dân ngoài địa phương và có những thay đổi nhất định trong kinh tế do hoạt động du lịch tạo nên.

Theo định nghĩa trên thì điểm du lịch có thể là bất cứ điểm lớn hoặc điểm nhỏ có tài nguyên du lịch( Tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn) và có hoạt động du lịch phát triển. Nếu xét dưới góc độ tiến trình vận động có lẽ nên đưa ra cặp khái niệm điểm du lịch và điểm tài nguyên du lịch.

Điểm tài nguyên du lịch là nơi ở có ít hay nhiều nguồn tài nguyên du lịch có sức hấp dẫn đối với khách song chưa được tổ chức khai thác. Điểm du lịch là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn phục vụ nhu cầu tham quan của khách du lịch. Điểm tài nguyên du lịch có thể chưa phải là điểm du lịch song nó có thể trở thành điểm du lịch khi không có việc tổ chức khai thác.

Ngược lại điểm du lịch cũng có thể trở thành điểm tài nguyên du lịch khi sản phẩm du lịch đi vào giai đoạn thoái trào, hoạt động kinh doanh du lịch ngừng trệ.

Theo luật du lịch Việt Nam năm 2006: “Điểm du lịch là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn, phục vụ nhu cầu tham quan của khách du lịch.”

#### ***1.1.4. Khái niệm tài nguyên du lịch***

Tài nguyên du lịch là một trong những yếu tố quan trọng đối với phát triển kinh tế và đời sống con người, hiểu theo nghĩa rộng tức: “ Tài nguyên là bao gồm tất cả các nguồn lực, năng lượng và thông tin có trên trái đất đồng thời trong không gian vũ trụ liên quan mà con người có thể sử dụng phục vụ đời sống cho sự nghiệp phát triển của mình.”

Các yếu tố tài nguyên liên quan đến các điều kiện tự nhiên, điều kiện lịch sử văn hoá, kinh tế- xã hội vốn có trong tự nhiên hoặc do con người tạo dựng nên, các yếu tố này luôn luôn tồn tại và gắn liền với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội đặc thù của mỗi vùng miền, mỗi địa phương. Nhưng các yếu tố này chỉ trở thành tài nguyên du lịch khi được đầu tư quy hoạch và phát triển, được khai thác và sử dụng cho mục đích phát triển du lịch.

Trong pháp lệnh du lịch nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam(1999) thì tài nguyên du lịch được hiểu là : “ Cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, di tích cách mạng, các giá trị nhân văn, công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng nhằm thoả mãn nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các điểm du lịch ,khu du lịch nhằm tạo ra sức hấp dẫn du lịch.

Tại khoản 4 điều 4 chương 1 Luật du lịch Việt Nam năm 2005 quy định: “ *Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch,điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch.*”

Tài nguyên du lịch có thể được hiểu là tài nguyên du lịch đang khai thác và tài nguyên du lịch chưa được khai thác. Mức độ khai thác các tiềm năng liên quan đến tài nguyên du lịch phụ thuộc vào các tiềm năng, tài



nguyên vốn có còn tiềm ẩn, trình độ phát triển khoa học công nghệ tạo ra các phương tiện để khai thác các tiềm năng tài nguyên đó.

Khái niệm tài nguyên du lịch: “*Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hoá lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần phục vụ và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp cho việc sản xuất dịch vụ du lịch.*”

## **1.2. Đặc điểm và vai trò của tài nguyên du lịch đối với phát triển du lịch**

### **1.2.1. Đặc điểm chung của tài nguyên du lịch**

Để có thể sử dụng, bảo vệ và phát triển tài nguyên du lịch đạt được hiệu quả bền vững thì cần phải tìm hiểu, nghiên cứu đặc điểm của nguồn tài nguyên này. Tài nguyên du lịch sẽ mang cả những đặc điểm của tài nguyên nói chung và những đặc điểm riêng liên quan tới tính chất của ngành du lịch.

Theo chương 2 điều 13 Luật du lịch Việt nam năm 2005 thì tài nguyên du lịch gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn đang được khai thác và chưa được khai thác.

Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm: Truyền thống văn hoá, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, công trình lao động sáng tạo của con người và các di tích văn hoá vật thể và phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

Đặc điểm cơ bản của tài nguyên du lịch

-Tài nguyên du lịch vốn sẵn có trong tự nhiên hoặc trong đời sống xã hội

-Tài nguyên du lịch phần lớn được sử dụng tại chỗ để tạo ra các sản phẩm du lịch. Du khách muốn thưởng thức các sản phẩm du lịch phải đến tận nơi có tài nguyên du lịch đó. Đây là một đặc tính phân biệt các tài nguyên du lịch với các dạng tài nguyên khác. Những tài nguyên như: sông, núi, rừng, biển những tài nguyên văn hoá như các công trình kiến trúc, các di tích, danh lam đều có thể di dời. Ngay cả các di tích văn hoá phi vật thể thì cũng chỉ có

một số loại hình có thể đưa đi phục vụ ở những nơi khác như ca múa nhạc dân tộc, trò chơi dân gian ... Tuy nhiên, ngay cả những loại hình này cũng thực sự phát huy hết giá trị của chúng ngay ở trên que hương sản sinh ra chúng.

- Tài nguyên du lịch có khả năng khai thác quanh năm, có những loại ít lệ thuộc vào thời vụ. Sự lệ thuộc là do đặc điểm tự nhiên, khí hậu, phong tục tập quán, nghi lễ tôn giáo đặc điểm các hoạt động tạo ra tính chất mùa vụ của các hoạt động du lịch. Do vậy cần nghiên cứu các khía cạnh ưu thế của tài nguyên để hạn chế tính mùa vụ.

- Tài nguyên du lịch không chỉ có giá trị hữu hình mà còn có giá trị vô hình. Bởi giá trị hữu hình tài nguyên du lịch là phương tiện vật chất trực tiếp tham gia vào việc hình thành nên các sản phẩm du lịch.

Ví dụ Một số món ăn truyền thống là sản phẩm du lịch được hình thành trên cơ sở vật chất hữu hình. Giá trị vô hình được thể hiện ở chỗ du khách ngoài ăn ngon ra còn cảm nhận về tâm lí thẩm mỹ khi thưởng thức các món ăn, làm cho con người thoải mái về tinh thần. Chính vì vậy nhiều tài nguyên càng khai thác thì giá trị càng tăng bởi sự hiểu biết và nhận thức của con người về tài nguyên đó.

- Tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng có giá trị thẩm mỹ, giá trị lịch sử, tâm linh, giả trí có sức hấp dẫn với du khách... chúng có thể là hữu hình nhưng cũng có thể là vô hình “ Thậm chí có thể nói bất cứ một tồn tại khách quan nào trên thế giới đều có thể cấu thành tài nguyên du lịch, bất cứ không gian nào con người có thể vươn tới đều có thể có tài nguyên du lịch miễn là chúng có thể đáp ứng điều kiện phù hợp cung như các nhu cầu đa dạng của khách.

Ví dụ : Đối với loại hình du lịch tham quan, nghiên cứu phục vụ cho mục đích nâng cao các nhận thức của khách du lịch thì cần có các loại tài nguyên du lịch như lễ hội, văn hoá các tộc người, các bảo tàng, các làng nghề truyền thống, hang động các Vườn quốc gia, khu bảo tồn, các di sản thiên

nhiên thế giới có phong cảnh đẹp... Tài nguyên du lịch để phát triển loại hình du lịch nghỉ dưỡng hoặc chữa bệnh lại là các nguồn nước khoáng, bùn chữa bệnh, các bãi biển đẹp có nhiều ánh nắng, các vùng núi có khí hậu mát mẻ trong lành van phong cảnh đẹp...

- Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để hình thành các sản phẩm du lịch; sản phẩm du lịch được tạo nên bởi nhiều yếu tố song trước hết là tài nguyên du lịch. Tài nguyên du lịch càng đặc sắc, độc đáo thì giá trị của sản phẩm du lịch càng cao, càng hấp dẫn.

- Tài nguyên du lịch đóng vai trò quan trọng trong tổ chức lãnh thổ du lịch, hệ thống lãnh thổ du lịch thể hiện mối quan hệ về không gian của các yếu tố cấu tạo nên nó, tài nguyên du lịch là yếu tố quyết định sự phân bố không gian, quy mô lãnh thổ của hệ thống du lịch.

- Tài nguyên du lịch có tính hấp dẫn, các học giả Trung Quốc coi đây là đặc điểm thì chúng không thể được coi là tài nguyên du lịch van chúng không còn tồn tại nếu đánh mất tính hấp dẫn. Vì vậy quá trình khai thác cần quan tâm, bảo vệ nâng cấp tài nguyên đảm bảo tài nguyên giữ được tính hấp dẫn của nó.

### ***1.2.2. Vai trò của tài nguyên du lịch***

Vai trò của tài nguyên du lịch đối với các hoạt động du lịch được thể hiện cụ thể trên các mặt sau:

- Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để tạo thành các sản phẩm du lịch. Trong các hệ thống lãnh thổ du lịch, tài nguyên du lịch là những phân hệ giữ vai trò quan trọng và quyết định sự phát triển du lịch của hệ thống lãnh thổ du lịch. Đặc biệt tài nguyên du lịch có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với các phân hệ khác và với môi trường kinh tế- xã hội. Do vậy tài nguyên du lịch là một nhân tố quan trọng hàng đầu để tạo nên sản phẩm du lịch.

Để hấp dẫn và đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách, các sản phẩm du lịch cũng cần phải đa dạng phong phú đặc sắc, mới mẻ. Chính sự phong phú và

đa dạng của tài nguyên du lịch đã tạo nên sự phong phú đa dạng hấp dẫn của sản phẩm du lịch. Tài nguyên du lịch càng đặc sắc độc đáo thì giá trị sản phẩm du lịch và độ hấp dẫn của du khách sẽ càng tăng. Có thể nói chất lượng của tài nguyên du lịch sẽ là yếu tố quan trọng mang tính quyết định để tạo nên quy mô số lượng, chất lượng sản phẩm du lịch và hiệu quả của hoạt động du lịch.

- Tài nguyên du lịch là mục đích chuyến đi của du khách và tạo những điều kiện thuận lợi để đáp ứng các nhu cầu của họ trong chuyến đi. Hoạt động du lịch có phát triển hay không, hiệu quả kinh doanh cao hay thấp phụ thuộc vào yếu tố cầu du lịch, đặc biệt là khách du lịch. Khách du lịch nói chung đặc biệt là khách du lịch thuần túy mục đích chuyến đi của du khách không chỉ để hưởng thụ các dịch vụ lưu trú ăn uống đi lại, mua sắm... Phần lớn khách du lịch thể hiện chuyến đi du lịch để thưởng thức tìm hiểu cảm nhận các giá trị của tài nguyên du lịch, con người và kinh tế xã hội tại các điểm đến.

Du khách có quyết định thực hiện chuyến đi du lịch hay không phụ thuộc vào các giá trị của tài nguyên nơi đến. Do vậy mỗi địa phương, mỗi quốc gia muốn phát triển du lịch đạt được hiệu quả cao, hấp dẫn du khách cần quan tâm đầu tư cao cho việc bảo tồn tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch, công tác xúc tiến phát triển du lịch.

- Tài nguyên du lịch là cơ sở quan trọng để phát triển loại hình du lịch:

Trong quá trình phát triển du lịch không ngừng đáp ứng các yêu cầu và thoả mãn các mục đích của khách du lịch, các loại hình du lịch mới cũng không ngừng xuất hiện và phát triển.

Các loại hình du lịch ra đời đều phải dựa trên cơ sở của tài nguyên du lịch. Hoạt động du lịch mạo hiểm được tổ chức trên cơ sở tài nguyên du lịch như: núi, các hang động, các khu rừng nguyên sinh, các vịnh trên đảo có phong cảnh đẹp... du lịch nghỉ dưỡng, tắm khoáng được phát triển ở những vùng có suối khoáng, du lịch nghỉ dưỡng thường tổ chức ở những khu vực,

miền núi cao có khí hậu mát mẻ, các bãi tắm đẹp có nhiều ánh nắng... và chính sự xuất hiện của các loại hình du lịch làm cho nhiều yếu tố của tự nhiên và xã hội trở thành tài nguyên du lịch. Nếu không có các di tích lịch sử, di tích cách mạng, không có các lễ hội truyền thống... thì không thể tạo nên loại hình du lịch văn hoá được.

- Tài nguyên du lịch là một bộ phận cấu thành quan trọng của tổ chức lãnh thổ du lịch trong phạm vi lãnh thổ cụ thể, mọi hoạt động du lịch đều phải phản ánh một tổ chức không gian du lịch nhất định.

Hệ thống lãnh thổ du lịch thể hiện mối quan hệ về mặt không gian của các yếu tố có quan hệ mật thiết với nhau cấu tạo nên nó. Các yếu tố đó là khách du lịch, tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đội ngũ cán bộ công nhân viên tổ chức điều hành quản lý du lịch.

Hệ thống lãnh thổ du lịch có nhiều cấp phạm vi khác nhau từ điểm du lịch đến trung tâm du lịch đến tiểu vùng du lịch, á vùng du lịch. Dù ở phân vị nào thì tài nguyên du lịch cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức lãnh thổ du lịch, là yếu tố cơ bản hình thành nên điểm du lịch, tạo điều kiện có thể khai thác một cách có hiệu quả nhất các tiềm năng của nó.

Do điểm phân bố của tài nguyên du lịch trong tổ chức lãnh thổ du lịch đã hình thành nên các điểm, các cụm, các trung tâm du lịch và các tuyến du lịch. Từ các tuyến điểm này quá trình khai thác sẽ được lựa chọn sắp xếp thành các tour du lịch tức là sản phẩm du lịch cụ thể cung cấp cho khách du lịch. Tổ chức lãnh thổ du lịch hợp lý sẽ góp phần hiệu quả cao trong việc khai thác các tài nguyên du lịch nói riêng cũng như trong mọi hoạt động du lịch nói chung.

Hiệu quả phát triển du lịch của các hệ thống lãnh thổ du lịch phụ thuộc vào rất nhiều vào tài nguyên du lịch. Vì vậy trong quá trình phát triển du lịch mỗi doanh nghiệp, địa phương và mỗi quốc gia khi tiến hành quy hoạch phát triển du lịch, xây dựng các chiến lược, chính sách phát triển du lịch cần phải

điều tra đánh giá xác thực nguồn tài nguyên du lịch, đồng thời cần thực thi các chính sách, chiến lược giải pháp quản lý bảo vệ tôn tạo, phát triển và khai thác nguồn tài nguyên du lịch hợp lý đúng đắn và hiệu quả theo quan điểm phát triển du lịch bền vững.

### **1.3. Tài nguyên du lịch tự nhiên**

#### ***1.3.1. Khái niệm tài nguyên du lịch tự nhiên***

Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất địa hình địa mạo, các thành phần tự nhiên, các hiện tượng tự nhiên, các quá trình biến đổi chung hoặc có thể được khai thác và sử dụng vào đời sống sản xuất của con người.

Theo khoản 1 điều 13 chương II Luật du lịch Việt nam quy định: “ *Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất địa hình, địa mạo, khí hậu thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên đang được khai thác hoặc có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch*”

#### ***1.3.2. Đặc điểm tài nguyên du lịch tự nhiên***

Tài nguyên du lịch tự nhiên có các đặc điểm sau:

-Nếu được quy hoạch, bảo vệ, khai thác hợp lý theo hướng bền vững thì phần lớn các loại tài nguyên du lịch tự nhiên được xếp vào loại tài nguyên vô tận tài nguyên có khả năng tái tạo hoặc có quá trình suy thoái chậm.

Ví dụ : Tài nguyên nước theo quy luật tuần hoàn nếu rừng được bảo vệ và khai thác hợp lý, tài nguyên nước không bị ô nhiễm bởi các chất thải từ đời sống cũng như sản xuất, tài nguyên nước được xếp vào loại tài nguyên vô tận.

-Tài nguyên địa hình, địa chất nếu được khai thác bảo tồn hợp lý không phá vỡ cảnh quan, loại tài nguyên có thể khai thác được nhiều lần thời gian làm cho chúng tự thay đổi phải tính đến từ nghìn năm cho đến hàng triệu năm.

-Hầu hết việc khai thác tài nguyên du lịch tự nhiên chịu ảnh hưởng nhiều vào điều kiện thời tiết, việc tổ chức tour leo núi, tham quan các vùng núi hay đi nghỉ biển, tham quan sông nước phụ thuộc vào rất nhiều điều kiện thời tiết. Đặc biệt không thể tổ chức các tour du lịch sông nước vào mùa lũ, không

thể tắm biển vào mùa rét. Vào mùa khô trữ lượng nước của các thác nước hồ nước hệ thống sông cạn nước nên khó khăn cho hoạt động du lịch thể thao nước và tham quan sông nước.

-Một số điểm phong cảnh và du lịch dựa vào tài nguyên thiên nhiên thường nằm xa các khu đông dân cư. Đặc điểm này một mặt gây tốn kém, khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động du lịch ,mặt khác nó là nhân tố góp phần làm cho tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn, được bảo tồn tốt hơn ít chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi các hoạt động kinh tế xã hội.

### **1.3.3. Các dạng tài nguyên lịch tự nhiên**

Theo các căn cứ và sơ đồ phân loại tài nguyên du lịch thì có một số thành phần tự nhiên hấp dẫn du khách đã, đang hoặc có thể được khai thác phục vụ cho mục đích du lịch như địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn và sinh vật.

#### *- Địa hình*

+ Đối với hoạt động du lịch, điều quan trọng nhất là đặc điểm hình thái địa hình nghĩa là các dấu hiệu bên ngoài của địa hình và các dạng đặc biệt của địa hình có sức hấp dẫn để khai thác du lịch .

+ Đặc điểm hình thái của địa hình gồm :núi đồi, đồng bằng và các kiểu địa hình đặc biệt như karst (đá vôi) và kiểu địa hình bờ biển.

+ Địa hình đồng bằng khá đơn điệu nhưng có thể tác động gián tiếp đến du lịch thông qua các hoạt động nông nghiệp, văn hoá do con người tạo ra.

+ Địa hình đồi núi thấp với không gian thoáng đãng và bao la thích hợp với các loại hình như : Cắm trại, tham quan. Hơn nữa vùng đồi lại là nơi có những di tích khảo cổ và tài nguyên văn hoá lịch sử độc đáo, tạo khả năng phát triển loại hình du lịch như: tham quan theo chuyên đề, nghiên cứu khoa học...

+ Địa hình núi có sức hấp dẫn hơn cả đối với du lịch, có thể phát triển các loại hình du lịch khác nhau như: leo núi, thể thao, tham quan, nghỉ dưỡng, nghỉ mát sinh thái. Thường kết hợp các loại tài nguyên tài nguyên du lịch khác như động thực vật, nguồn nước, khí hậu tạo nên nguồn tài nguyên du lịch tổng hợp có khả năng tổ chức các loại hình du lịch ngắn ngày cũng như dài ngày.

+ Các dạng địa hình đặc biệt gồm có địa hình karst là kiểu địa hình tạo nên do sự lưu thông của nước trong các đá dễ hoà tan như đá vôi, đá phấn và thạch cao... gồm karst ngầm ( hang động), karst ngập nước, karst trên cạn.

#### *- Khí hậu*

+ Khí hậu là thành phần quan trọng của môi trường tự nhiên đối với hoạt động du lịch. Trong các chỉ tiêu khí hậu đáng chú ý là hai chỉ tiêu: nhiệt



độ không khí và độ ẩm. Ngoài ra còn một số yếu tố khác như: gió, lượng mưa, thành phần lý hoá của không khí áp suất của khí quyển, ánh nắng mặt trời và các hiện tượng thời tiết đặc biệt.

+ Để đánh giá các điều kiện khí hậu đối với hoạt động du lịch cần phải đánh giá ảnh hưởng của các điều kiện đó tới sức khoẻ con người và các loại hình du lịch.

Nhìn chung những nơi có khí hậu điều hoà thường được khách du lịch ưa thích. Những cuộc thăm dò cho thấy khách du lịch thường tránh những nơi quá lạnh, quá ẩm hoặc quá nóng hay quá khô. Những nơi có nhiều gió cũng không thích hợp cho sự phát triển du lịch. Mỗi loại hình du lịch đòi hỏi những khí hậu khác nhau.

Ví dụ: Khách du lịch đi biển thường ưa thích những điều kiện khí hậu thuận lợi: số ngày mưa tương đối ít với thời vụ du lịch, số ngày nắng trung bình ngày cao, nhiệt độ trung bình của không khí vào ban ngày không cao lắm, nhiệt độ nước biển điều hoà, thích hợp nhất đối với khách du lịch tắm biển là nhiệt độ nước biển 20 độC- 25 độC.

Khí hậu tạo nên tính mùa vụ trong du lịch

+ Mùa du lịch cả năm thích hợp với loại hình du lịch chữa bệnh muối khoáng du lịch trên núi cả mùa đông và mùa hè.

+ Mùa đông là mùa du lịch trên núi, du lịch thể thao, leo núi...

+ Mùa hè là du lịch có thể phát triển nhiều loại hình du lịch: du lịch biển, du lịch trên núi, du lịch đồng bằng- nhân văn, du lịch trung du – nghiên cứu...

- *Tài nguyên nước*

Tài nguyên nước bao gồm nước chảy trên mặt và nước ngầm

Nguồn nước mặt bao gồm đại dương, biển, sông, suối, karst, thác nước. Trong tài nguyên nước phải nói đến tài nguyên nước khoáng chủ yếu là nước dưới đất có giá trị du lịch an dưỡng và chữa bệnh. Để thuận lợi cho việc

chữa bệnh các nhà bác học đã tiến hành nghiên cứu, tiến hành phân loại nước khoáng vào mục đích chữa bệnh khác nhau.

+ Nhóm nước khoáng Cacbonic là nhóm nước khoáng quý có công dụng giải khát rất tốt và chữa một số bệnh như cao huyết áp, sơ vỡ động mạch nhẹ, các bệnh về hệ thần kinh ngoại biên.

+ Nhóm nước khoáng Silic có công hiệu đối với các loại bệnh về đường tiêu hoá, thận kinh, phụ khoa. Ở Việt nam có hai nhà nghỉ an dưỡng sử dụng nguồn nước khoáng này ngoài ra còn nhiều nhóm nước khoáng khác với ý nghĩa du lịch chữa bệnh khác nhau.

*- Tài nguyên sinh vật*

Tài nguyên sinh vật chủ yếu phát triển du lịch sinh thái. Các chỉ tiêu đánh giá tài nguyên động thực vật phục vụ mục đích tham quan du lịch.

+ Thảm thực vật phong phú điển hình

+ Có loài đặc trưng trong khu vực, loài đặc hữu, loài quý hiếm với thế giới và trong nước.

+ Có một số động thực vật( thú, chim, bò sát, côn trùng...) phong phú hoặc điển hình cho vùng.

+ Có các loại khai thác đặc sản phục vụ nhu cầu khách du lịch.

+ Thực vật động vật có màu sắc hấp dẫn, vui mắt, một số loài phổ biến dễ quan sát bằng mắt thường, ống nhòm hoặc tai nghe tiếng hót tiếng kêu có thể chụp ảnh được.

+ Đường xá (đường mòn) thuận tiện cho việc đi lại quan sát vui chơi.

+ Chỉ tiêu đối với săn bắn thể theo: quy định loài được săn bắn là loài phổ biến không ảnh hưởng đến số lượng quỹ gen loài đối với hoạt động(ở dưới nước, mặt đất, trên cây) nhanh nhẹn có địa hình tương đối dễ vận động, xa khu cư trú của nhân dân, cơ quan quân đội... Ngoài ra khu vực dành cho săn bắn thể thao phải tương đối rộng, đảm bảo tầm bay của đạn, đảm bảo an

toàn tuyệt đối cho khách du lịch, phải cầm đèn sừng quan sự, mìn và chất nổ nghiêm trọng.

+ Chỉ tiêu với nghiên cứu khoa học:

Nơi có hệ thực vật, động vật phong phú đa dạng

Nơi còn tồn tại loài quý hiếm

Nơi có thể đi lại quan sát và chụp ảnh được

Có quy định mẫu của cơ quan quản lý.

#### **1.4. Tài nguyên du lịch nhân văn**

##### ***1.4.1. Khái niệm tài nguyên du lịch nhân văn***

Theo điều 13 Luật du lịch Việt nam năm 2005 thì: “ *Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hoá, các yếu tố văn hoá, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử cách mạng, khảo cổ kiến trúc, công trình lao động sáng tạo của con người và các di tích văn hoá vật thể, phi vật thể khác có thể sử dụng phục vụ mục đích du lịch.*”

##### ***1.4.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch nhân văn***

Tài nguyên du lịch nhân văn do con người sáng tạo ra nên có những đặc điểm rất khác biệt so với tài nguyên tự nhiên

-Khách với tài nguyên du lịch tự nhiên thường là để thoả mãn các nhu cầu nghỉ dưỡng, thu giãn hay để hoà mình với tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị về nhận thức nhiều hơn giá trị về giải trí. Tài nguyên du lịch nhân văn thu hút khách có nhu cầu nhận thức, nhu cầu hiểu biết về một số nền văn hoá hay lịch sử nào đó.

-Việc tìm hiểu các đối tượng nhân tạo diễn ra trong một thời gian ngắn nó thường kéo dài một vài giờ cũng có thể một vài phút. Do vậy trong khuôn khổ một chuyến du lịch khách có thể hiểu rõ nhất nhiều đối tượng nhân tạo. Tài nguyên du lịch nhân văn thích hợp nhất đối với loại hình nhận thức theo lộ trình.

-Số người quan tâm đến tài nguyên du lịch nhân văn thường có văn hoá cao hơn, thu nhập và yêu cầu cao hơn.

-Tài nguyên du lịch nhân văn thường tập trung ở các điểm quần cư và các thành phố lớn nên có thể tiếp cận dễ dàng với nguồn tài nguyên này.

-Ưu thế to lớn của tài nguyên du lịch nhân văn là đại bộ phận không có tính mùa vụ, không bị phụ thuộc vào các điều kiện thời gian và các điều kiện tự nhiên khác. Vì thế tạo nên khả năng sử dụng tài nguyên nhân văn ngoài giới hạn của các mùa chính do các tài nguyên gây ra giảm nhẹ tính mùa vụ nói chung của các dòng du lịch.

-Sở thích của những người tìm đến du lịch nhân văn rất phức tạp và rất khác nhau. Nó gây ra nhiều khó khăn trong việc đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn. Khác với tài nguyên du lịch tự nhiên có một số phương pháp đánh giá định lượng tài nguyên, tiêu chuẩn đánh giá tài nguyên nhân văn chủ yếu dựa vào cơ sở định tính cảm xúc và trực cảm. Việc tìm tòi tài nguyên du lịch nhân văn chịu ảnh hưởng mạnh của các nhân tố: độ tuổi, trình độ, văn hoá, hứng thú, nghề nghiệp, thành phần dân tộc, thế giới quan, vốn tri thức...

-Tài nguyên du lịch nhân văn ở mỗi vùng, mỗi quốc gia thường mang những giá trị đặc sắc riêng. Do điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế xã hội là những nhân tố nuôi dưỡng tạo thành tài nguyên du lịch nhân văn ở mỗi địa phương, mỗi quốc gia có những giá trị riêng, góp phần tạo nên những sản phẩm du lịch độc đáo có sức cạnh tranh và hấp dẫn du khách riêng. Do vậy trong quá trình khai thác bảo tồn tài nguyên du lịch nhân văn cần coi trọng việc bảo vệ phát huy giá trị độc đáo của tài nguyên.

#### ***1.4.3. Các dạng tài nguyên du lịch nhân văn***

Tài nguyên du lịch nhân văn là tài nguyên có nguồn gốc nhân tạo do con người sáng tạo ra. Các dạng tài nguyên du lịch nhân văn: Là những sản phẩm văn hoá được con người sáng tạo ra trong suốt quá trình phát triển lịch sử, ở mỗi địa phương, mỗi quốc gia do những yếu tố hình thành, nuôi dưỡng

rất đa dạng và phong phú. Cho đến nay dựa vào đặc tính vật chất có hình thể có thể nhìn hoặc sờ thấy được hoặc không có hình thể hay sự tồn tại hình thể liên tục các nhà nghiên cứu phân tài nguyên du lịch nhân văn thành hai loại chính là tài nguyên du lịch nhân văn vật thể và tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể.

-Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể

+ Di sản văn hoá thế giới vật thể

+Các di tích lịch sử văn hoá, danh thắng cấp quốc gia và địa phương

+ Các cổ vật và bảo vật quốc gia

+ Các công trình đương đại

Tài nguyên nhân văn vật thể thực chất là những di sản văn hoá, hấp dẫn du khách có thể bảo tồn khai thác vào mục đích phát triển du lịch, mang lại hiệu quả về kinh tế xã hội và môi trường.

Theo Luật di sản văn hoá Việt nam năm 2003: “ Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử- văn hoá, khoa học bao gồm các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.”

-Tài nguyên nhân văn phi vật thể

Tài nguyên nhân văn phi vật thể là di sản văn hoá phi vật thể có giá trị hấp dẫn du khách, có thể bảo tồn, khai thác phục vụ mục đích du lịch mang hiệu quả kinh tế xã hội và môi trường.

Theo Luật di sản văn hoá của Việt nam năm 2003 : “ Di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử- văn hoá, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết được lưu truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu truyền khác bao gồm: tiếng nói chữ viết, tác phẩm văn học nghệ thuật, kho học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống,lễ hội, bí quyết nghề thủ công truyền thống, tri thức về y dược cổ truyền, văn hoá ẩm thực, trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian.”

Như vậy tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể gồm các dạng tài nguyên dưới đây:

- + Di sản văn hoá thế giới truyền miệng và phi vật thể
- + Các lễ hội truyền thống
- + Nghề và làng nghề thủ công truyền thống
- + Văn hoá truyền thống
- + Văn hoá ẩm thực
- + Văn hoá ứng xử phong tục tập quán
- + Thơ ca, văn học
- + Văn hoá các tộc người
- + Các phát minh sáng kiến khoa học

Các hoạt động văn hoá thể thao, kinh tế xã hội có tính sự kiện

*-Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể*

Di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh của mỗi dân tộc mỗi quốc gia được phân thành các dạng sau: Di tích khảo cổ, di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật, các danh lam thắng cảnh các công trình đương đại

+ Loại hình di tích văn hoá khảo cổ: Các di tích khảo cổ là những di tích văn hoá lịch sử bị vùi lấp trong lòng đất hoặc hiển diện trên mặt đất, được phát hiện khi các nhà khoa học hoặc các cá nhân nghiên cứu khai quật thấy.

Là những ấn dấu một bộ phận giá trị văn hoá thuộc về thời kì lịch sử xã hội loài người chưa có văn tự vào thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại. Đa số các di tích lịch sử văn hoá khảo cổ nằm sâu trong lòng đất cũng có trường hợp tồn tại trên mặt đất.

Các di tích khảo cổ còn được gọi là các di chỉ khảo cổ. Các di tích khảo cổ thường bao gồm các loại: di chỉ cư trú, di chỉ mộ táng, những công trình kiến trúc cổ, những đô thị cổ, những tàu thuyền đắm. Các di chỉ cư trú thường tìm thấy trong hang động, các thềm sông cổ, các bãi hoặc sườn đồi gần các hồ nước hoặc bầu nước, một số đảo gần bờ.

+ Các di tích lịch sử

Các di tích lịch sử là những địa điểm, những công trình kỉ niệm, những vật kỉ niệm, những kỉ vật ghi dấu những sự kiện lịch sử, những cuộc chiến đấu, những danh nhân, anh hùng dân tộc của thời kỳ nào đó trong quá trình lịch sử của mỗi địa phương mỗi quốc gia.

Báo cáo tóm tắt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995- 2010 của tổng cục du lịch Việt Nam ghi rõ: “ Những di tích lịch sử là một bộ phận không thể tách rời của di sản quốc gia, chúng bao gồm tất cả các danh thắng cảnh, công trình kỷ niệm hoặc kỷ vật thuộc về một thời kỳ nào đó của lịch sử đất nước và đem lại lợi ích quốc gia về phương diện lịch sử, nghệ thuật và khảo cổ.”

Các di tích lịch sử thường bao gồm: Di tích ghi dấu về dân tộc học, di tích ghi dấu sự kiện lịch sử quan trọng tiêu biểu, có ý nghĩa quyết định cho việc xây dựng, phát triển bảo vệ của một đất nước, một địa phương di tích ghi dấu chiến công chống xâm lược, di tích ghi dấu cuộc đời sự nghiệp của các danh nhân, các vị anh hùng dân tộc, di tích ghi dấu kết quả lao động sáng tạo vinh quang của quốc gia, dân tộc ghi dấu tội ác của thực dân, đế quốc...

+ Các di tích kiến trúc nghệ thuật

Các di tích kiến trúc nghệ thuật bao gồm các công trình kiến trúc có giá trị cao về kĩ thuật xây dựng cũng như mỹ thuật trang trí hoặc các tác phẩm nghệ thuật điêu khắc, các bức bích họa, các công trình kiến trúc, ngoài ra trong các di tích này còn chứa đựng nhiều cổ vật bảo vật quốc gia, vật kỉ niệm và những giá trị văn hoá phi vật thể như truyền thống văn hoá, truyền thuyết, các giá trị lịch sử, tâm linh, tôn giáo...

Các di tích kiến trúc nghệ thuật bao gồm: Chùa, đình, đền, miếu, các toà thành, lăng mộ, các tháp, nhà cổ, các tác phẩm điêu khắc hội họa nổi tiếng nhà thờ bia ký...

+ Các danh lam thắng cảnh

Theo luật Di sản văn hoá Việt Nam năm 2003 : : Danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học...

+ Các công trình đương đại

Là những công trình kiến trúc được xây dựng trong thời kỳ hiện đại, có giá trị kiến trúc về mỹ thuật, khoa học kỹ thuật xây dựng, kinh tế văn hoá thể thao hấp dẫn du khách có thể là đối tượng tham quan nghiên cứu, vui chơi giải trí, chụp ảnh kỷ niệm... hấp dẫn thu hút khách du lịch

Các công trình đương đại bao gồm: hệ thống các bảo tàng, các sân vận động quốc gia, các trung tâm hội nghị, hội thảo, các toà nhà, các công trình giao thông, thông tin liên lạc... có giá trị về nhiều mặt hấp dẫn du khách.

- *Tài nguyên du lịch phi vật thể*

+ Di sản văn hoá truyền miệng và phi vật thể của nhân loại Năm 1989 tại phiên họp Đại hội đồng UNESCO đã đưa ra hai chính sách:

Công nhận danh hiệu cho một sản phẩm văn hoá phi vật thể, danh hiệu ấy gọi là Kiệt tác di sản văn hoá truyền miệng và phi vật thể của nhân loại.

Di sản văn hoá phi vật thể và truyền miệng luôn luôn được giữ gìn trình diễn, bổ sung truyền lại cho lớp trẻ thông qua trí nhớ và tài năng của nghệ nhân

+ Các lễ hội

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hoá tập thể của nhân dân sau thời gian lao động vất vả. Lễ hội là dịp để mọi người thể hiện lòng nhớ ơn tổ tiên, những người có công với địa phương, với đất nước, có liên quan đến nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng. Ôn lại những giá trị văn hoá nghệ thuật truyền thống hoặc hướng về một sự kiện lịch sử- văn hoá, kinh tế của địa phương của đất nước hoặc là những hoạt động vui chơi giải trí, là dịp để tăng thêm tinh thần đoàn kết cộng đồng.



Như vậy lễ hội là loại hình sinh hoạt văn hoá truyền thống có sức lôi cuốn đông đảo người tham gia và trở thành như cầu trong đời sống tâm linh của nhân dân và là tài nguyên du lịch hấp dẫn du khách.

- Các lễ hội thường bao gồm 2 phần: phần lễ và phần hội

Phần lễ được tổ chức để tưởng niệm về một sự kiện lịch sử trọng đại, tưởng niệm tôn vinh những danh nhân, các vị anh hùng dân tộc.

+ Phần nghi lễ trong lễ hội có ý nghĩa thiêng liêng chứa đựng những giá trị văn hoá truyền thống, giá trị thẩm mỹ và tư duy triết học của cộng đồng.

+Phần hội: Thường tổ chức các trò chơi dân gian, biểu diễn văn hoá nghệ thuật , yếu tố nuôi dưỡng lễ hội là kinh tế- xã hội và tự nhiên nên nội dung của phần hội không chỉ giữ nguyên những giá trị văn hoá truyền thống mà luôn có xu hướng bổ sung thêm những thành tố văn hoá mới.

+ Thời gian tổ chức lễ hội : Các lễ hội thường được tổ chức nhiều vào sau mùa vụ sản xuất, mùa mà thời tiết phong cảnh đẹp là mùa xuân và mùa thu.

Các giá trị văn hoá lịch sử của lễ hội là nguồn tài nguyên du lịch quý giá để tổ chức triển khai các loại hình du lịch tham quan, nghiên cứu chuyên đề lễ hội hoặc kết hợp với các loại hình hu lịch tham quan nghiên cứu , mua sắm...

+Nghề và làng nghề thủ công truyền thống

Nghề thủ công truyền thống là những nghề mà bí quyết về công nghệ sản xuất ra các sản phẩm mang những giá trị thẩm mỹ, tư tưởng triết học, tâm tư tình cảm ước vọng của con người.

Nghề thủ công truyền thống là nghề sản xuất mà các nghệ thuật( hay còn gọi là bí quyết nghề nghiệp) do những nghệ nhân dân gian sáng tạo, gìn giữ phát triển và truyền từ đời này sang đời khác cho những người cùng huyết thống hoặc ở cùng làng bản.

Chính vì vậy, nghệ thuật sản xuất hàng thủ công cổ truyền và các làng nghề thủ công truyền thống là nguồn tài nguyên du lịch nhân văn quý giá hấp

dẫn du khách nhất là du khách quốc tế đến từ các quốc gia công nghiệp phát triển, nơi mà nghề và làng nghề thủ công truyền thống đã bị mai một nhiều.

+ Văn hoá nghệ thuật

Trong quá trình phát triển ở mỗi quốc gia, các nghệ nhân dân gian cùng với nhân dân đã sáng tạo, nuôi dưỡng, bảo tồn được nhiều làn điệu dân ca, điệu múa, bản nhạc, các loại nhạc cụ, các loại hình biểu diễn nghệ thuật nói chung... Những giá trị văn hoá nghệ thuật là những món ăn tinh thần của nhân dân thể hiện giá trị thẩm mỹ, truyền thống và bản sắc văn hoá, tâm tư tình cảm ước vọng của con người.

Nhìn chung các giá trị văn hoá nghệ thuật đặc sắc là những kiệt tác di sản văn hoá phi vật thể và truyền miệng thế giới, không ngừng góp phần tạo ra sự đa dạng về sản phẩm du lịch, mà có sức hấp dẫn đặc biệt với du khách. Bởi vì, tài nguyên du lịch văn hoá nghệ thuật vừa mang lại cho du khách sự thư giãn, vui vẻ, nâng cao đời sống tinh thần làm lãng quên bao vất vả thường nhật, vừa mang lại sự nhận thức, cảm nhận cái đẹp giúp cho du khách tận dụng thời gian rảnh rỗi.

+ Văn hoá ẩm thực

Mỗi một vùng đất, mỗi một quốc gia có điều kiện tự nhiên, đặc điểm lịch sử phát triển kinh tế xã hội, văn hoá riêng nên cũng có nhiều món ăn, đồ uống đặc sản riêng. Nghệ thuật ẩm thực là giá trị văn hoá của mỗi quốc gia được sáng tạo, bảo tồn, bồi đắp qua nhiều thời đại, là dấu ấn của mỗi vùng đất đối với du khách.

Khi đi du lịch, du khách không chỉ mong muốn được đáp ứng nhu cầu đi lại lưu trú, mua sắm, chiêm ngưỡng nâng cao nhận thức về các loại tài nguyên mà họ còn mong muốn được thưởng thức các món ăn, đồ uống đặc sắc của những địa phương, nâng cao nhận thức giá trị nghệ thuật ẩm thực của những quốc gia khác nhau.

### **1.5. Mối quan hệ giữa tài nguyên du lịch với hoạt động du lịch**

Nói về tài nguyên thì có thể thấy tài nguyên bao gồm tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn. Hai loại tài nguyên này được coi là tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn du khách. Tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn khách bởi sự độc đáo hoang sơ của nó còn tài nguyên du lịch nhân văn lại hấp dẫn thu hút khách bởi sự phong phú đa dạng độc đáo và tính truyền thống tính địa phương của nó.

Các tài nguyên ( tự nhiên và nhân văn) là cơ sở tạo nên loại hình du lịch nghỉ dưỡng, tham quan, nghiên cứu... Mặt khác do nhận thức văn hoá là yếu tố thúc đẩy động cơ đi du lịch của khách. Như vậy tài nguyên du lịch vừa là yếu tố cung vừa là yếu tố cầu của hệ thống du lịch.

Tài nguyên du lịch còn là yếu tố tác động không nhỏ đến tính thời vụ, tính nhịp điệu trong hoạt động du lịch.

Mối quan hệ tương tác giữa hoạt động du lịch với tài nguyên du lịch

-Hoạt động du lịch tác động đến tài nguyên du lịch nước ta ở cả hai mặt: tích cực và tiêu cực

+ Tác động tích cực: Tạo ra hiệu quả tốt đối với việc tiến hành nghiên cứu, xếp hạng tôn vinh giá trị của tài nguyên. Nghiên cứu đánh giá, sử dụng hợp lý, bảo tồn phục hồi tài nguyên môi trường, tạo tài nguyên du lịch mới sẽ tạo ra hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng, thúc đẩy kinh tế- xã hội ở các quốc gia và các địa phương.

+Tác động tiêu cực: Gây nên sự lãng phí, tiêu tốn suy kiệt tài nguyên, suy thoái môi trường, suy giảm chất lượng cuộc sống cộng đồng, suy giảm những ngành sản xuất truyền thống, gây dịch bệnh tệ nạn xã hội...

Như vậy tài nguyên du lịch và hoạt động du lịch có mối quan hệ qua lại và tác động lẫn nhau. Muốn phát triển du lịch được phải có tài nguyên, du lịch phát triển góp phần vào việc bảo tồn, phát triển tài nguyên, tài nguyên phát triển tài nguyên, tu bổ giữ gìn những giá trị đích thực của tài nguyên. Có bảo vệ được những giá trị của tài nguyên thì hoạt động du lịch mới phát triển thu

hút được nhiều khách lá tăng doanh thu từ hoạt động du lịch ngược lại hoạt động du lịch nhằm bảo vệ các giá trị của tài nguyên.

### **1.6. Một số kinh nghiệm khai thác tài nguyên du lịch ở một số trọng điểm du lịch ở nước ta**

- **Tại Ninh Bình**

Ninh Bình là tỉnh có tiềm năng du lịch đa dạng và phong phú. Địa danh này nằm ở vị trí cửa ngõ cực nam của tam giác châu thổ sông hồng và miền bắc, nơi có nhiều danh lam thắng cảnh gắn với vùng đất kinh đô của Việt nam thế kỷ X với nhiều di tích lịch sử. Trong quy hoạch phát triển vùng kinh tế duyên hải Bắc bộ, Ninh Bình được ưu tiên phát triển thành một trung tâm du lịch, tỉnh phấn đấu trở thành thành phố du lịch.

Tiềm năng phát triển du lịch của Ninh Bình: Ninh Bình cùng với Hạ long là 2 đỉnh cạnh đáy của tam giác châu thổ sông Hồng, với địa hình Karst được biến đổi địa chất theo thời gian và phù sa bồi đắp tạo cho Ninh Bình một “Hạ long trên cạn” với vô số các hang động, đầm hồ, núi ngập nước có giá trị phát triển du lịch. Ninh Bình hội tụ đầy đủ các yếu tố của một Việt nam thu nhỏ: có rừng, núi, sông, biển với các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển thế giới, khu du lịch quốc gia.

Ninh Bình là mảnh đất giàu tiềm năng du lịch văn hoá vì đây từng là kinh đô của Việt nam ở thế kỷ X nơi phát tích 3 triều đại Đinh-Lê- Lý, mà bằng chứng để lại là hàng loạt các đền chùa, đình đài, di tích lịch sử. Trong kháng chiến chống ngoại xâm nơi đây có phòng tuyến Tam Điệp, chiến khu Quỳnh Lưu hành cung Vũ lam thời Trần và là địa bàn trọng yếu của chiến dịch Hà Nam Ninh lịch sử.

Ngoài ra Ninh Bình còn có lợi thế về địa lý: Cửa ngõ miền bắc, nằm trên hệ thống giao thông xuyên việt, với nhiều dự án cao tốc được triển khai. Sự phát triển du lịch Ninh Bình nằm trong tổng thể du lịch của Việt nam đã hình thành một tứ giác tăng trưởng du lịch: Hà nội- Hải phòng- Quảng ninh-

Ninh bình, qua quốc lộ 1A quốc lộ 10 và các sân bay Cát Bi, Nội Bài, hệ thống cảng biển cảng sông. Thủ đô Hà Nội là một trong những đầu mmò du lịch Việt Nam . Ninh Bình có ưu thế rõ rệt về không gian và thời gian của vùng phụ cận Hà nội nên không bị tính mùa vụ trong du lịch chi phối. Sức ép đô thị mạnh mẽ của Hà nội và các tỉnh châu thổ sông Hồng cũng tạo cơ Ninh Bình một lợi thế to lớn phát triển du lịch cuối tuần.

Theo thống kê năm 2008 Ninh Bình đón được 1.900.888 lượt khách đạt 108,62% kế hoạch năm, tăng 25,18% so với năm 2007. Trong đó có 584.400 lượt khách quốc tế.

Năm 2009, Ninh bình đã đón gần 2.390.000 triệu lượt khách du lịch tăng 26% so với cùng kỳ năm 2008 trong đó khách quốc tế có gần 602.000 lượt( trong khi Việt Nam đón được 3.400.088 lượt khách quốc tế). Doanh thu từ du lịch đạt gần 253 tỷ đồng tăng 55,8% so với cùng kỳ năm 2008.

Tuy nhiên kinh tế du lịch Ninh Bình vẫn còn yếu kém: Tỷ lệ lưu trú thấp; hoạt động du lịch chủ yếu vẫn là khai thác thiên nhiên; Cơ sở hạ tầng hạn chế, công tác tuyên truyền, quảng bá, quản lý còn yếu kém...Được tính xác định là lĩnh vực kinh tế mũi nhọn(định hướng thu nhập du lịch thuần túy >10%). Trong những năm gần đây, ngành du lịch Ninh Bình đang khai thác hiệu quả những tiềm năng, thế mạnh góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của toàn tỉnh.

Qua ví dụ về tỉnh Ninh Bình cho ta thấy một số bài học kinh nghiệm khai thác tài nguyên du lịch rút ra ở đây là đó là : việc khai thác đi đôi với bảo vệ, đầu tư , chỉ có khai thác mà không bảo tồn gìn giữ sẽ là giảm đi sức hấp dẫn của các điểm du lịch và là bào mòn các giá trị vốn có của tài nguyên

-Bài học kinh nghiệm về cách tổ chức, quản lý đường lối, chính sách phát triển du lịch đúng đắn của nhà nước và chính quyền địa phương vào hoạt động du lịch .

-Bài học kinh nghiệm về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng đặc biệt là đầu tư xây dựng thêm các cơ sở lưu trú phục vụ cho du lịch.

-Bài học kinh nghiệm về công tác xúc tiến tuyên truyền, quảng bá hình ảnh nâng cao sức hấp dẫn cho các điểm du lịch thu hút được nhiều khách du lịch đến với tỉnh làm tăng thêm nguồn thu lớn cho tỉnh nói chung và cho đất nước nói riêng.

Vì vậy công tác quản lý, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng là việc làm quan trọng và cần thiết không chỉ đối với Ninh Bình mà còn cần thiết, quan trọng đối với cả huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam và các huyện của tỉnh khác.

## **CHƯƠNG II: HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỦA HUYỆN KIM BẢNG**

### **2.1. Giới thiệu khái quát về huyện Kim Bảng**

#### ***2.1.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên***

##### ***2.1.1.1. Vị trí địa lí***

Kim Bảng là huyện bán sơn địa có 7/19 xã miền núi trong huyện có hai thị trấn đó là thị trấn Quế và thị trấn Ba Sao. Là huyện nằm ở phía tây bắc của tỉnh Hà Nội và thuộc khu vực châu thổ sông Hồng. Vị trí địa lí ở vào khoảng  $20^{\circ} 35'$  vĩ độ bắc,  $105^{\circ} 60'$  kinh độ đông, cách Hà Nội khoảng 60km. Phía tây bắc giáp huyện Ứng Hoà, Mỹ Đức Hà Nội , phía tây giáp huyện Lạc

Thuỷ tỉnh Hoà Bình, phía đông giáp huyện Duy Tiên và thành phố phủ lý, phía nam giáp Thanh Liêm gần trục quốc lộ 1A, 21A, 21B, 38B.

Diện tích đất tự nhiên 198.3 km<sup>2</sup>, chiều dài nhất là 18.7km, chiều rộng nhất là 24,2km. Dân số Kim Bảng năm 2008 có 134,2 nghìn người và 35.586 hộ, mật độ dân số trung bình là 718 người/ km<sup>2</sup>, tỷ lệ tăng dân số hàng năm là 1,12%. Về cơ cấu giới tính nữ còn chiếm tỷ trọng cao do hậu quả của chiến tranh lâu dài, nay trong thời kỳ hoà bình đang có xu hướng chuyển đổi để cân bằng về cơ cấu giới tính của toàn huyện.

#### *2.1.1.2. Đặc điểm địa hình*

Kim Bảng là huyện có quy mô diện tích lớn nhất trong 5 huyện, thị của tỉnh Hà Nam. Do nằm trong vùng chuyển tiếp giữa vùng trũng của đồng bằng sông Hồng .Do Kim Bảng nằm trong vùng tiếp xúc giữa vùng trũng đồng bằng sông Hồng và dải đá trầm tích ở phía tây nên có địa hình đa dạng. Phía bắc sông Đáy là đồng bằng thấp với các dạng địa hình ô trũng, phía Nam sông Đáy là vùng đồi núi có địa hình cao, tập trung nhiều đá vôi, sét. Địa hình gồm có vùng núi, đồi thấp và đồng bằng; trong đó đồi và núi chiếm 37% diện tích còn lại là đồng bằng chiếm 63% diện tích toàn huyện. Tổng diện tích đất của huyện là 18.487,2 ha trong đó đất nông nghiệp chiếm 42,3%, đất lâm nghiệp 32%, đất chuyên dùng 12,5%, đất khu dân cư 3,3% và đất chưa sử dụng 9,8% vùng đồng bằng có đất phù sa được bồi và đất phù sa không được bồi, đất phù sa gley

Kim Bảng được thiên nhiên ưu đãi ban tặng cho nguồn tài nguyên khoáng sản giàu có vào loại hàng đầu của tỉnh Hà Nam. Huyện Kim Bảng có những mỏ đá vôi như: Bút Sơn với trữ lượng 62 triệu tấn, mỏ sét Khả Phong 2,3 triệu m<sup>3</sup>, mỏ sét Ba Sao 5 triệu m<sup>3</sup>, mỏ than bùn Tam Chúc khoảng hơn 10 triệu m<sup>3</sup>...Tạo nguyên liệu cho sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng tại chỗ. Địa hình Kim Bảng rất đa dạng có vùng đồi núi, nửa đồi núi và vùng chiêm trũng.

Trên các dãy núi đá vôi chạy dọc phía hữu ngạn sông Đáy có nhiều hang động đẹp như: Ngũ Động Sơn, Hang Dơi, Hang Vac Ba Sao... Dãy Bát Cảnh Sơn bao gồm 8 quả núi nằm ở xã Tượng Lĩnh, là một cảnh đẹp đã được sách “ Lịch triều hiến chương loại chí” ca ngợi, dãy núi đá vôi với hàng tỷ m<sup>3</sup>, là kho tài nguyên quý giá của huyện và ngành sản xuất vật liệu xây dựng Kim Bảng. Những dãy núi còn có nhiều đá quý vân mây, đá màu da báo ở Thanh Sơn, đá trắng ở Liên Sơn. Bên cạnh các hang động đẹp Kim Bảng còn có hệ thống các hồ Tiên Lục Nhạc- Hậu Thất Tinh ( còn gọi là hồ Tam Chúc), Thung Vac... Tất cả những hang động này đã trở thành cụm di tích trong quần thể du lịch chung của huyện Kim Bảng và của tỉnh Hà Nam.

Vùng đồng bằng phía đông và phía bắc huyện nằm phía tả ngạn sông Đáy có địa hình bằng phẳng, độ cao chênh lệch nhau trong từng cánh đồng, tạo thành nhiều khu ngập nước. Vùng tả ngạn sông Đáy là một vùng đồng bằng rộng lớn, chủ yếu là đất phù sa trẻ độ phì cao thuộc 13/19 xã, thị trấn của huyện. Bên cạnh vùng tả ngạn ngăn cách bởi con sông Đáy là vùng hữu ngạn, đây là vùng bán sơn địa có những cánh đồng lớn nhỏ khác nhau nhưng chủ yếu là đất rừng rộng lớn 7.400 ha. Đất ở đây chủ yếu là đất nâu vàng trên phù sa cổ, đất đỏ vàng trên đá phiến sét. Đất thấp lượn sóng, độ cao 15-80m, độ dốc nhỏ từ 10- 15 độ. Hình thành hệ sinh thái đồi và vườn đồi thích hợp cho chế độ canh tác nông – lâm nghiệp kết hợp với các cây trồng như cây ăn quả, cây thuốc, cây công nghiệp... kết hợp với chăn nuôi đại gia súc. Đây là kho tiền vàng quý giá của huyện Kim Bảng. Hiện nay huyện đã tiến hành khai thác đi đôi với việc bảo vệ rừng đồi này để phát triển kinh tế. Trong tương lai cả vùng hữu ngạn sẽ là nơi phân bổ lao động của vùng đồng bằng vào khai thác đất hoang hoá. Nơi đây sẽ là vùng trù phú và sầm uất của huyện.

### *2.1.1.3. Khí hậu*

Khí hậu thủy văn của huyện Kim Bảng mang đặc điểm chung của khu vực đồng bằng sông Hồng: Chủ yếu là chế độ nhiệt đới gió mùa có mùa đông



lượng nhiệt độ trung bình năm dao động từ  $23^{\circ}\text{C}$  –  $24^{\circ}\text{C}$  , mùa đông nhiệt độ trung bình là  $19^{\circ}\text{C}$ , tháng giêng và tháng 2 là tháng lạnh nhất có năm nhiệt độ xuống thấp chỉ vào khoảng  $6^{\circ}\text{C}$  đến  $8^{\circ}\text{C}$ . Mùa hạ nóng ẩm, nhiệt độ trung bình là từ  $27^{\circ}\text{C}$ , nóng nhất vào tháng 6 và tháng 7 nhiệt độ có khi lên cao nhất tới  $36-38^{\circ}\text{C}$ .

Nắng cả năm có tổng số trung bình giờ nắng là: 1276 giờ, số giờ nắng phụ thuộc theo mùa. Các tháng hè số giờ nắng nhiều, cao nhất là vào các tháng 5,6,7 và tháng 10. Ngược lại vào mùa đông thì trời lại âm u, độ ẩm trong không khí cao có tháng chỉ có tới 17-18 giờ nắng ( Tháng 2/1997) còn trung bình chiếm 28% số giờ nắng trong năm.

Độ ẩm giữa các tháng có sự chênh lệch nhau không lớn lắm, giữa tháng khô nhất và tháng ẩm nhất độ ẩm chỉ chênh nhau 12%. Các tháng hanh khô là từ tháng 10,11 và tháng 6, độ ẩm trung bình tối đa là 92% và tối thiểu là 80%, đây là độ ẩm đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Lượng mưa trung bình trong năm là 1800- 2200mm trong đó thấp nhất là 1300mm và cao nhất là 4000mm. Năm mưa nhiều nhất là 2400mm, năm mưa ít nhất là 1200mm, được chia làm hai mùa đó là mùa khô và mùa mưa.

-Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 lượng mưa chiếm 85% có năm đến 90% lượng mưa cả năm. Có những năm cá biệt, mùa mưa kết thúc muộn kéo dài sang tháng 11 vẫn còn mưa lớn và chiếm tới 20% lượng mưa cả năm. Mưa nhiều nhất vào tháng 7,8,9 mưa nhiều tập trung gây lụt nhất khi mưa kết hợp với bão làm nước lũ lên cao.

-Mùa khô bắt đầu từ tháng 11 của năm trước đến tháng 4 của năm sau, lượng mưa thời gian này chiếm 29% lượng mưa của cả năm. Mưa ít nhất là vào tháng chạp, tháng giêng, tháng 2, có tháng không có trận mưa nào. Cũng có năm mưa muộn gây ảnh hưởng đến việc gieo trồng vụ đông hoặc mưa sớm gây trở ngại cho thu hoạch vụ chiêm xuân.

Gió thay đổi theo mùa, tốc độ trung bình từ 2 đến 2,3 m/s. Mùa đông chủ yếu là gió mùa đông bắc với tần suất từ 60-70%. Tốc độ trung bình là từ

2-2,6m/s lớn hơn cả mùa hạ, cuối đông gió chuyển hướng sang hướng Đông. Những ngày đầu có gió mùa đông bắc thường ở cấp 4, cấp 5. Mùa hạ hướng gió hình thành là hướng Đông Nam có tần suất từ 50-70% tốc độ gió là 1,9-2,2 m/s khi có bão tốc độ gió cực đại đạt gần 40m/m. Đầu mùa hạ thường xuất hiện gió Tây Nam, phơn tây nam khô và nóng.

Với khí hậu như trên của huyện phù hợp để phát triển một số loại hình du lịch nghỉ dưỡng

#### *2.1.1.4. Sông ngòi*

Hệ thống sông ngòi của huyện nay chỉ có 2 con sông lớn chảy qua địa phận huyện đó là sông Đáy và sông Nhuệ, Sông Đáy là một nhánh của sông Hồng chảy qua địa phận tỉnh Hà Tây ( nay là Hà Nội ) xuống Hà Nam, Ninh Bình rồi đổ ra cửa Đáy. Sông chảy xuyên qua 10 xã của huyện với chiều dài là gần 18km và cắt huyện ra làm hai phần, được gọi là tả ngạn và hữu ngạn sông Đáy. Sông Đáy chảy theo hướng tây bắc đông nam có chiều rộng là khoảng từ 100-120m. Sông Đáy hiện đang là nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho toàn huyện Kim Bảng và thị xã Phủ Lý, ngoài ra, nó còn cung cấp một lượng nước đáng kể cho sản xuất nông nghiệp và các hoạt động công nghiệp. Sông Nhuệ chảy ở phía đông huyện qua hai xã Hoàng Tây và Nhật Tựu, với chiều dài là 10km, chiều rộng trung bình của sông là 80-100m, sông Nhuệ chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, chủ yếu cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp của hai xã.

Do sông Đáy chảy xuyên qua địa phận huyện, có độ sâu tương đối, lại kéo dài từ Hà Tây xuống Ninh Bình, nên giao thông đường thủy khá tốt, thuận lợi cho thuyền bè qua lại.

Nhiều xã ở Kim Bảng đã khai thác được nguồn nước ngầm phục vụ cho sinh hoạt như Nhật Tân, Nhật Tựu, Văn Xá, Đồng hoá... Ngoài ra Kim Bảng còn có nguồn nước mặt sông Đáy rất dồi dào, đủ phục vụ cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đời sống dân sinh, đáp ứng yêu cầu phát triển của huyện những năm tới. Đồng thời hệ thống sông ngòi của huyện hiện nay có thể

phát triển một số loại hình du lịch trên sông như loại hình du lịch sinh thái trên sông

#### *2.1.1.5. Sinh Vật*

Sinh vật của Kim Bảng tương đối đa dạng, tập trung và có giá trị nhất đối với hoạt động du lịch, cũng như việc phục vụ cho hoạt động lâm nghiệp. Đó là diện tích rừng trong núi chạy theo hình cánh cung tạo thành một bức tường thành án ngữ ở phía tây của huyện. Diện tích rừng hiện nay của huyện là vào khoảng 7.400 ha ( 6431 ha rừng tự nhiên và 969 ha rừng trồng ), với nhiều loại sinh vật có giá trị, trong đó thực vật, động vật là vào khoảng 903 loài bao gồm cả thực vật bậc cao và thực vật bậc thấp thuộc 594 chi và 217 họ, trong đó có nhiều loài cây có giá trị: Lim , sến, tau, gu, mật, chò chỉ...Các loài cây thuốc như: Tam thất, mã tiên, cam thảo...ngoài ra còn có các loài cây ăn quả khác có giá trị cao: Vải, nhãn. Đây không chỉ là lá phổi mà còn là kho vàng tiền của huyện.

Rừng Kim Bảng là rừng nhiệt đới ẩm gió mùa, thảm thực vật phát triển quanh năm và là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật. Tuy nhiên hiện nay do tình trạng khai thác lâm nghiệp không có quy hoạch nên diện tích rừng đã giảm nhiều so với những năm của thập kỷ 70-80, khi đó diện tích rừng Kim Bảng vào khoảng 9000-11.000 ha cùng với rừng Hoà Bình tạo thành một lá phổi xanh rất lớn.

Theo thống kê của phòng tự nhiên và môi trường huyện Kim Bảng thì hiện nay hệ động vật trong rừng Kim Bảng chỉ còn lại rất ít đang có nguy cơ bị tuyệt chủng. Động vật với 19 loài thú, 38 loài chim, 23 loài bò sát, 6 loài ếch nhái, 18 loài cá, 17 loài côn trùng, ngoài ra còn một số loài sinh vật khác.

Thảm thực vật ngoài các giá trị kinh tế và tác động phòng hộ giữ đất, giữ nước là nơi trú ẩn, sinh sống của các loài động vật thì nó cũng là đối tượng tham quan hấp dẫn khách du lịch ưa thích loại hình du lịch sinh thái, tham quan, nghiên cứu hoặc săn bắn...

## **2.1.2 Tài nguyên du lịch nhân văn của huyện Kim Bảng**

### **2.1.2.1. Di tích lịch sử-văn hoá và danh thắng cảnh**

Theo thống kê của sở văn hoá thông tin tỉnh Hà Nam thì hiện nay toàn huyện Kim Bảng có 176 di tích lịch sử các loại trong đó có 8 di tích cấp quốc gia, 8 di tích cấp tỉnh.

#### **Bảng 1: Bảng các di tích xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh**

*( Nguồn: Phòng văn hoá thông tin huyện Kim Bảng)*

ST T	Tên di tích xếp hạng cấp Quốc gia	Địa điểm di tích	Tên di tích xếp hạng cấp tỉnh	Địa điểm di tích
1	Đình Cao	Xã Thanh Sơn-huyện Kim Bảng	Đền Do Lễ	Xã Liên Sơn-huyện Kim Bảng
2	Đình Phương Thượng	Xã Lê Hồ-huyện Kim Bảng	Đình Lạc Nhuế	Xã Đồng Hoá-huyện Kim Bảng
3	Đình Phương Lâm	Xã Đồng Hoá-huyện Kim Bảng	Văn Chi Đồng Lạc	Xã Đồng Hoá-huyện Kim Bảng
4	Chùa Bà Đanh	Xã Ngọc Sơn-huyện Kim Bảng	Đình Khuê Khẩu	Xã Kim Bình-huyện Kim Bảng
5	Chùa Quế Lâm	Thị Trấn Quế-huyện Kim Bảng	Đình Thụy Sơn	Xã Tân Sơn-huyện Kim Bảng
6	Đền Ba Dân	Xã Tân Sơn-huyện Kim Bảng	Đình Hồi Trung	Xã Thụy Lôi-huyện Kim Bảng
7	Đình Nhật Tân	Xã Nhật Tân-huyện Kim Bảng	Đình Phù Lưu	Xã Nguyễn Úy-huyện Kim Bảng
8	Đền Trúc	Xã Thi Sơn-huyện Kim Bảng	Đình Yên Phụ	Xã Nhật Tựu-huyện Kim Bảng

Do có nhiều hạn chế trong việc thu thập tài liệu và giới hạn của một bài khoá luận nên ở đây em xin giới thiệu một vài di tích tiêu biểu có giá trị đối với du lịch của huyện, của tỉnh.

- Khu danh thắng Bát Cảnh Sơn
- Khu danh thắng Núi Ngọc- Chùa Bà Đanh
- Khu danh thắng Đền Trúc- Ngũ Động Sơn
- Đền Ba Dân
- Chùa Quế Lâm

-Hang Luồn-Ao Dong

- Hồ Tam Chúc

- **Quần thể di tích thắng cảnh Bát Cảnh Sơn**

Quần thể di tích thắng cảnh Bát Cảnh Sơn nằm ở xã Tượng Lĩnh huyện Kim Bảng- Hà Nam.

Từ thành phố Phủ Lý, theo quốc lộ 22 đi 13km là đến quần thể danh thắng Bát Cảnh Sơn ( hoặc có thể đi từ Đồng Văn theo quốc lộ 60).

Xã Tượng Lĩnh được thiên nhiên ưu đãi với địa hình tự nhiên có nhiều tiềm năng phong phú. Dãy Bát Cảnh Sơn đứng bên tả ngạn sông Đáy, dựa lưng vào vòng cung Nam Công ( Kim Bảng- Hà Nam) và Tuyết Sơn, Hương Tích- Hà Tây tạo thành thế núi hình sông kỳ thú. Xét tổng thể ở phạm vi rộng thì Bát Cảnh Sơn là cụm du lịch của quần thể Hương Tích bởi hai thắng cảnh này rất gần nhau, tiếp giáp với nhau liền mạch trong dãy núi đá vôi Hà Nam- Hà Tây ( nay là Hà Nội). Theo vị trí địa lý hành chính Bát Cảnh Sơn là “ tiểu thắng cảnh” là cửa ngõ Hương Sơn, nằm trong xã Tượng Lĩnh, nơi ngã ba của huyện Kim Bảng ( Hà Nam), Mỹ Đức, Ứng Hoà ( Hà Tây nay là Hà Nội)

Từ lâu dãy Bát Cảnh Sơn ( dãy núi có tám cánh được coi là thắng cảnh của trấn Sơn Nam. Theo lịch triều hiến chương loại chí ( phần dư địa chí) của Phan Huy Chú thì vào thế kỉ thứ XVI Nghị Tổ Trịnh Doanh qua đây chiêm ngưỡng đã ví Bát Cảnh Sơn với Tiêu Tương bên Trung Quốc và cho lập hành cung để đi về thưởng ngoạn. Xưa kia, ở Bát Cảnh Sơn có 8 ngôi chùa và một ngôi miếu thờ đại thần linh được bài trí xây dựng theo thuyết bát quái ngũ hành. Có thể do tám ngôi chùa mà vùng đất này được đặt tên là Bát Cảnh Sơn? Ngày nay, mặc dù một vài cảnh quan đã bị huỷ hoại vì chiến tranh nhưng hàng năm khách vẫn cảnh chùa Hương và khách du lịch thập phương vẫn về thăm với một số lượng Khá đông.

Bát Cảnh Sơn gồm:

+ *Đền Tiên Ông*

Đền Tiên Ông (Đền Ông) được xây dựng vào đời vua Trần Nhân Tông trên lưng chừng núi Tượng Lĩnh, cao khoảng 200m giống hình con voi phủ phục ( nhân dân thường gọi là voi quỳ). Núi Tượng Lĩnh là điểm đầu tiên trong hệ thống Bát Cảnh Sơn.

Đền Tiên Ông thờ Nam Thiên Đại thành Hoàng, Thành tổ Thiên Vương Bồ Tát. Sự tích tiên ông được truyền thuyết kể rằng: cha mẹ của Tiên Ông quê ở Từ Sơn ( Bắc Ninh) là quan to trong triều nhà Trần, có tới 23 thê thiếp mà vẫn chưa có con trai. Đến khi đi kinh lý ở trấn Sơn Nam, tại xã Thịnh Đại ( nay là xã Đại Cước huyện Kim Bảng) thân phụ ngài lấy tới thê thiếp thứ 24 mới sinh được ngài. Ngài sinh ra đã có tướng mạo khác thường, lớn lên chỉ một lòng đèn hương thờ Phật. Ngài chu du khắp nơi tìm thầy học đạo. Vào một ngày ngài đến khu Quang Thừa ( nay là xã Tượng Lĩnh), thấy dãy Bát Cảnh Sơn hùng vĩ bèn lập một ngôi chùa dưới chân núi động Tam Giáo để thờ Phật và thờ tổ tiên, cha mẹ gọi là chùa Tam Giáo. Sinh thời ngài có rất nhiều công lao đối với nhân dân địa phương như cứu giúp kẻ nghèo khó, chữa bệnh cứu người, khi đắc đạo ngài hoá thân vào cây “Đại Nại” và dặn rằng hãy lấy cây gỗ đó để tạc tượng thờ, còn lấy đồng tạc tượng thờ thần. Dân nhớ ơn lập đền thờ tạc tượng gỗ và tượng đồng theo lời dặn của ngài.

Các pho tượng rất linh thiêng trải bao lần đền bị chiến tranh giặc giã phá huỷ, pho tượng đã nhiều phen bị mang đi nhưng không ai đụng tới được. Nguyễn Hữu Chính cũng đã mang tượng đồng ở đền thờ ngày đi đúc tiền đồng nhưng búa rìu không chạm được vào tượng, tượng chỉ đỏ mồ hôi còn quân lính chạm vào tượng thì bị rìu chặt vào chính thân mình. Nguyễn Hữu Chính sợ hãi khẩn rằng, nếu ngài linh thiêng thì hãy cho sông Châu bên mưa bên tạnh. Quả nhiên là ứng nghiệm. Cuối cùng Nguyễn Hữu Chính phải sai quân lính mang tượng trả lại về đền. Nhiều vị vua chúa như Lê Thái Tổ, Lê Dụ Tông, Trịnh Doanh, Trịnh Tùng, Lê Quý Đôn, Nguyễn Huy Oánh là con cầu tự của ngài.

Nhớ ơn ngài cứ đến ngày rằm tháng 6 hàng năm hai làng Thịnh Đại, Quang Thừa tổ chức lễ hội rất long trọng, khách thập phương ở nhiều nơi cũng về tham dự.

+ *Chùa Ông*

Phía trước đền Tiên Ông là một hồ nước lớn hình bán nguyệt bao quanh phía bắc núi Tượng Lĩnh. Hồ có diện tích 320 mẫu có nước quanh năm, độ sâu trung bình là 4-5m. Truyền thuyết kể lại trước đây ở giữa hồ có một ngôi chùa, gọi là chùa Ông. Năm 1901 do ảnh hưởng của lũ lụt chùa bị cuốn trôi. Hiện nay hồ có nhiều loại cá to diện tích mặt nước có thể khai thác du thuyền và câu cá.

+ *Chùa Tam Giáo*

Chùa được xây dựng dưới chân núi, ở đây có một suối nước chảy từ lòng núi ra, tương truyền dòng suối này mỗi ngày chảy ra hai bát gạo và hai đồng tiền đủ cho nhà sư sinh sống. Sau có kẻ tham bit chuyện đã đục cho miệng suối rộng ra từ đáy gạo, tiền không chảy ra nữa.

Trong thời kỳ kháng chiến chống pháp chùa là căn cứ hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Trung ương và tỉnh, chùa từng là kho tiếp liệu của công binh xưởng liên khu III lại vừa là văn phòng thường trực liên khu III những năm 1947- 1950. Trên đường từ đền Tiên Ông đến chùa Tam Giáo trước đây có rất nhiều hang động đẹp, đến nay do biến động của thiên nhiên, do sự khai thác của con người, nhiều hang động đã bị phá hủy.

+ Chùa Kiêu, Chùa Bà, Chùa Dâu, Chùa Cả, Chùa Bông, Chùa Vân Mộng

Tất cả những ngôi chùa trên từng tạo thành một quần thể vừa linh thiêng vừa là danh thắng đẹp mắt. Tiếc rằng cho đến nay 6 ngôi chùa kể trên đều không còn, chùa đã bị san bằng, có chùa chỉ còn lại nền móng.

Cách chùa Tam Giáo 150m đi ngược lên đnhỉ núi là chùa Kiêu. Chùa Kiêu nằm trên đỉnh núi cao, từ đây có thể bao quát một vùng rộng lớn pvia đông nam xã Tượng Lĩnh. Hiện nay chùa chỉ còn nền móng và một động nhỏ rộng 10m vuông. Dọc đường có 3 tấm bia khắc vào vách núi. Bên cạnh động có khối đá vuông mặt nhẵn nhịu trên có ghi chữ Hán “ Nhật Nguyệt trường quang”. Tục truyền ngày xưa cứ đêm trăng sáng, Tiên Ông cùng ngôi đánh cờ với các quan trời.

Từ chùa Kiêu vượt qua đường đèo và 3 thung lũng qua 5 ngọn núi là đến chùa Vân Mộng. Tương truyền chùa Vân Mộng là nơi thiền sư Nguyễn Minh Không đã từng tu hành và trụ trì

Chùa Vân Mộng nằm trên sườn núi chênh vênh quỵện cùng khối mây huyền ảo xung quanh có rất nhiều hang động lớn nhỏ kỳ thú, bí ẩn có những hang sâu 30m rộng khoảng 300m vuông như hang Dơi hang Bạc, hang Vàng... Từ đây có thể đến thung Bế, thung Vạc của xã Tân Sơn. Hiện nay chùa chie còn nền móng cũ và một vài hiện vật như bia khắc vào vách núi bát hương đá, đá tảng kê chân cột. Phía tây chùa có núi Hai Quả cao chót vót lung chừng núi có hang Dơi, vì vậy ở đây có rất nhiều Dơi đến trú ngụ, có những con to như cái quạt giấy. Cửa hang hình miệng rồng, hang sâu 50m. Đặc biệt trong hang có hồ nước nhỏ, vòm hang có nhiều nhũ đá tự nhiên với hình thù kỳ lạ đẹp mắt.

Ngoài ra vùng Bát Cảnh Sơn xưa kia còn có các ngôi chùa Bà hiện nay không còn dấu tích để lại.

Địa linh nhân kiệt, Bát Cảnh Sơn không chỉ nổi tiếng là danh thắng mà còn nổi tiếng về người hiền tài. Huyện Kim Bảng có 5 nhà khoa bảng thì



Tượng lĩnh có tới 3 người. Tượng lĩnh còn được coi là nơi phát tích truyền trầu cau vì ở đây còn có suối Cau trong dãy núi đá vôi( nay gọi là suối Tân Lang) có chợ trầu ( nay là chợ Dầu). Với cảnh quan thiên nhiên kỳ thú với những dấu tích xưa còn lại quần thể Bát Cảnh Sơn nếu được khai thác đúng hướng chắc chắn sẽ trở thành 1 điểm du lịch sinh thái- văn hoá hấp dẫn trên đất Kim Bảng – Hà Nam

**- Khu danh thắng Núi Ngọc- Chùa Bà Đanh**

+ *Núi Ngọc*

Núi Ngọc nằm ở thôn Đanh, xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng- Hà Nam. Núi Ngọc cách Chùa Bà Đanh 100m về phía Bắc. Từ thành phố Phủ Lý ngược sông Đáy 7km tới bến Đanh đi tiếp 100m là đến núi Ngọc.

Quả núi nằm sát mặt sông Đáy. Núi Ngọc là một ngọn núi đá vôi trong hệ thống núi đá kéo dài từ Hoà Bình xuống hướng tây bắc đông nam qua xã Tượng Lĩnh- Khả Phong- Liên Sơn của huyện Kim Bảng. Tuy nhiên núi Ngọc nằm tách riêng, ngăn cách vệt dãy núi kia bằng con sông Đáy.

Núi Ngọc không cao lắm. Ở đây cây cối mọc nhiều, cây to cây nhỏ mọc chen nhau cành lá xum xuê do dân địa phương có ý thức giữ gìn. Trên núi có một cây si cổ thụ tương truyền có tới hàng trăm tuổi. Đứng trên ngọn núi du khách có cảm tưởng như được tách riêng biệt khỏi sự ồn ào náo nhiệt của cuộc sống hiện đại để hoà mình vào sự yên tĩnh thuần khiết của thiên nhiên với núi sông cây cỏ. Ngày nay dưới chân núi có một ngôi đền thờ một ông nghề có công với dân làng.

Nối giữa chùa Bà Đanh với núi Ngọc là một bãi rộng trồng cây lưu niên chủ yếu là vải thiều, nhãn tùy thời vụ có xen ca ngô lúa. Nằm hoà toàn biệt lập với khu dân cư trên núi, dưới sông gần đền, gần chùa núi Ngọc quả là một thắng cảnh của đất Kim Bảng một địa điểm du lịch đầy hấp dẫn.

+ *Chùa Bà Đanh*

Chùa Bà Đanh còn được gọi là Bảo Sơn Tự, nằm ở thôn Đanh, xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam. Từ thành phố Phủ Lý qua cầu Hồng Phú, theo đường 21, đến cây số 7, qua cầu Quế, đi thêm 2km là đến chùa.

Cũng như các ngôi chùa khác chùa Bà Đanh thờ Phật, song ở chùa Bà Đanh ngoài tượng Bồ Tát còn có tượng của Thái Thượng Lão Quân, tượng Nam Tào, Bắc Đẩu và các tượng của tín ngưỡng Tứ Phủ, một tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Có tượng của hệ thống Tứ Phủ vì chùa thờ Tứ Pháp. Sự tích Tứ Pháp với các bà mẹ Mây (Pháp Vân), Mưa (Pháp Vũ), Sấm (Pháp Lôi), Chớp (Pháp Điện), như là sự hỗn dung Phật giáo với tín ngưỡng dân gian bản địa đã được chép trong Truyện Man Nương của Lĩnh Nam chính quái (Trần Thế Pháp thế kỉ XIV Vũ Quỳnh- Kiều Phú, 1942).

Câu chuyện về gốc tổ Tứ Pháp được hình thành từ mẹ Man Nương đã lan truyền khắp vùng đồng bằng Bắc bộ và cũng được lưu hành ở đây. Người dân Kim Bảng tin rằng, từ khi thờ Tứ Pháp, vùng Bắc Ninh được mưa thuận gió hoà, phong dưỡng hoà cốc, mùa màng bội thu. Do vậy, họ bèn họp nhau lên xứ bắc để xin chân nhang về thờ. Các làng Vân Lâm, Đặng Xá, Vân Châu, Bàu thôn, Bài lễ... đã xin chân nhang tạc tượng Tứ Pháp để thờ, từ đó tục thờ Tứ Pháp được lan truyền ở các xã vùng ven sông Đáy tỉnh Hà Nam.

Dân làng Đanh cũng đang có ý định xin chân nhang ở Bắc Ninh về thờ thì xảy ra một câu chuyện lạ. Địa phương còn lưu hành một truyền thuyết sau: Trước đây, ở vùng này luôn gặp mưa to, gió lớn nên việc sản xuất gặp nhiều khó khăn, mùa màng thất bát gây ra cảnh đói kém triền miên. Cho đến một hôm một cụ già cao tuổi trong làng nằm mộng thấy một người con gái trẻ trung, xinh đẹp, đoan trang khuôn mặt phúc hậu, vàng trán và đôi mắt thông minh hiện ra nói rằng: Ta được thần cho về đây để chăm nom và chỉ khu rừng đầu làng làm nơi dựng chùa. Nơi ấy bấy giờ là vạt rừng rậm rạp, có nhiều cây cổ thụ, sát bờ sông là một hòn núi nhỏ, nhô mình ra mặt nước, trong rừng rộn rã tiếng chim, quang cảnh thật là thần tiên.

Ngôi chùa ban đầu được xây dựng tranh tre nứa lá đơn sơ, đến năm Vĩnh Trị, đời Lê Hy Tông, khu rừng mới được mở mang quang đãng để xây lại chùa cho khang trang. Khu vực này cấm người dân làm nhà ở nên cảnh chùa càng thêm trang nghiêm, vắng vẻ. Ngôi chùa được xây dựng ít lâu thì có một cây mít cổ thụ ở quang chùa bỗng rụng bị gió to quật đổ. Dân làng đã dẫn lấy gỗ để tìm thợ về tạc tượng.

Bỗng nhiên có một khách thập phương tìm đến chùa nói rằng mình làm nghề tạc tượng và được báo mộng đến đây. Người khách tả hình dáng và dung nhan người con gái đã báo mộng thì thấy giống hệt vị thần đã báo mộng cho cụ già trong làng. Năm ấy gặp mùa mưa lũ, nước sông dâng cao tạc tượng gần xong thì dưới bên nước trước chùa có vật lạ, nửa nổi, nửa chìm, không trôi theo dòng nước, đẩy ra mấy lần lại trôi trở lại. Thấy chuyện lạ, dân làng vớt lên xem thì hoá ra đó là một cái ngai bằng gỗ bèn rước ngay vào chùa. Thật lạ lùng pho tượng tạc xong thì đặt vừa khít vào ngai. Từ đó trong vùng mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, tiếng đồn thánh Bà Bảo Sơn linh ứng lan truyền khắp nơi, khách thập phương về lễ rất đông. Những người làm nghề sông nước xuôi ngược qua đoạn sông này gặp mưa lũ đều lên chùa thắp hương cầu mong yên ổn.

Truyền thuyết này có đôi nét gần gũi với truyền thuyết Man Nương những chi tiết như cây gỗ trôi sông (Truyện Man Nương) và ngai gỗ trôi sông (truyền thuyết về Bà Đanh), ở bản chất của vị thần cả hai nơi thờ đều là nữ thần nông nghiệp. Ngoài ra, ở truyền thuyết về Bà Đanh ta còn thấy bóng dáng của tục thờ thần sông nước của nhân dân vùng ven sông Đáy.

Chùa quay mặt ra hướng nam mạn sông Đáy. Phía ngoài cùng, giáp với đường đi và gần bờ sông là cổng tam quan của chùa. Công trình này được tôn cao vượt hẳn lên năm bậc và hai đầu xây bít đốc. Tam quan có ba gian, hai tầng. Tầng trên có hai lợp mái, lợp bằng ngói nam xung quanh sàn gỗ hàng lan can và những chấn xong, con tiện, tầng này sử dụng làm gác chuông, ba

gian dưới có hệ thống cánh cửa bằng gỗ lim. Phía ngoài cửa hai bên là hai cột đồng trụ được xây nhô hẳn ra. Trên nóc tam quan đắp một đôi rồng trầu vào giữa. Hai bên cổng chính là hai cổng nhỏ có tám mái, cửa phía trên lượn cong hình bán nguyệt. Ngày thường, khách ra vào lễ chủ yếu đi bằng cửa bên này, chỉ khi nào nhà chùa có đại lễ thì cửa chính ở giữa mới được mở.

Qua cổng tam quan là khu vườn hoa, sân lát gạch, hai dãy hành lang hai bên. Nhà bái đường có 5 gian, hai đầu xây bít đốc, lợp ngói nam. Nhà trung đường 5 gian hai đầu xây bít đốc, lợp ngói nam, cửa đức bàn nối liền với toà bái đường. Nhà thượng điện có 3 gian, hai bên xây tường bao, phía trước là hệ thống cửa gỗ lim. Lòng nhà ở đây so với khu bái đường và trung đường thì hẹp hơn nhưng được xây cao hẳn lên. Nằm về phía tây khu chùa là khu nhà ngang gồm năm gian, ba gian vừa dùng làm nơi thờ các vị tổ đã trụ trì ở đây, hai gian đầu hồi được ngăn thành 2 gian buồng làm nơi ở cho người tu hành. Đằng trước nhà tổ là một sân gạch, phía ngoài là khu vườn để trồng hoa với cây lưu niên. Phía đông của khu chùa là phủ thờ Mẫu làm giáp với dãy trung đường. Toàn bộ khu vực chùa có tường bao quanh.

Chùa Bà Đanh là một hệ thống tổng thể bao gồm nhiều công trình với 40 gian nhà. Theo nhân dân địa phương cho biết thì ngôi chùa đã được xây dựng từ lâu đời nhưng được trùng tu nhiều lần. Các công trình còn lại đều được xây dựng từ thế kỷ XIX trở lại đây.

*\*Giá trị kiến trúc điêu khắc dân gian của chùa Bà Đanh*

Xưa nay khi nhắc tới chùa Bà Đanh, người ta thường hiểu đó là ngôi chùa có cảnh quan sơn thủy hữu tình, thanh u, cô tịch và linh thiêng nổi tiếng một thời. Chùa có vẻ đẹp cổ kính, thâm nghiêm vào loại hiếm có của tỉnh Hà Nam.

Chính giữa hệ thống của bức bàn bằng gỗ lim của tầng dưới tam quan có bức chạm ngũ phúc (5 con dơi ngậm chữ thọ). Ở mỗi cột trụ được thiết kế nhô hẳn ra phía ngoài hai tường bên, nghệ nhân xưa đều đắp nổi tường hình tứ linh: long, ly, quy, phượng theo thể đối xứng, cầu kỳ, uyển chuyển. Trên

nóc tam quan có đắp một đôi rồng châu mặt nguyệt bằng vôi cát và mảnh sứ, mang phong cách rồng thời Nguyễn. Đáng chú ý nhất ở tam quan là đôi rồng đá và đôi hồ đá được bố trí dọc theo hai bên bậc lên xuống, theo thế đối xứng, châu vào nhà Bái đường. Nếu so với tượng đôi rồng châu mặt nguyệt trên nóc tam quan, thì tượng đôi rồng đá dưới chân trong tam quan được trở đơn giản, hiền lành hơn, còn phẳng phát bóng dáng con rắn, chứ chưa mang hình kỳ đà. Tương tự như thế, đôi hồ đá ngồi chệch 45 độ phía sau, cũng được chạm trở đơn giản, hiền lành, không dữ tợn như tượng ngũ hồ các nơi thờ khác. Đây là những di vật thuộc loại quý hiếm đầy chất dân gian rất cần được bảo vệ.

Gần như toàn bộ nghệ thuật kiến trúc và nghệ thuật chạm khắc của ngôi chùa tập trung thể hiện ở nhà bái đường - nơi hành lễ thường ngày của các nhà sư và các phật tử. Nhà bái đường năm gian, khung gỗ lim, đầu hồi bít đốc và cũng đắp nổi hai con rồng. Quan sát từ giữa sân gạch, người ta sẽ thực sự hứng thú khi được chiêm ngưỡng hệ thống tượng đắp nổi theo đề tài “Tứ long châu mặt nguyệt” trên nóc nhà mái đường. Cả bốn con rồng, từ kiểu dáng thân hình uốn lượn, đến mắt, râu, vuốt, vây đều rất sinh động, uyển chuyển, mà cũng rất dữ dội, tưởng như đang vờn nhau, bay lượn trong khoảng không bao la. Phong cách rồng thời Nguyễn thể hiện ở đây rất đậm nét.

Đầu hai dãy hành lang và liền với nhà bái đường là hai cột trụ cao vút, sừng sững, uy nghi. Trên mỗi cột đều đắp nổi hình tứ linh: long, ly, quy, phượng theo thế đối xứng, gợi cảm giác hài hoà, cân đối, vững bền. Từng đường nét của hình long, ly, quy, phượng đều toát ra vẻ tỷ mỹ, đông phu, tài hoa của các nghệ nhân xưa. Tài năng chạm khắc của nghệ nhân xưa thể hiện trên sáu cột cái của toà nhà này. Vì kèo thứ nhất (tính từ Tây sang Đông) một mặt áp tường, chạm mặt hồ phù, trúc hoá long, hoa hồng, quả đào, quả lựu.

Vì kèo thứ hai, mặt trước chạm “Ngũ phúc” (năm con dơi), hoa mai, hoa hồng dàn tranh, bút lông quả và bầu rượu, mặt sau chạm (ngũ long tranh châu), hoa hồng, hoa lan, mai hoá. Vì kèo thứ ba, mặt trước chạm “Tứ linh”

(long, ly, quy, phượng), “Tùng mã” (tùng và ngựa), “Mai điều” (hoa mai và chim), quả giang chạm đàn tranh, đàn nguyệt, phách, mặt sau, chạm “Tứ linh”, bầu rượu, cuốn thư. Vì kèo thứ tư, mặt trước phía trên chạm “Lưỡng long châu nguyệt”, phía dưới chạm “Tứ linh”, quả giang: chạm hoa hồng cây tùng, cuốn thư, kim tiền, đàn và sáo. Vì kèo thứ năm, mặt trước chạm mặt hồ phù, nghệ châu hai bên, mai hoá, quả giang chạm: quả đào, phật thủ, quả lựu, hoa hồng, cuốn thư và con dơi, mặt sau: chạm “Ngũ phúc”, quả đào, hoa hồng, cuốn thư. Vì kèo thứ sáu, (một mặt áp tường) chạm mặt hồ phù, thông hoá long, trúc hoá long, trên quả giang chạm quả đào, mai, trúc, nho, lựu, đào mai, quạt vải. Ngoài sáu vì kèo còn có sáu cột cái bằng gỗ lim, đứng giáp ranh giữa nhà Bái đường và nhà Trung đường. Trên mỗi thân cột đều chạm chìm hình rồng leo châu vào ban thờ ở giữa gian thứ ba với các nét chạm rất tinh xảo.

Về mặt đề tài, nếu là động vật, thì nghệ nhân đắp nổi hay chạm theo đề tài: “Tứ long” (long, ly, quy, phượng), “Ngũ phúc” (năm con dơi), “Lưỡng long châu nguyệt”, “Ngũ long tranh châu”, “Tứ long châu mặt nguyệt”, nếu là thực vật, thì có các đề tài: “Tứ quý” (Tùng, cúc, trúc, mai), “Bát quả” (đào, nho, lựu, vả, phật thủ), nếu là thực vật kết hợp, thì các đề tài: “Mai điều” (Hoa mai và chim), “Tùng mã” (cây tùng và ngựa), “Trúc hóa long”, “Thông hoá long”... Ngoài ra, còn có đề tài quen thuộc như đàn tranh, đàn nguyệt, phách, sáo, bút lông, bầu rượu, quạt quả vả mà dân gian vẫn hiểu là “Bát bảo” (tám loại quý). Trong quá trình sáng tạo, nghệ nhân xưa đã kết hợp thể hiện những đề tài ước lệ tượng trưng của nghệ thuật mang tính cung đình (“Tứ linh”, “Ngũ phúc”, “Lưỡng long châu nguyệt”, “Ngũ long tranh châu”, “Mai điều”, “Tứ quý”, “Tùng mã”) với những đề tài thuộc nghệ thuật dân gian như “Ngũ quả”, “Bát quả”, đàn, sáo, nhị, phách. Lối thể hiện phối hợp khéo léo giữa lối chạm nổi, chạm long với lối chạm chìm. Tất cả đều được cách điệu hoá mà vẫn có hồn, sinh động.

Trong nhà thượng đường của chùa Bà Đanh, có nhiều tượng thờ như tượng Tam thế, tượng Ngọc Hoàng và Thái thượng Lão Quân, tượng Bà chúa Đanh. Có thể coi pho tượng Bà Đanh là một trung tâm của chùa. Tượng được tạc theo tư thế toạ thiền trên chiếc ngai đen bóng ( chứ không phải là toà sen), với khuôn mặt đẹp, hiền từ đầy nữ tính, gần gũi và thân thiết, chứ không có dáng vẻ siêu thoát, thần bí như các tượng Phật khác. Sự hài hoà giữa pho tượng và chiếc ngai tạo nên vẻ hấp dẫn của nghệ thuật điêu khắc chùa Bà Đanh.

**-Khu danh thắng Đền Trúc- Ngũ Động Sơn**

*+ Đền Trúc*

Đền Trúc nằm trong khu danh thắng Đền Trúc- Ngũ Động Thi Sơn, thôn Quyền Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng.

Từ thành phố Phủ Lý theo quốc lộ 21, đến cây số 8 ( hoặc theo đường thuỷ thì cũng từ Phủ Lý ngược thuyền sông Đáy 8km) là tới khu danh thắng Đền Trúc. Khu danh thắng này rộng 10 ha, có phong cảnh thiên nhiên hữu tình, có núi non trùng điệp, rừng trúc nên thơ. Đến đây bạn sẽ được chiêm ngưỡng muôn hình kỳ lạ của nhũ đá và nghe thấy những bản hoà tấu của gió của đá trong một “ sân khấu” thiên nhiên đầy huyền ảo.

Đền Trúc nằm lặng lẽ bên bờ sông Đáy, ngay dưới chân núi Thi Sơn, với phong cảnh Ngũ Động kỳ thú. Sở dĩ có tên là Đền Trúc là bởi vì xưa kia xung quanh đền là một khu rừng trúc rậm rạp rộng tới hàng chục mẫu. Ngày nay, rừng trúc không còn nữa nhưng bao quanh đền vẫn còn một lớp trúc khá dày.

Nếu đi thuyền đến đền thì phải đi qua hơn chục bậc bằng gạch mới lên tới cổng đền. Cổng đền gồm 4 cột đồng trụ, 2 cột chính ở giữa hai cột nhỏ ở hai bên. Hai cột chính cao trên 6m được chia thành 3 phần: phần dưới là một khối chữ nhật, các mặt đều có gờ chỉ tạo thành những khung cân đối.

Chữ được nhấn chìm vào trong vữa tường. Trên phần này là một khối vuông, bốn mặt hình tứ linh và trên cùng là một đôi nghê đắp cân đối, dáng vẻ quay mặt vào nhau. Qua một sân gạch rộng trên 10m là đến nhà tiền đường. Công trình này gồm 5 gian xây cao trên mặt sàn được đặt thành 3 cấp, 2 đầu hồi bít đốc. Mặt đằng trước hai đầu hồi xây sát tường phía ngoài từ tàu mái đến thềm chính giữa để một cửa sổ hình chữ thọ. Ba gian giữa là hệ thống cửa gỗ được là vào sát hàng cột quan. Tường đầu hồi và cả hai phía đằng trước xây nhô ra, phía ngoài cùng được xây dựng cùng phong cách với nhà tiền đường: xây bít đốc, khung gỗ lim, kéo giá chiêng và lợp ngói nam. Ngăn cách



giữa nhà tiền đường với hậu cung là một khoảng sân hẹp có tường nối nhà bán mái với bể non bộ.

Đền Trúc được tu sửa nhiều lần, lần cuối cùng vào những năm đầu của thế kỷ XX. Hiện nay đền còn lại toà tiền đường và hậu cung. Ở toà tiền đường, những mảng chạm khắc trong kiến trúc ở đền Trúc tại những phần chính chỉ là những nét điểm xuyết. Đó là những chiếc lá lật, những cụm mây tỏa ở trên các kẻ, các con rường, là những chiếc đầu đỡ các trụ được chạm những hình cánh sen bao quanh. Riêng ở hai vì kéo giáp hồi tại phần chông rường nằm giữa cột cái và cột quân được chạm khắc toàn bộ với đề tài tứ linh. Bao trùm lên toàn bộ bức chạm là con rồng thân uốn lượn bay trong mây và chiếm tới một nửa diện tích, nằm gần chon vẹn ở phía trên. Chính giữa là một đầu rồng nhô ra từ trong một đám mây. Với nổi diễn tả hai mặt vừa nhìn từ trên xuống đồng thời từ một phía bên trong vào, người xem không chỉ thấy rõ độ lớn của thân mà còn hình dung ra độ dài của con vật linh thiêng. Con rồng như đang bay trên mây và những cụm mây cũng như đang bay trên bầu trời. Không gian và sinh vật đều ở trạng thái động. Trong một mảng rất đẹp, bằng những nét chạm phóng khoáng mềm mại cùng với bố cục hợp lý, nghệ nhân dân gian đã tạo nên một không gian vừa có chiều sâu lẫn cả chiều rộng.

Trên một con rường dài nhất nằm dưới cùng là hình ảnh ba con vật còn lại của bộ tứ linh được bố cục từ trái sang phải. Con rùa ở dưới nước, con lân sống trên mặt đất và con phượng đang tung bay. Ba con vật tiêu biểu sống trong ba không gian tiêu biểu: Đất, nước, bầu trời, đó là biểu tượng thiêng liêng của thiên nhiên trong quan niệm của dân gian. Hậu cung có khung và hệ thống cửa được làm bằng gỗ lim, phía trên cửa được chạm khắc đề tài tứ quý với những đường nét mềm mại và hài hoà.

Đền Trúc thờ vị an hùng dân tộc Lý thường Kiệt, phía trước nhìn ra bờ sông, phía sau thờ Mẫu hậu và công chúa rất linh.

Đền Trúc nằm ở cửa ngõ đồng bằng Bắc bộ theo đường núi hoặc đường sông đều có thể đi vào vùng núi non trùng điệp Hoà Bình Tây Bắc... Gần đền còn có chùa Bà Đanh được tiếng linh thiêng và Ngũ Động Thi Sơn gồm năm động liên hoàn ( có động lớn chứa được hàng ngàn người), nằm trong dãy núi Cấm, đã đi vào thơ ca Việt Nam từ xa xưa. Trên núi này có một loài cỏ tên là cỏ thi, ai tìm được vào giờ chính Ngọ tức là tìm được huyết quý, không thành đế vương thì ít ra cũng đỗ đạt hiển vinh. Ngành du lịch Hà Nam đang đầu tư lớn vào khu vực này với hy vọng sẽ thu hút được nhiều khách du lịch.

+ *Ngũ Động Sơn*

Ngũ Động Sơn thuộc xã Thi Sơn huyện Kim Bảng. Từ thị xã Phủ Lý đi ngược thuyền sông Đáy 8km là đến đông, hoặc từ Phủ Lý qua cầu Hồng Phú theo quốc lộ 21, đến cây số 8 là tới cửa động.

Ngũ Động Sơn là năm hang nối liền nhau tạo thành một dãy động liên hoàn, có chiều dài hơn 100m trong một lòng quả núi. Núi này có tên là núi Cuốn Sơn ( Quyển Sơn) vì liên quan tới truyền thuyết về lá cờ của Lý Thường Kiệt bay lên núi và cuộn lại trên núi. Núi còn có tên là Cấm Sơn vì núi này rất thiêng, không ai dám động vào một cây cỏ, cành khô trên núi, tương truyền trên núi có cỏ thi để chữa bệnh nên núi còn gọi là núi Thi Sơn. Hang Ngũ Động nằm trong lòng núi Cấm thuộc địa phận xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng.

**-Đền Ba Dân**

Đền Ba Dân thuộc thôn Thụy Sơn, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng. Xưa đền là của chung 3 xã (Thụy Lôi Hạ, Hồi Trung và Trung Hoà) nên còn gọi là đền Ba Xã.

Được xây dựng vào thế kỉ thứ X, trải qua nhiều lần tu sửa, lần gần đây nhất là vào thế kỷ XX. Đền Ba Dân tọa lạc áp sát chân núi Ngụy, biệt lập làng xóm chừng 500m. Trong núi có nhiều hang động với nhiều thạch nhũ đẹp mắt. Tại đây còn có ngôi chùa gọi là Hương Đài Động Tự (Chùa Động Hương Đài), theo truyền thuyết lúc sinh thời, Đinh Nga và mẹ ông thường

hay vào đây lễ phật. Khi ông mất, nhân dân địa phương tránh tên huý của mẹ ông nên đổi tên núi Ngụy thành núi Ngựa. Xung quanh đền có nhiều cây cổ thụ hàng trăm tuổi khiến công trình và cảnh quan hoà nhập với nhau tạo nên sự kỳ thú và hấp dẫn.

Đền Ba Dân nay vẫn còn lưu giữ khá nhiều đồ thờ cổ tự cổ thư quý hiếm có giá trị nghệ thuật điêu khắc như kiệu bát cống, Hương án, Đại tự, hoành phi, quán tỳ, long ngai. Cổ long ngai có ở chính tâm tương đối lớn, được tạo dáng công phu và sơn son thiếp vàng lộng lẫy, đặt trong một cỗ và phần lưng ngai chạm rồng châu, rồng leo, rồng cuốn khúc cùng các hoạ tiết vân án quần quýt sinh động... Một số di vật khác như cặp sấu đá trên mình điểm vẩy như rồng, chân tạo các hoạ tiết lá đề, là hoạ cách điệu.

Kiến trúc chạm khắc ở Đền Ba Dân phản ánh sự chuyển tiếp giữa hai phong cách tạo hình hậu Lê và đầu Nguyễn. Các mảng chạm khắc trên hệ thống vì kèo, mê côn trên các đồ thờ tự có giá trị nghệ thuật cao là di sản văn hoá quý giá rất đáng tự hào của nhân địa phương.

Đền Ba Dân được Bộ văn hoá thông tin xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá cấp quốc gia, gần các danh lam thắng cảnh nổi tiếng của huyện Kim Bảng thuận tiện cho tour du lịch của du khách.

### **-Chùa Quế Lâm**

Chùa Quế Lâm thuộc thôn Vân Lâm- thị trấn Quế, nằm trên địa bàn cổ có bề dày lịch sử văn hoá. Mảnh đất này phía tây có hệ thống “Bát Cảnh” là tám cảnh đẹp nổi tiếng, xa xưa các bậc đế vương thường ghé thăm, thưởng ngoạn, đề thơ ca ngợi. Phía tây nam là dòng sông Đáy lịch sử hiền hoà uốn lượn, cùng với đồng ruộng, đầm hồ, làng mạc tiềm ẩn vẻ đẹp kỳ thú, hào hứng trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Quế Lâm đã từng trải qua phong ba nên công trình, quý danh cũng như địa điểm chùa cổ không còn nữa. Ở thời Lê chùa có tên gọi là Pháp Vân, sau lại gọi là “ Vân Lâm Tự” theo địa danh quê hương. Thế kỷ XIX đổi thành

chùa Khánh Vân, đầu thế kỷ XX gọi là chùa Cảnh Khánh và cách gọi dân gian là chùa Bến (vì chùa ở đây gần bên đò sông Đáy). Nhưng cổ tự Quế Lâm cũng đã bị chuyển dịch, thậm chí còn bị huỷ hoại, bị hư hỏng nhiều lần. Trên vị trí hiện tại, công trình cũng trải qua nhiều lần tu sửa biến đổi, kể cả quá trình mà nhân dân địa phương cũng như thập phương phát tâm công đức phục hồi bái đường, tam quan chùa vừa qua để bảo tồn di sản văn hoá chốn tâm linh ngàn xưa để lại.

Công trình chùa Quế Lâm thờ phật, với phật pháp “ Tam Thân” biểu tượng ba giai đoạn tu hành; quá khứ, hiện tại, vị lai của đạo phật. Quá khứ là thời kỳ tu hành khổ hạnh, hiện tại tức thời kỳ phật đang ngự trị để hướng thiện cho đời giúp cho mọi người phấn đấu đến đỉnh cao ấm no hạnh phúc. Sau đó là giai đoạn được toại nguyện( vị lai), phải chăng phật pháp “Tam Thân” là bài học răn đời, khuyến khích mọi người phấn đấu tu luyện để đạt đỉnh cao trong cuộc sống.

Theo ngọc phả trên thì từ ngày nhân dân Vân Lâm tạc tượng thờ Đại Thánh Pháp Vân Phật, mọi sự trong thôn đều được an bình, mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, nên nhiều nơi trong vùng biết tiếng, họ kéo nhau về làm lễ tham gia tổ chức lễ hội lớn để kỷ niệm ngài thành lập miếu, tạc tượng thờ. Một số địa phương xung quanh Vân Lâm như Đông Xá, Bài Lễ, Vân Châu thấy sự an linh cũng tiếp tục lập miếu tạc tượng thờ như Vân Lâm.

Tục thờ Đại Thánh Pháp Vân phật tại chùa Quế Lâm được các thế hệ các dòng họ trong thôn xã duy trì trân trọng. Được các triều đại ban sắc phong tặng, tôn làm thượng đẳng phúc thần. Các bậc quan chức dưới thời phong kiến, các văn thần sỹ tử đến văn cảnh chiêm bái đều tỏ lòng thành kính để thờ dâng câu đối thờ. Nhà thơ Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến cũng đã cùng phu nhân về đây tiến cúng 80 quan tiền xanh và một mẫu ruộng vào cửa tam bảo. Nhân dân địa phương, nhân dân các phủ huyện cũng tiến cúng tiền và hàng chục mẫu ruộng vào cửa tam bảo Quế Lâm.

Cổ tự Quế Lâm không còn bụi thời gian thuỷ tai đã làm mất đi những công trình buổi nguyên sơ. Ngôi chùa Quế Lâm mà Hoàng Đế Trần Nhân Tông tới vãn cảnh đề thơ, quan Hành Khiển Trương Hán Siêu đến tham và thổ lộ tâm tình đã đi vào dĩ vãng. Thế kỷ 15,16,17,18 cổ tự Quế Lâm cũng được tu sửa trang hoàng, mở mang nội tự, tam bảo. Sang thế kỷ XIX vào triều Minh Mệnh thứ 15 (1834) công trình lại được sửa sang, đầu thế kỷ XX chùa được thay đổi một số cấu kiện bằng đá. Tuy công việc còn nhiều, nhưng hiện tại công trình đã là một hệ thống hạng mục chủ yếu của cảnh chùa. Đó là ba toà bái đường, đệ nhị cung, tam bảo làm theo kiểu “ Tiền chữ Nhật, Hậu chữ Đinh”. Phía trước công trình có hệ thống tam quan kiểu chông diêm khá đẹp mắt.

Công trình tam quan, nơi được tái tạo trên cơ sở nền móng cũ vào cuối năm 1994. Tam quan có ba bộ mái cong làm kiểu chông diêm hai tầng, làm duyên cho ba cửa “giả quan”, “trung quan”, “ vô quan”. Đây là ba cửa thật nhưng lại không như triết lí nhà phật: “sắc sắc, không không” ( có có ,không không), có nghĩa là phật ở tại tâm hoặc “phật tức tâm”, “ tâm tức phật”.

Tam quan có đường nét cong cong duyên dáng, có các đường mây tản ở góc đao, kim nóc. Đã hoà đồng với cảnh trí, trời mây, sóng nước trên hồ, đã có sự gọi cảm đối với người qua đây. Và đây cũng là niềm vui của ba con quê hương, khi đứng từ xa nhìn thấy chùa cổ.

*“ Cổ miếu trang thành tân cảnh sắc*

*Trung khu phụng sự cựu quy mô”*

(Đền cũ điểm tô màu sắc mới,

Khu trung thờ phụng theo nếp xưa.)

Phía ngoài tam quan có hệ thống cây lưu niên, tạo vẻ tĩnh mịch thiên môn. Công trình cây cảnh hoà đồng, được soi bóng trên hồ nước làm cho cảnh chùa Quế Lâm đậm vẻ thiên va u tịch như có sức mạnh cuốn hút nhân tâm, đồng thời làm tăng thêm nét hữu tình cho cho một làng quê thi vị.

Từ những giá trị lịch sử, giá trị kiến trúc mỹ thuật đáng được trân trọng. Chùa Quế Lâm thị trấn Quế - Kim Bảng- Hà Nam đã được Bộ văn hoá thông tin ký Quyết định số 310 QĐBT ngày 13-03-1996 công nhận chùa là di tích cấp quốc gia và cấp bằng di tích lịch sử văn

### **-Hồ Tam Chúc**

Đến với nơi đây ngoài việc tham quan một hệ thống các điểm du lịch tự nhiên nổi tiếng như: Thung Vạc- Thung Trúng, Thiên Cung Đệ Nhất Động, Hang Dơi và một cánh rừng rộng lớn thì du khách còn được thưởng thức thú ẩm thực đặc sắc từ các nguồn của núi rừng Ba Sao, của Tiên Lục Nhạc và sông hồ. Quần thể sinh thái, thảm thực vật đa dạng ở các rừng núi thấp, các sườn đồi tạo nên không khí trong lành để du khách dạo chơi, ngắm cảnh. Các loại cây gỗ quý như: Lim, sến, táu, chò chỉ..., các loại cây ăn quả như: Cam, nhãn, vải, mận, đào... không chỉ là sản phẩm quý mà còn là ngôi nhà của các loài chim, động vật sinh sống.

Ngoài cảnh quan núi rừng sinh động đó du khách còn được ngắm nhìn các loài động vật, thực vật trong hồ Tam Chúc. Từ trên cao nhìn xuống du khách có thể thấy sáu quả núi độc lập quần tụ và đứng hài hoà giữa hồ đó chính là các núi: Núi Ngao, Núi Xếp Vàng, Núi Đền, Núi Giữa Đồng, Núi Tam Chúc và Núi Trọng Đũa, tất cả như sáu nốt nhạc trong khuôn nhạc, chúng tựa như những mâm xôi dùng để tế bảy ngôi sao trên bảy đỉnh núi. Thật không ngoa khi có người mệnh danh hồ Tam Chúc là “ Hạ Lang cạn” của Kim Bảng. Phía sau hồ có cánh rừng trúc và bảy ngọn núi cao, đó là Thất Tinh. Có lẽ vì thế mà người ta gọi đó là Tiên Lục Nhạc - Hậu Thất Tinh. Trong núi bảy ngọn có 3 động thiên tạo được gọi là Tam Thai. Trên núi, nhiều loài thực vật chen nhau mọc tầng tầng lớp lớp dưới những tán cây cổ thụ. Các loài chim quý từ nhiều nơi về đây làm tổ, bay nhảy và hót véo von. Sự kết hợp hài hoà, tự nhiên của sơn thủy đó đã tạo thành nên một trong những vùng đất đẹp và hữu tình nhất của trấn Sơn Nam xưa.

Nguồn nước trong hồ được tụ từ các thác trên núi cao đổ xuống, rồi chảy vào con sông rộng 20-30m dài 3km dẫn ra sông Đáy. Mặt hồ phẳng, xanh biếc màu sen, những bông sen trắng toả hương thơm ngát khắp vùng. Nước hồ trong vắt từng đàn cá tung tăng bơi lội, có thể nhìn thấy từng gốc sen, ngó sen, rong xanh tươi tốt. Ở đây có một loài cá quý, người dân địa phương gọi là cá Chối, giống như cá quả, rất khó bắt bởi chúng thường nằm sâu trong bùn hàng mét. Loài cá này rất bổ, thịt máu trắng thơm ngon như mùi cơm tấm.

Mùa đông chim Sâm Cần từng đàn bay về trú ngụ. Từ xưa loài chim này đã được người ta dùng làm lễ vật tiến vua. Trọng lượng nhỏ khoảng 1kg mỏ đỏ, chân đỏ, lông đen, trong rất đẹp mắt. Quần thể du lịch sinh thái hồ Tam Chúc xã Ba Sao là điểm du lịch sinh thái có giá trị lớn của huyện Kim Bảng nói riêng và của tỉnh Hà Nam nói chung.

#### **2.1.2.2. Lễ hội – Phong tục tập quán**

##### **- Lễ Hội**

#### **Bảng 2: Bảng danh sách các lễ hội quan trọng trong năm của huyện Kim Bảng**

*(Nguồn: Phòng văn hoá thông tin huyện Kim Bảng)*

STT	Tên lễ hội	Thời gian (Tính theo âm lịch)	Địa điểm	Nội Dung
1	Hội Đền Trúc	06/01-10/02	Ngũ Động Sơn xã Thi Sơn	Hát Dặm, bơi chải tưởng nhớ công ơn Thái úy Lý thường Kiệt
2	Hội Đền Ba Dân	8,9,10/02	Xã tân Sơn	Thờ tướng Đinh Nga, tế lễ, đấu cờ
3	Hội Đình Thượng	06/05	Xã Thanh Sơn	Thờ Nguyễn Khôi, Tế lễ, Rước Kiệu
4	Lễ Hội Đình Vân Lâm	06/11,15/12	Thị trấn Quế	Tưởng nhớ công lao 2 vị Tản Viên Thánh và Cao Sơn Đại

				Vương
5	Lễ hội đền Thánh Ông	15/06	Xã Tượng Lĩnh	Hội tế, rước tượng Thánh và tượng Phật
6	Lễ hội Chanh Thôn	05/08,05/11	Xã Đặng Xá	Tưởng nhớ công lao, cầu mong mưa thuận gió hoà
7	Lễ hội làng Thanh Nộn	04-10 tháng giêng	Xã Thanh Sơn	Tế cáo, Rước kiệu, đấu cờ tướng
8	Hội vật phương nam	22-29 tháng giêng	Xã Đặng Xá	Rước kiệu, Vật võ, đấu cờ

*+ Lễ hội Đền Trúc*

Đền Trúc nằm ở thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn Huyện Kim Bảng, Hà Nam. Đền Trúc thờ danh tướng Lý Thường Kiệt. Hàng năm nhân dân Quyển Sơn ở cửa đền mở hội từ ngày mùng 1 tháng giêng đến mùng 1 tháng 2 âm lịch. Lễ hội được mở vào những ngày nông nhàn nên dân quanh vùng và khách thập phương nô nức kéo về dự hội. Không gian lễ hội từ xưa mở rộng từ đình Trung đến đền Trúc, chùa thi và ven núi Cấm.

Sáng mùng 1 tháng 2 âm lịch, làng chính thức mở hội rước tượng Phật cùng bài vị thờ Lý Thường Kiệt từ đền về đình làng. Sau phần lễ là đến phần múa hát thờ. Hát dặm được biểu diễn liên tục 6 ngày. Đến sáng ngày mùng 7 lại rước tượng Phật cùng bài vị của Lý thường Kiệt về đền, hát dặm vẫn tiếp tục trong 3 ngày nữa( gọi là hát yên vị) và đến mùng 10 tháng 2 thì đóng cửa đền, vãn hội.

Múa hát dặm là lối múa hát tương truyền Lý Thường Kiệt bày cho dân trong vùng khi ông thắng trận trở về dừng lại nghỉ ở đất này. Từ đó, vào dịp hội đền, nhân dân tổ chức múa hát dặm để tưởng niệm vị anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt. Sáng mùng 1 tháng 2 âm lịch, làng chính thức mở hội rước tượng Phật cùng bài vị của Lý Thường Kiệt từ đền về đình làng.

Hội đua thuyền được tổ chức vào ngày mùng 6 tháng 2. Ngược với hát dặm, chỉ có nam giới mới được tham gia cuộc thi này. Số lượng thuyền đua



tuỳ theo từng năm, thường có 3 thuyền dự thi. Ba đội đua với trang phục có màu sắc khác nhau. Thuyền đua được đóng bằng gỗ, dài khoảng 8m, đầu và thuyền được đóng vuông. Phía trên đầu thuyền có gắn đầu rồng bằng gỗ và cắm một lá cờ hội nhỏ. Đoạn đường đua dài gần 3km trên sông Đáy. Điểm xuất phát từ trước cửa đền Trúc, đua đến chân cầu Quế rồi vòng trở lại. Mỗi thuyền gồm 18 người: 1 người lái thuyền, 16 tay chèo, 1 người gõ nhịp chỉ huy. Mỗi nhịp gõ, mỗi câu hò là một nhịp chèo tạo nên sự nhịp nhàng rất cao, khán giả đến xem cổ vũ rất đông, tiếng hò rao vang dội cả một vùng. Kết thúc cuộc thi, đội thắng cuộc sẽ nhận được phần thưởng.

Cuộc đua thuyền trên sông Đáy này mang rất nhiều tầng ý nghĩa. Ngoài ý nghĩa là một cuộc đua mang tính thể thao nó còn một nghi lễ tưởng niệm cuộc hành quân của Lý Thường Kiệt trên sông trong lần tiến phạt quân Chiêm Thành. Và cổ xưa hơn nữa, đây là là một hoạt động tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước thể hiện khát vọng thoát khỏi thiên tai lũ lụt, cầu mong mưa thuận gió hoà cho mùa màng, tốt tươi. Hơn nữa, không khí sôi nổi và cuốn hút của lễ hội đền Trúc được tạo ra từ nân múa hát thờ do các cô gái thể hiện trong sân đền và cuộc đua thuyền do nam giới tiến hành trên đoạn sông Đáy trước cửa đền chính là sự diễn tả lại không khí khải hoàn ca thắng lợi của cuộc bình Chiêm nức lòng trong lịch sử dân tộc.

Lễ hội hát dặm và đua thuyền đền Trúc là một hoạt động đầy sức sống của dân gian, ca ngợi chiến công của Lý Thường Kiệt, ca ngợi quê hương đầy ắp lịch sử, truyền thống văn hoá.

#### **-Tục thờ các vị thần nông nghiệp- phong tục**

Nằm ở phía tây nam đồng bằng Bắc Bộ, vừa là vùng đồng bằng, vừa là vùng bán sơn địa, sản xuất nông nghiệp là chính, các cư dân nông nghiệp Hà Nam cho đến nay vẫn còn lưu giữ trong đời sống văn hoá tinh thần của mình nhiều hình thái tín ngưỡng thờ thần nông nghiệp cơ đồ. Dậm nét nhất, có thể nói là tín ngưỡng thờ Tứ Pháp. Tín ngưỡng thờ Tứ Pháp là tín ngưỡng thờ

bốn vị thần tự nhiên có ảnh hưởng quyết định đến đời sống nông nghiệp đang ở tình trạng lệ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên. Đó là bốn vị : thần Mưa ( Pháp Vũ) thần Mây ( Pháp Vân), thần Sấm ( Pháp Lôi), thần Chớp ( Pháp Điện). Truyền thuyết về việc xuất hiện tục thờ bốn vị thần này được chép vào sách *Lĩnh Nam chính quái* (thế kỷ XIV), với tên *Truyện Man Nương*. Truyện kể rằng ở vùng Thuận Thành Bắc Ninh có cô gái Man Nương đến chùa Phúc Nghiêm dốc lòng học đạo. Trụ trì chùa này là một vị sư người Ấn Độ tên là Khâu Đà La.

Thoạt đầu, Tứ Pháp chỉ được thờ trong các chùa ở vùng Luy Lâu. Dần dần do tính linh ứng của nó mà lan dần ra các vùng quê ở châu thổ Bắc bộ, trong đó có một số vùng quê ven sông Đáy của tỉnh Hà Nam. Tương truyền, các làng quê ở Hà Nam có nghe tiếng Tứ Pháp ở Bắc Ninh linh ứng đã lên đó xin rước chân nhang để thờ. Từ khi rước Tứ Pháp về thờ thì được mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt. Các nơi thờ Tứ Pháp ở Hà Nam cụ thể như sau:

+ *Thờ Pháp Vân*: Chùa Quế Lâm ( Văn Xá, Kim Bảng), chùa Do lễ ( Liên Sơn, Kim Bảng), chùa Thôn Bồi( Phù Vân, Kim Bảng)

+*Thờ Pháp Vũ*: Chùa Bà Đanh ( Ngọc Sơn, Kim Bảng)

+*Thờ Pháp Lôi*: Vhùa Đặng Xá ( Văn Xá, Kim Bảng), chùa Trinh Sơn ( Thanh Hải, Thanh Liêm)

+*Thờ Pháp Điện*: Chùa Bà Bàu ( Thành phố Phủ Lý)

Các chùa khác như chùa Quyển Sơn ( Thi Sơn, Kim Bảng), chùa Thanh Nộn, Chùa Phú Viên, chùa và đình Lạt Sơn ( Xã Thanh Sơn, Kim Bảng), chùa Thanh Thôn ( Văn Xá, Kim Bảng) có phối thờ tự tứ Pháp trong thần điện. Tại Hà Nam, Tứ Pháp được gọi với cái tên nôm na thân mật. Dân làng Đanh Xá gọi Pháp Vũ là bà Đanh( Chùa Bà Đanh), dân làng Quế Lâm gọi Pháp Vân là bà Bền( chùa Quế Lâm, dân thị xã Phủ Lý gọi Pháp Điện là bà Bàu( chùa Bà Bàu)...

Hàng năm cứ vào dịp Tết nguyên đán, rằm tháng giêng, rằm tháng Bảy, đặc biệt là ngày mùng 8 tháng 4, dân các địa phương gần xa lại đến chùa mở

hội, rước kiệu, cầu nguyện tập lập. Vào những năm hạn hán hay mưa gió thất thường, các chùa Bà Đanh, chùa Bền, chùa Bà Bàu người ra vào cúng lễ rất đông. Từ năm 1990 đến nay, việc thờ cúng Tứ Pháp ở các địa phương Kim Bảng, Thanh Liêm, thị xã Phủ Lý bắt đầu có xu hướng gia tăng cả về quy mô lẫn phạm vi lễ thức. Chùa Quế Lâm, chùa Trịnh Sơn, chùa Bàu đã được tu bổ, tôn tạo lại rất khang trang. Dân địa phương và khách thập phương về cúng lễ cũng ngày một tập nập hơn.

Xét bản chất sâu sa tín ngưỡng Tứ Pháp bắt nguồn từ quan niệm vạn vật hữu linh. Đây là một quan niệm tối cổ ầu con người trong quá trình sống phải đối mặt với muôn vàn khó khăn do thiên nhiên tạo ra. Quan niệm vạn vật đều có linh hồn người nguyên thủy nhìn thấy đằng sau mỗi hiện tượng tự nhiên đều có một vị thần. Người phụ nữ Việt Nam, người có công tái tạo một tôn giáo lớn trong những cơ thể mới mang đậm tính bản địa, rất thiêng liêng, huyền bí mà rất gần gũi với cuộc sống đời thường của người dân, được tôn làm mẹ Phật. Đó là sự tôn vinh đối với người có công tái tạo sinh thành một hình thức tôn giáo, tôn giáo của người dân cầu mong mưa thuận gió hoà, phong đăng hoà cốc, tôn giáo của sự phát hiện ra sự tương tác mật thiết giữa sự huyền bí của vũ trụ với cuộc sống đời thường. Đó là triết lý sâu sa của tín ngưỡng thờ Tứ Pháp trong đời sống tâm linh của người dân Việt.

#### **-Làng nghề truyền thống**

Kim Bảng có nhiều làng nghề truyền thống: Dệt ở xã Nhật Tân, Hoàng Tây, Lưu Xá; Mộc – mây tre đan ở Lê Hồ; Thuỷ tinh ở Khả Phong, gạch vôi ở Khả Phong, Nhật Trụ, Kim Bình; Giấy ở Tịnh Châu, Đanh Xá; Khai thác đá ở Liên Sơn, Thi Sơn, Thanh Sơn, Khả Phong, Tượng Lĩnh; Thêu Ren ở Hoàng Tây, Cát Nguyên; đặc biệt có gốm mỹ nghệ nổi tiếng ở khu Đanh Xá( thị trấn Quế ).

#### **+ *Gốm Đinh Xá (gốm Quyết Thành)***

Nằm soi mình bên dòng sông Đáy giang thơ mộng, cùng với danh thắng Núi Ngọc, chùa Bà Đanh nổi tiếng còn có một làng gốm lâu đời mang tên “Đanh Xá”, nay là gốm Quyết Thành ( thị trấn Quế, Kim Bảng, Hà Nam).

Khu Đinh Xá nằm ở trung tâm thị trấn Quế là huyện lỵ của huyện Kim Bảng, cách thị xã Phủ Lý 7km về phía Đông Nam. Từ thành phố Phủ Lý theo quốc lộ 21 đến km số 7 rẽ vào cầu Quế bắc qua sông Đáy là đến thị trấn Quế hoặc đi bằng đường thủy trên sông Đáy cũng mất khoảng 7km từ thành phố Phủ Lý đến khu làng nghề gốm.

Đã bao đời nay những nghệ nhân vẫn lặng lẽ tôi luyện đất nước bằng lửa than, “lửa nghề” và bằng cả tấm lòng đối với nghề ông cha ta đã thắp lên một thương hiệu nổi tiếng.

Gốm Đinh Xá là loại gốm có đặc điểm độc đáo nên đã từng một thời, nó là niềm tự hào của cả tỉnh Hà Nam. Thanh niên Đinh Xá nổi tiếng là khéo léo cần cù, riêng người dân thôn Đinh Xá lại tự hào gọi nghề gốm của mình là “nghề thổ hoa”. Tự hào cũng phải bởi người dân Đinh Xá bằng tài nghệ và đôi bàn tay khéo léo của mình đã chắt lọc từ đất những vật phẩm không thể thiếu trong đời sống vật chất và tinh thần của con người.

*“Quê tôi chạy rảo bờ đê,  
Bên bờ sông Đáy có nghề thổ hoa  
Trai gái khéo léo tài ba  
Chăm chỉ công việc năn ra thức dùng.”*

Thổ hoa không chỉ là hoa của đất. Âm vang trong nó là niềm kiêu hãnh về sự tài hoa của người thợ thủ công Đinh Xá. Nghề gốm Quế tuy chỉ là nghề của một khu song sản phẩm của nó không chỉ nổi tiếng trong huyện hay trong tỉnh mà còn nổi tiếng khắp các vùng lân cận. Những sản phẩm dân dụng như: Chum, vại, cối, niêu đất, ẩm sắc thuốc của Đinh Xá đã len lỏi khắp nơi đến với từng ngõ ngách, từng gia đình làng xóm. Những tỉnh tiêu thụ chính sản phẩm gốm Quế là Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nội, Hoà Bình.

Thậm chí gốm Quế còn được ngược sông Lô lên đến Tuyên Quang. Riêng ba tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình tiêu thụ tới trên 60% sản phẩm làm ra. Ngoài ra hiện nay gốm Quế còn có mặt ở nhiều nước trên thế giới như: Nhật Bản, Đài Loan, Mỹ, Hồng Kông (đều là các hàng đặt có chất lượng cao mang tính độc đáo. Điều đó đủ thấy nghề gốm Quế giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế của người dân địa phương cũng như có uy tín rộng lớn trong xã hội.

Nghề gốm Đinh Xá có lịch sử hình thành hơn 400 năm nay. Nhưng rất đáng tiếc là không còn một tài liệu, hương phả nào được giữ lại để có thể biết được lịch sử của nghề thủ công quý giá này. Ngay cả các cụ già trong ký ức của mình cũng không khẳng định được tên tuổi của ông tổ nghề gốm Quế. Dù sao có một điều không thể thiếu vắng trong đời sống tinh thần của nhân dân Đinh Xá trước đây và bây giờ đó chính là “lễ tra lửa” diễn ra vào những ngày đầu năm mới.

“Lễ tra lửa” là một hoạt động lễ nghi mang đậm màu sắc văn hoá của làng nghề thủ công. Nó vừa thiêng liêng nhưng cũng rất gần gũi đối với nghề thủ công, nghề gốm nói riêng cũng như đối với người dân lao động địa phương nói chung.

Làng nghề gốm đang tích cực đầu tư mở rộng sản xuất, sửa chữa cải tạo nhà xưởng, đổi mới thiết bị, cải tiến công trình công nghệ, tạo ra nhiều mẫu mà sản phẩm có chất lượng cao và tăng cường đẩy mạnh xuất khẩu để tăng thu nhập cho người lao động và đóng góp cho địa phương.

Công tác xúc tiến thương mại cũng được chú trọng nhằm giới thiệu sản phẩm, quảng cáo hàng hoá. Chỉ tính từ năm 2003-2004, được sự giúp đỡ của UBND tỉnh đã tham gia ba hội chợ đạt nhiều kết quả tốt ( Trong hội chợ Festival Huế năm 2004 có hai sản phẩm của làng nghề đạt giải sản phẩm tinh hoa.

Năm 2004, làng nghề xứng đáng được UBND tỉnh công nhận làng nghề truyền thống gốm Quyết Thành và 4 thợ giỏi được công nhận vì đã có công

lao góp cho sự phát triển làng nghề tăng thêm doanh thu cho nền kinh tế nói chung của cả tỉnh Hà Nam.

### **2.1.3. Điều kiện kinh tế - xã hội**

#### **2.1.3.1. Dân số và lao động**

Theo số liệu điều tra năm 2008 thì toàn huyện hiện nay có 134,2 nghìn người, mật độ dân số trung bình là 718 người/ km<sup>2</sup>, trong đó nam là 70861 người, nữ là 72839 người. Dân cư phân bố không đều giữa hai vùng tả ngạn và hữu ngạn sông Đáy. Số người trong độ tuổi lao động là 70,8 nghìn người, người chiếm 52,7% tổng số dân, trong đó lao động nông nghiệp là 52,8 nghìn người còn lại là lao động phi công nghiệp. Trong những năm gần đây với việc triển khai kế hoạch hoá gia đình tốc độ tăng dân số chỉ vào khoảng 1,09%, lực lượng lao động có trình độ khoa học kỹ thuật còn thấp. Tỷ lệ người có trình độ sơ cấp, công nghiệp kỹ thuật là 4,2% trung cấp, cao đẳng, Đại học trở lên là 3% . Đến nay trình độ dân số đã được nâng cao nhiều đáp ứng cho tình hình phát triển kinh tế hiện nay trên toàn huyện.

#### **2.1.3.2. Kinh tế - xã hội**

Trong những năm qua, kinh tế của huyện có mức tăng trưởng khá cao, thường thì năm sau cao hơn năm trước. Giai đoạn 2002- 2008 tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện trung bình từ 9,3-9,6% so với 9,2 năm 2002 trở về trước.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá- hiện đại hoá, trong đó giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ.

Cơ cấu kinh tế năm 2000 là:

-Nông- lâm nghiệp: 52,04% Giảm 3,1% so với năm 2001

-Công nghiệp- xây dựng: 33,1% tăng 2,67% so với năm 2001

-Dịch vụ- Du lịch: 14,86% tăng 38% so với năm 2001

Về nông nghiệp: Sản xuất nông nghiệp có nhiều tiến bộ với cây trồng đa dạng, nuôi trồng thủy hải sản, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc – gia cầm. Kinh tế trang trại hiện nay đang phát triển rộng khắp địa bàn huyện.

Về công nghiệp- xây dựng: Đã giải quyết việc làm cho trên 10.000 lao động. Hiện nay trong huyện có 57 doanh nghiệp lớn nhỏ, 14 doanh nghiệp do nhà nước quản lý, 28 doanh nghiệp do tỉnh quản lý. Hệ thống các nhà máy xi măng lớn hiện nay đang làm thay đổi cơ cấu GDP trong toàn huyện: nhà máy xi măng Bút Sơn, X77, Nội Thương, Tân Phú Xuân...nhiều nhà máy may, dệt hàng năm thu hút khoảng hơn 3000 lao động.

Về dịch vụ- du lịch: Những năm vừa qua ngành dịch vụ du lịch tăng nhanh với tốc độ vượt bậc là từ 35-40%.

### ***2.1.3.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng***

#### *-Giao thông vận tải*

Sông Đáy đi qua huyện dài 17,5km chảy chéo từ Tây Bắc xuống Đông Nam, chia huyện làm 2 phần, chảy qua 10 xã, sông Nhuệ dài 10km chảy ven phía đông huyện trên đất 2 xã Nhật Tựu và Hoàng Tây.

Hệ thống đường bộ: Đường số 21 chạy vòng cung từ Đông sang Tây rồi ngoặt xuống phía nam qua các xã Thanh Sơn, Thi Sơn, Liên Sơn, Khả Phong, Ba Sao dài 17,5km. Trên địa bàn huyện có một cầu nối với vùng biển Hải Hậu ( Nam Định), một đầu đi vào vùng núi Lạc Thủy, Chi Nê ( Hoà Bình).

Đường số 22 nối với quốc lộ 1A ở Phủ Lý chạy qua xã Kim Bình, thị trấn Quế, xã Ngọc Sơn, Thụy Lôi, Tân Sơn, Tượng Lĩnh rồi chạy đi tỉnh Hà Tây nối với đường số 6. Nâng cấp đường Mỹ Kim ( Mỹ Đức – Hà nội và Kim Bảng- Hà Nam) hoàn thiện đường 977 là đường nối khu du lịch sinh thái hồ Tam Chúc với đường Mỹ Kim. Quốc lộ 22 đã được đảm bảo chỉ dẫn, giao thông thuận lợi cho việc đi từ trung tâm huyện ( Thị trấn Quế) với xã Ngọc Sơn, Văn Xá ra quốc lộ 1A.

Đường 60 nối với đường 22 từ xã Tượng Lĩnh đi qua các xã phía bắc huyện: Nguyễn úy, Lê Hồ, Đại Cường, Nhật Tựu, thị trấn Đồng Văn huyện Duy Tiên. Nối giữa hai bờ tả - hữu ngạn sông Đáy là cây cầu lớn của huyện đó là cầu Quế trọng tải 20 tấn và cầu Khả Phong trọng tải 30 tấn.

Mỗi năm tỉnh, huyện đầu tư gần 30 tỷ đồng cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng: điện, đường, cầu, cống...huyện đã nâng cấp 615km đường các loại. Đến nay các quốc lộ trên tỉnh lộ, đường huyện xuống xã đã rải nhựa 100%, đường liên xã, liên thôn, đường xã rải nhựa và bê tông 202km, đạt 83%, đường thôn xóm bê tông 90% tạo điều kiện cho giao lưu, lưu thông hành hoá đi các tuyến nội hạt cũng như đến các nơi rất thuận lợi.

*-Phương tiện vận chuyển*

Toàn huyện gồm có ba xe chuyên chở khách tham quan du lịch thuộc các khu công nghiệp lớn, các nhà máy xi măng. Khách chủ yếu ở đây là khách công nhân, cán bộ thường đi dài dặc vào các ngày nghỉ lễ, tết...

Huyện có hai bến xe với 7 xe khách dân dụng. Các tuyến đường chính Kim Bảng - Đồng Văn, hai chuyến đi lại trong huyện Kim Bảng- Hà Đông( Hà Nội), 3 chuyến trong ngày Chi Nê ( Hoà Bình)- Kim Bảng - Phủ Lý 2 chuyến trong ngày.



*-Hệ thống cung cấp điện*

100% số xã, thị trấn ở Kim Bảng đã có điện lưới điện quốc gia với tỷ lệ hộ dùng điện là 99,6%. Toàn huyện có 59 trạm biến áp với tổng công suất 10.930 KVA. Trong những năm qua hệ thống lưới điện hạ thế đã được trú trọng đầu tư, cải tạo nâng cấp, góp phần giảm tổn thất điện năng, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn.

*-Nước sinh hoạt*

Hiện nay, 8 xã trong huyện đã có trạm cung cấp nước sạch tập trung là: Đồng Hoá, Văn Xá, Nguyễn Uý, Hoàng Tây, Nhật Tựu, Nhật Tân, Lê Hồ, thị trấn Quế. Tỷ lệ số người sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện đạt trên 80%.

*-Thông tin liên lạc*

Mạng lưới viễn thông được trang bị hiện đại với 4 tổng đài kỹ thuật số dung lượng 4.500 số, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, chất lượng cao. Toàn huyện có 100% thôn xóm sử dụng máy điện thoại với tỷ lệ 2,3 máy trên 100 dân, 100% số xã, thị trấn có đài truyền thanh cơ sở, 98% số dân được nghe đài truyền thanh 4 cấp.

Huyện đã xây dựng 07 km cáp quang Quế- Thi Sơn - Cống Quế. Mạng lưới bưu chính từ xã lên huyện được củng cố, toàn huyện có 17 điểm bưu điện văn hoá xã, 09 bưu cục nhỏ và 01 bưu cục trung tâm thuộc thị trấn, lắp đặt 300km cáp đến từng thôn xóm, các khu công nghiệp nên tất cả các xã đều có điện thoại liên lạc.

*-Cơ sở y tế*

Về cơ sở y tế có một bệnh viện huyện, 3 phòng khám đa khoa khu vực, 19 trạm y tế xã, thị trấn chưa kể mạng lưới trong khu vực kinh tế công nghiệp. Ngành y tế của huyện đã được thực hiện tốt các công trình y tế quốc gia, y tế cộng đồng đảm bảo chức năng là ngành chăm sóc sức khoẻ cho toàn dân.

*-Về giáo dục đào tạo*

Hệ thống giáo dục đào tạo của huyện có một trường trung tâm dạy nghề, một trường trung tâm giáo dục thường xuyên, 4 trường phổ thông trung học, 20 trường phổ thông cơ sở, 22 trường tiểu học. Những năm gần đây giáo dục đào tạo của huyện phát triển tương đối toàn diện tỷ lệ người biết chữ vào khoảng 97% giáo dục huyện đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho các ngành kinh tế trong toàn huyện cũng như các địa phương khác.

## **2.2. Thực trạng hoạt động du lịch của huyện**

### ***2.2.1. Vị trí của ngành du lịch huyện trong cơ cấu kinh tế - xã hội của huyện Kim Bảng***

Kim Bảng là huyện có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch cả tiềm năng du lịch tự nhiên và nhân văn, tuy nhiên, trong xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung của huyện và của tỉnh thì vị trí mà ngành du lịch huyện hiện nay chưa tương xứng với những gì đang có. Du Lịch chưa khẳng định được vai trò là ngành kinh tế quan trọng của địa phương, đóng góp chưa đáng kể trong cơ cấu GDP chung của toàn huyện.

Nhìn một cách tổng thể, khái quát tình hình phát triển kinh tế xã hội của huyện Kim Bảng cho thấy nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo của huyện, hàng năm chiếm tỷ trọng cao từ 45%- 50%, các ngành công nghiệp-xây dựng những năm gần đây có nhiều bước tiến nhưng chỉ chiếm từ 30% đến 35% còn lại các ngành khác trong đó có dịch vụ - du lịch chiếm tỷ trọng khoảng từ 7%-8% trong năm.

**Bảng 3: Bảng cơ cấu kinh tế huyện Kim Bảng 2006 -2009**

*(Đơn vị:%)*

*(Nguồn: UBND huyện Kim Bảng)*

Ngành	2006	2007	2008	2009
Nông-lâm nghiệp	52,04	50,98	48,02	45,17
Công nghiệp- xây dựng	33,1	36,07	39,12	43,06
Dịch vụ- du lịch và các	14,86	12,95	11,05	10,78

ngành khác				
------------	--	--	--	--

Qua bảng cơ cấu kinh tế thể hiện ở trên cho ta thấy, trong những năm gần đây ngành du lịch của huyện có những bước phát triển đáng kể so với trước. Doanh thu đã tăng lên nhiều so với năm trước, tuy nhiên tỷ trọng lại giảm trong cơ cấu kinh tế đó cũng là thực trạng chung của cả tỉnh vì sự phát triển nhanh chóng của ngành công nghiệp và xây dựng. Hiện nay đóng góp của ngành du lịch vào nguồn ngân sách của huyện có tăng nhưng không đáng kể so với yêu cầu về vốn đầu tư lại rất sớm. Chính vì vậy, xét trên tính hiệu quả về kinh tế thì du lịch là ngành đem lại hiệu quả kinh tế không cao. Tính đến nay doanh thu của ngành du lịch trên địa bàn huyện chưa được thống kê riêng, nó vẫn được tính chung với ngành dịch vụ. Trong giai đoạn 2006-2009 trên địa bàn có nhiều dự án đang được đầu tư và bước đầu đã đi vào hoạt động. Những khu vực được đầu tư nhiều nhất là tuyến du lịch Mỹ Kim, hiện đang trong quá trình hình thành và phát triển.

Hiện nay toàn huyện có 18 nhà nghỉ với quy mô vừa và nhỏ, xây dựng phục vụ chủ yếu khách nội địa đến tham quan hoặc đi công tác trên địa bàn huyện.

*Về xã hội:* Đáp ứng được nhu cầu về du lịch của nhân dân địa phương và du khách đến từ Hà Nội, đồng thời phát huy được các giá trị văn hoá của khu vực. Du lịch phát triển góp phần vào việc giải quyết công ăn việc làm cho người dân địa phương. Tuy nhiên ngành du lịch phát triển còn ở dạng tiềm năng nên số lao động tham gia không nhiều. Theo thống kê của phòng văn hoá thông tin huyện cho thấy, số lao động hoạt động trong ngành dịch vụ- du lịch năm 2006 là 250 người đến năm 2009 là gần 700 người tham gia. Tuy nhiên chất lượng nguồn lao động trong ngành còn hạn chế, tính chuyên môn nghiệp vụ chưa cao đa số hoạt động theo phong trào tại các điểm dịch vụ du lịch nổi tiếng của huyện. Phần lớn lao động tham gia vào hoạt động của các dịch vụ- du lịch là những người dân sống quanh các điểm, khu du lịch của

huyện với trình độ chuyên môn phục vụ chưa có nhiều vì vậy mà ngành du lịch của huyện chưa thực sự phát triển để tương xứng với tiềm năng vốn có của tiềm năng du lịch huyện.

*Về mặt kinh tế:* Tạo điều kiện thuận lợi để kêu gọi các nhà đầu tư vào kinh doanh du lịch ở trên địa bàn huyện nói riêng và trên địa bàn toàn tỉnh nói chung. Dự án hoàn thành sẽ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương. Đồng thời tăng cường khả năng thu hút khách đến huyện nhằm đạt mục tiêu đón được một số lượng khách lớn đến với huyện vào năm 2015.

Nhìn một cách tổng thể có thể cho ta thấy những chỉ tiêu trên đã thể hiện cho một thực tế bước đầu, sự khởi sắc của ngành du lịch huyện. Du lịch đã và đang có những đóng góp nhất định trong đời sống xã hội của người dân Kim Bảng. Điều quan trọng hiện nay là sự quan tâm của các cơ quan chức năng huyện, tỉnh trong việc biến du lịch huyện ngày càng đi lên, đem lại thành công và có được một vị trí mới tương xứng đáng hơn nữa trong tương lai, trong nền kinh tế của huyện Kim Bảng.

### ***2.2.2. Hiện trạng cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch huyện***

#### *- Hệ thống giao thông vận tải và thông tin liên lạc*

Hệ thống giao thông vận tải hiện đang là tiềm năng lớn của huyện để phục vụ cho việc phát triển du lịch. Hiện nay, ngoài các đường thôn xóm, xã nối với các đường quốc lộ đã bê tông hoá, đến 100%. Kim Bảng được xem là một trong những huyện có hệ thống đường nông thôn bê tông hoá cao nhất cả nước. Các quốc lộ chạy qua huyện gồm có: Quốc lộ 21A, 21B, 22 nối liền với quốc lộ 6 và quốc lộ 1A. Ngoài ra, các đường quốc lộ ra huyện còn có các đường tỉnh lộ, huyện lộ.

Hệ thống thông tin liên lạc của huyện phát triển tương đối tốt. Các xã đều có Bưu điện văn hoá xã, điện thoại có định khá tốt, đảm bảo cho thông tin liên lạc luôn được thuận lợi, đây là điều kiện tốt để ngành du lịch phát triển

trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, cần có sự đầu tư nhiều hơn nữa nhằm phục vụ cho nhu cầu phục vụ du lịch trong tương lai.

*- Cơ sở lưu trú*

Cho đến hiện nay huyện đang từng bước đầu tư xây dựng các cơ sở lưu trú tuy nhiên chưa xứng với tiềm năng đang có. Theo thống kê sơ bộ của UBND huyện thì số cơ sở lưu trú của huyện bao gồm 18 nhà nghỉ, nhà khách với tổng cộng là 117 phòng, tất cả đều có quy mô vừa và nhỏ, nằm rải rác trong toàn huyện nhưng tập trung nhiều nhất ở thị trấn trực đường quốc lộ 21,22. Do có quy mô nhỏ nên cơ sở lưu trú chủ yếu là phục vụ khách qua đường, khách bình dân và khách vắng lai với thời gian lưu trú không nhiều.

Thực trạng khai thác của các cơ sở lưu trú vẫn còn hạn chế, hầu hết các nhà nghỉ nhà khách chỉ làm nhiệm vụ kinh doanh an nghỉ cho khách còn các dịch vụ bổ sung khác thì vẫn còn thiếu rất nhiều để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách.

Hệ thống các nhà nghỉ của huyện phần lớn là các nhà nghỉ bình dân, trang thiết bị phục vụ chỉ ở mức trung bình, bên cạnh đó cũng có một số nhà nghỉ có quy mô khá, trang thiết bị phục vụ tốt, cảnh quan gắn liền với thiên nhiên sinh thái. Hiện nay đa phần các các nhà nghỉ phục vụ chủ yếu là khách qua đường đến nghỉ ngơi.

*- Cơ sở phục vụ nhà hàng ăn uống*

Trên địa bàn huyện thì số lượng các nhà hàng phục vụ ăn uống thường gắn liền với các nhà nghỉ của khách. Ngoài ra, còn có các nhà hàng chỉ chuyên phục vụ ăn uống, nằm nhiều ở các khu vực có dân cư đông đúc như thị trấn, các điểm du lịch và nằm dọc trên các tuyến đường quốc lộ.

Cũng giống như các nhà nghỉ thì các nhà hàng cũng có quy mô phần lớn là trung bình và nhỏ, thường phục vụ các món ăn bình dân, các món ăn thông dụng... Bên cạnh đó cũng có các nhà hàng phục vụ các món ăn độc đáo mang hương vị núi rừng, đó sẽ là cảm hứng cho du khách gần xa khi đến tham quan du lịch tại huyện Kim Bảng.

Cho đến thời điểm hiện nay theo nguồn của phòng văn hoá thông tin huyện, số cơ sở phục vụ cho nhu cầu ăn uống là vào khoảng 148 cơ sở, nổi tiếng là các cơ sở ở 2 thị trấn Quế và thị trấn Ba Sao với khu du lịch sinh thái hồ Tam Chúc hấp dẫn du khách tới tham quan và thưởng thức ẩm thực tại khu du lịch này.

Hệ thống nhà hàng ở huyện Kim Bảng chủ yếu tập trung dọc các tuyến đường quốc lộ 21A và thị trấn Quế, ngoài ra còn nằm rải rác ở các điểm du lịch, có quy mô vừa và nhỏ, đa số phục vụ các món ăn đơn giản. Tuy nhiên cũng có một số nhà hàng ở các điểm du lịch sinh thái phục vụ nhiều món ăn đặc sản núi rừng mà không phải ở nơi nào cũng có để bán. Khách muốn thưởng thức các đặc sản núi rừng đó phải đến tại các điểm du lịch có đặc sản đó.

*- Cơ sở vui chơi giải trí*

Đến thời điểm hiện nay huyện có đúng một cơ sở vui chơi giải trí cho khách du lịch đó là cơ sở massar nằm gần thị trấn Quế. Theo thông tin từ phòng văn hoá thông tin huyện thì cuối năm 2008 có dự án xây dựng một sân golf đạt tiêu chuẩn quốc gia và duy nhất của tỉnh sẽ được khởi công xây dựng. Đây được xem là bước tiến trên con đường xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ mục đích giải trí của khách du lịch cấp cao. Huyện cũng đã xác định rõ việc xây dựng các cơ sở vui chơi giải trí là biện pháp để kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch tại huyện, xây dựng nhiều cơ sở hiện đại thì sẽ thu hút ngay càng nhiều khách đến với huyện làm tăng doanh thu của ngành du lịch trong những năm tới.

*- Hệ thống cung cấp điện nước và cơ sở y tế*

Về điện: Hệ thống lưới điện của huyện đang không ngừng được đầu tư nâng cấp hoàn thiện nhiều so với các năm trước đây. Điện đã có mặt ở hầu khắp các thôn xóm, các xã phục vụ nhu cầu sinh hoạt ngày càng cao của người dân trong huyện. Nước sinh hoạt cung đã được cung cấp đầy đủ phục

vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân cũng như nhu cầu sản xuất công và nông nghiệp của người dân các xã trong toàn huyện.

Về nước: Hệ thống nước mặt đã có mặt ở huyện được hơn chục năm nay như ở thị trấn Quế và các vùng lân cận. Nhìn chung thì chất lượng nước máy trong huyện chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia nhưng đã đáp ứng một phần nhu cầu của người dân, Huyện đã có hệ thống xử lý nước sạch lấy từ nguồn nước của sông Đáy nhưng rất lạc hậu cần phải đầu tư nâng cấp lại hệ thống xử lý nước sạch để cung cấp cho nhu cầu nước sinh hoạt của người dân.

Về y tế: Tính đến thời điểm hiện nay huyện có một bệnh viện cấp 1 và ở các xã thị trấn đều có trạm y tế. Chất lượng khám chữa bệnh cử các cơ sở y tế huyện đang ngày càng được nâng cấp cao hơn so với trước, cần đầu tư nhiều các cơ sở dụng cụ chữa bệnh, đội ngũ y bác sĩ có trình độ chuyên môn đã được đào tạo, bổ sung thêm vào các năm đáp ứng các nhu cầu khám chữa bệnh của người dân.

*- Mạng lưới thông tin liên lạc*

Tại các điểm du lịch huyện hiện nay hệ thống thông tin liên lạc chưa có đầy đủ, hệ thống điện thoại điện tin, internet chủ yếu tập trung ở các vùng dân cư đông đúc, nhất là huyện lỵ, thị trấn Quế. Đây là kho khăn trong công việc đảm bảo sự thuận lợi cho du khách khi đến tham quan các thắng cảnh ở các điểm xa khu dân cư, các vùng hẻo lánh của huyện như: trên rừng, trên núi...

Hệ thống mạng lưới thông tin liên lạc hiện nay có phát triển nhưng chất lượng phục vụ chưa cao nhất là phục vụ trong lĩnh vực du lịch. Do vậy, cần kêu gọi đầu tư thêm vào lĩnh vực này nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch khi đến tham quan du lịch huyện.

**2.2.3. Kết quả hoạt động kinh doanh**

Hiện nay ngành du lịch của huyện có sự phát triển hơn so với những năm trước. Theo thống kê những năm gần đây lượng khách đến với huyện có sự tăng lên, năm sau cao hơn năm trước. Đây là một điều đáng mừng cho du



lịch của huyện nói riêng và cho ngành du lịch tỉnh nói chung. Du lịch phát triển thúc đẩy nhiều ngành kinh tế khác phát triển theo, khách đến tham quan các điểm du lịch trên địa bàn huyện ngày càng nhiều cả khách quốc tế và khách nội địa.

**Bảng 3: Bảng thống kê khách du lịch đến với huyện Kim Bảng từ năm 2006-2009**

*(Đơn vị tính: Lượt người)*

*(Nguồn: Phòng văn hoá thông tin huyện Kim Bảng)*

Năm	2006	2007	2008	2009
Khách nội địa	98106	104032	112130	125071
Khách quốc tế	158	173	192	208
Tổng số khách	98264	104205	112322	125297

Qua bảng thống kê về số lượt khách du lịch đến với huyện Kim Bảng từ năm 2006-2009 ta thấy tổng số lượt khách tăng từ 98264 đến 125297 lượt khách. Khách nội địa chiếm đa số so với khách quốc tế. Khách quốc tế từ năm 2006-2009 có tăng nhưng rất ít, khách nội địa khá đa dạng nhưng chủ yếu đến từ các tỉnh lân cận như : Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình, Hoà Bình, Thanh Hoá... chủ yếu họ chỉ dừng chân trong ngày khách lưu trú qua đêm trên tuyến đường Mỹ Kim, lượng khách đến tập trung vào các tháng đầu năm do có nhiều lễ hội đặc biệt là lễ hội Chùa Hương gần đó. Mức chi tiêu trung bình của khách khi dừng chân qua huyện thấp chỉ là 100-150 VND/ khách.

Các địa điểm thu hút khách nhiều nhất của huyện là các danh lam thắng cảnh nổi tiếng trên địa bàn huyện như: đền Trúc- Ngũ Động Sơn, Hang Luồn- Ao Dong, núi Ngọc- Chùa Bà Đanh, Bát Cảnh Sơn, Hồ Tam Chúc. Các địa điểm này thu hút khách khoảng 90% lượng khách đến huyện tham quan, như hiện nay khách đến đông nhất là đến với khu danh thắng Ngũ Động Thi Sơn.

Thời gian khách đến đông nhất vào những tháng đầu xuân đặc biệt là vào tháng giêng (Âm lịch). Trong thời gian này diễn ra rất nhiều lễ hội lớn của huyện, tính đến thời vụ du lịch cũng thể hiện ở đặc điểm trên.

Thành phần khách tập trung chủ yếu là nhóm khách hành hương tham gia vào các lễ hội, họ đến các đền, chùa, các danh lam thắng cảnh để lễ thần, lễ phật, ngoài mục đích tâm linh ra thì còn mục đích nữa là tham quan ngắm các phong cảnh thiên nhiên. Nhóm khách có mục đích tâm linh chủ yếu là những người trung tuổi, người già có mức chi phí khá. Nhóm khách là học sinh, sinh viên thì chủ yếu đến với mục đích tham quan, học tập và nghiên cứu có khả năng chi phí thấp hơn.

Khách du lịch quốc tế đến với huyện Kim Bảng có số lượng tương đối ít, xu hướng tăng rất chậm. Họ đến với Kim Bảng một nửa trong số đó là dừng chân trong chuyến hành trình du lịch lễ hội Chùa Hương, phần khác đến với mục đích tham quan tìm hiểu và ký hợp đồng mua bán với các làng nghề thủ công truyền thống. Khác với khách du lịch nội địa, khách du lịch quốc tế đến với Kim Bảng rải rác vào các tháng trong năm. Tính mùa vụ với họ là không có vì hoạt động du lịch chủ yếu của họ là tìm hiểu và buôn bán.

Qua các chỉ tiêu đánh giá ở trên có thể nói rằng việc thu hút khách du lịch của huyện Kim Bảng đã được cải thiện qua từng năm và hiện nay huyện đang là địa bàn thu hút đông khách nhất của tỉnh. Tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế mà hiện nay huyện chưa khắc phục được đó là: Sản phẩm dùng cho ngành du lịch không nhiều, không phong phú, chất lượng không cao, các cơ sở lưu trú còn thiếu nhiều. Khách du lịch không có nhiều cơ hội để chi tiêu tại các điểm du lịch. Vì vậy, doanh thu cho du lịch tương đối thấp.

#### **2.2.4. Đánh giá hiện trạng phát triển du lịch huyện**

##### ***- Thành công***

Kim Bảng là huyện có nhiều tiềm năng cho hoạt động du lịch phát triển. Kim Bảng được coi là nơi giàu tài nguyên du lịch nhất của tỉnh Hà

Nam. Những năm gần đây việc đầu tư cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng của tỉnh nhà cho huyện đã được tiến hành rộng khắp. Tuy nhiên vẫn còn hạn chế và chưa thực sự đánh thức hết tiềm năng và chưa khai thác hết nguồn tài nguyên du lịch hiện có của huyện.

Sự phát triển của du lịch huyện Kim Bảng đã góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh; giải quyết việc làm; ổn định xã hội, mang lại nguồn thu đáng kể từ du lịch của huyện. Bước đầu du lịch huyện góp phần làm thay đổi cảnh quan mặt khác tạo cơ sở tiền đề cho các ngành kinh tế như: xây dựng, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông...

#### **- Hạn chế**

Thời gian qua du lịch huyện đã giải quyết được một số vấn đề trước mắt cho ngành và những chuyển biến tích cực để hoà nhập với nền kinh tế thị trường, góp phần vào sự phát triển chung của du lịch tỉnh Hà Nam. Tuy nhiên, so với các huyện khác của tỉnh hay của miền bắc thì du lịch huyện Kim Bảng còn phát triển chậm, kết quả đạt được chưa tương xứng với vị trí và tiềm năng vốn có. Do còn chứa đựng những hạn chế nhất định về nhiều lĩnh vực khác nhau, nên du lịch huyện chưa thực sự có bước chuyển nào đáng kể.

Hiện tại cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật của huyện chưa đáp ứng tiêu chuẩn cho việc phát triển du lịch của huyện trong thời gian hiện tại này cũng như trong tương lai. Việc thiếu thốn các nhà nghỉ, nhà hàng đang là trở ngại lớn cho nhu cầu lưu lại tham quan của du khách. Thêm vào đó đội ngũ hướng dẫn ở các điểm du lịch còn thiếu trầm trọng, cộng thêm trình độ nghiệp vụ chưa có, cách làm du lịch ở các điểm du lịch còn quá nhiều vướng mắc và bước đi không phù hợp, ý thức của người dân bản địa chưa cao trong việc bảo vệ và giữ gìn các tài nguyên du lịch vốn có của huyện.

Kim Bảng là huyện hội tụ đầy đủ cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn lại có địa thế đẹp gần thủ đô Hà Nội. Đó là điều kiện

thuận lợi so với các huyện khác của tỉnh và các tỉnh lân cận khác nhưng kết quả của hoạt động kinh doanh du lịch chưa cao còn nhiều hạn chế.

Vấn đề quảng bá, tiếp thị du lịch hiện nay không được chú trọng đầu tư, không tiến hành phát hành tờ rơi thường xuyên cũng như không tổ chức các buổi hội chợ du lịch cấp tỉnh và rộng hơn là khu vực. Nhiều điểm du lịch hiện nay đang bị khai thác không hợp lý và không đúng mức dẫn đến môi trường ở các điểm du lịch này bị xuống cấp nghiêm trọng nhất là vào mùa cao điểm về du lịch và lễ hội, thêm vào đó là vấn đề bảo vệ môi trường điểm du lịch cũng chưa được quan tâm trú trọng thường xuyên.

Các chương trình hợp tác du lịch với các công ty du lịch và lữ hành hầu như chưa có, các chương trình du lịch liên huyện được triển khai rất chậm chạp nhất là tuyến Mỹ Kim được hình thành nhiều năm, nhưng có quá nhiều điều còn chưa hoàn chỉnh và việc đưa vào thực hiện gặp không ít khó khăn. Đây chính là hạn chế mà huyện chưa thể giải quyết được trong quá khứ cũng như hiện tại.

## **CHƯƠNG III: ĐỊNH HƯỚNG- GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỦA HUYỆN KIM BẢNG**

### **3.1. Định hướng phát triển du lịch huyện Kim Bảng**

#### **3.1.1 Định hướng tổ chức không gian lãnh thổ**

Dựa trên hiện trạng và tiềm năng du lịch, các điều kiện về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, các vấn đề kinh tế, văn hoá, xã hội. Không gian phát triển du lịch của tỉnh Hà Nam được phân định như sau:

- Khu du lịch đền Trúc- Ngũ Động Sơn, Động thủy ( hang Luồn), khu hồ Tam Chúc, Bát Cảnh Sơn, Chùa Bà Đanh- núi Ngọc, động Phúc Long... của huyện Kim Bảng.

- Cụm du lịch Kẽm Trống, Chùa Tiên, hang Gió Lở, chùa Châu, đền Lãng, đình An Hoà... thuộc huyện Thanh Liêm

- Du lịch văn hoá Chùa Long Đọi, đền Lảnh Giang, đình đá Tiên Phong thuộc huyện Duy Tiên.

- Khu du lịch Ngọc Lũ, khu di tích văn hoá lịch sử từ đường Nguyễn Khuyến thuộc huyện Bình Lục

- Du lịch thuộc huyện Lý Nhân gồm có: đền Vũ Điện, chùa Vĩnh Trụ.

Như vậy Kim Bảng được xác định là một huyện giàu tiềm năng nhất của tỉnh có thể phát triển cả du lịch tự nhiên và du lịch văn hoá trên địa bàn huyện hiện nay.

#### **3.1.2 Định hướng tổ chức các loại hình du lịch**

Hà Nam là nơi hội tụ của quần thể núi, rừng, sông, hồ, các di tích lịch sử văn hoá với nhiều cảnh quan và tài nguyên vô cùng hấp dẫn đối với du khách. Tuy nhiên cũng như nhiều địa bàn du lịch khác, Hà Nam cũng không tránh khỏi tình trạng phải khắc phục tính thời vụ. Việc định hướng tổ chức các loại hình du lịch sẽ góp phần đa dạng hoá sản phẩm du lịch Hà Nam. Loại hình du lịch được quan tâm phát triển của Hà Nam gồm có:

- Du lịch tham quan: Đây là loại hình du lịch tổng hợp nhất có ở mọi điểm du lịch trên địa bàn tỉnh. Cơ sở phát triển cho loại hình du lịch này là: hồ, núi, các hang động kết hợp với tham quan các di tích như đền Trúc, chùa Bà Đanh, Bát cảnh Sơn, chùa Long Đọi, đền Lảnh Giang...

- Du lịch lễ hội: Loại hình du lịch này có thể phát triển ở các nơi có các di tích lịch sử văn hoá: như đình, chùa, đền... loại hình này có thể phát triển ở các di tích như: đền Trúc, đền Ba Dân, chùa Long Đọi...

- Du lịch chuyên đề: Có thể phát triển tại các khu rừng nguyên sinh hoặc một số cánh rừng thứ sinh được phục hồi hoặc trồng mới sẽ giúp cho việc nghiên cứu khoa học và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Du lịch điền dã: Tại các vùng thềm dưới chân núi có thể sử dụng để lập trang trại vườn sinh thái, trồng cây ăn quả, các khu chăn nuôi động thực vật, các khu vực hồ nước có không khí trong lành phù hợp với những du khách thích khung cảnh đồng quê đơn sơ mộc mạc...

- Du lịch vui chơi giải trí: Tại các khu du lịch đông khách có thể phát triển các dịch vụ vui chơi giải trí để phục vụ khách có nhu cầu sau khi tham gia các loại hình du lịch khác như: sau khi leo núi, bơi thuyền... hoặc dùng để kéo dài thời gian lưu trú của du khách. Đồng thời cũng không tránh khỏi tình trạng khách cảm thấy buồn tẻ, vắng vẻ không có nơi vui chơi tại các điểm du lịch.

### **3.2. Các giải pháp phát triển du lịch huyện Kim Bảng**

#### **3.2.1 . Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng**

Việc phát triển du lịch của một vùng, một địa phương của tỉnh hay của một quốc gia, không thể không gắn liền với việc đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng- cơ sở vật chất kĩ thuật. Đây là một yếu tố vô cùng quan trọng trong sự phát triển của một điểm du lịch, khu du lịch, là yếu tố khai thác hết những tiềm năng vốn có của các điểm du lịch trên địa bàn của một vùng, một địa phương của một tỉnh hay của một quốc gia nào đó.

Kim Bảng là một huyện nằm ở phía tây bắc của tỉnh Hà Nam, có địa thế giáp tỉnh Hà Nội và tỉnh Hoà Bình lại gần các danh lam thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Hoà Bình như mẫu Đầm Đa, Động Tiên, Chùa Hương Tích, Đền Đức Thánh Cả(Hà Nội), chính vì vậy việc phát triển du lịch của huyện cần gắn liền với việc xây dựng các tuyến xe liên huyện, liên tỉnh nhằm đảm bảo nhu cầu vận chuyển khách trong tỉnh cũng như các tỉnh lân cận có điều kiện tốt hơn để đến tham quan các điểm du lịch trên địa bàn huyện.

Vấn đề cung cấp điện và nước cần chú trọng đầu tư nâng cấp và hoàn thiện hơn nữa. Đảm bảo nguồn điện dồi dào phục vụ đủ nhu cầu của người dân và khách du lịch; Đặc biệt nguồn nước phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn đầy đủ, sạch sẽ, hợp lí phục vụ cho nhu cầu của khách du lịch khi đến tham quan các điểm du lịch của huyện. Việc thiếu nước và nguồn nước mất vệ sinh là yếu tố gây mất niềm tin và kho chịu cho du khách nhất là trong những tháng đầu hè dùng một lượng lớn về điện và nước. Vấn đề điện, nước được đầu tư hoàn thiện tốt sẽ giúp cho các ngành nghề như: thủ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có điều kiện phát triển đem lại nhiều sản phẩm nhằm đáp ứng cho các nhu cầu trong phát triển du lịch. Điện nước được đảm bảo tốt, các ngành nghề phát triển đó chính là điều kiện giúp cho các nhà nghỉ sẽ tăng thêm uy tín và thời gian khách lưu trú lại sẽ dài hơn.

Cần tiến hành đánh giá và kiểm tra chất lượng của nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm tại các điểm du lịch để có kế hoạch khai thác hợp lý, cung cấp đủ điện đủ nước cho khách du lịch nhất là trong những ngày nắng nóng như hiện nay.

Vấn đề thông tin liên lạc thì cần đầu tư hơn nữa, chủ yếu là các trạm thông tin điện thoại, điện báo tại các điểm du lịch để khách có thể trao đổi thông tin một cách dễ dàng khi đến tham quan du lịch tại huyện. Đó là yêu cầu cần thiết mang tính xác thực trong điều kiện khoa học, công nghệ và ngành thông tin liên lạc phát triển mạnh mẽ trên phạm vi của toàn thế giới.

Hiện nay dịch vụ điện thoại cũng đã phát triển trên địa bàn huyện nhưng tại các điểm du lịch thì chưa thực sự phát triển, vấn đề này đòi hỏi các cơ quan chức năng cần có những những giải pháp đầu tư nhiều hơn nữa vào lĩnh vực này, vì chính lĩnh vực này là nhu cầu cần thiết đối với khách du lịch khi đến tham quan tại các điểm du lịch trong huyện. Tại các điểm du lịch nhu cầu cần sự liên lạc và trao đổi thông tin của khách du lịch.

Kim Bảng được đánh giá là địa bàn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch đặc biệt không những đối với tỉnh mà còn cả các khu vực lân cận, có mối quan hệ chiến lược về du lịch đối với các tỉnh giáp danh. Đặc biệt là huyện Lạc Thủy -Hoà Bình và huyện Mỹ Đức Hà Nội, nơi có các danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: Nam Thiên Đệ Nhất Động- chùa Hương, một trong những lễ hội lớn nhất và thời gian diễn ra dài nhất của cả nước.

Ngành du lịch huyện cần tạo nên các tuyến du lịch hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài tỉnh như tuyến: Hà Nội-Hà Nam, Hải Phòng –Hung Yên-Hà Nam-Hà Nội, Hải Phòng- Hung Yên-Hà Nam- Hoà Bình-Tây Bắc...Sở du lịch tỉnh cũng đã xác định rõ Kim Bảng là địa bàn trọng điểm đối với chiến lược phát triển du lịch của tỉnh. Chính vì vậy đòi hỏi sự quan tâm, sự đầu tư xây dựng Kim Bảng trở thành một điểm du lịch tầm cỡ của tỉnh và tiến tới là của khu vực lân cận, là cầu nối và là nơi tham quan không thể bỏ qua khi đến các điểm du lịch gần đó như: Động Tiên, Đầm Đà ( Hoà Bình), chùa Hương, đền Đức Thánh Cả ( Hà Nội).

Chính vì Kim Bảng là vùng có tiềm năng nhưng chưa được khai thác và phát triển nên đòi hỏi có sự quan tâm cũng như đầu tư hơn nữa về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật nhằm khai thác tốt các ưu điểm hiện có, biến tiềm năng trở thành tài nguyên du lịch và đồng thời phải cân đối lại mức đầu tư một cách chính xác, hợp lý, tránh hiện tượng đầu tư sai lĩnh vực dẫn đến việc khai thác không hiệu quả gây thất thoát ngân sách của tỉnh cũng như của đất nước.



Việc quan trọng và bức thiết nhất hiện nay của huyện Kim Bảng là tập trung đầu tư đi đôi với quy hoạch tổng thể các điều kiện có thể phát triển du lịch, tiếp đến là đa dạng hoá các loại hình sản phẩm du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách đến tham quan các điểm du lịch của huyện.

Song song với việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng là hệ thống cơ sở vật chất kĩ thuật đây được coi là yếu tố quan trọng liên quan đến thời gian lưu trú dài ngày hay ngắn ngày của khách. Chính vì vậy cần có sự tập trung đầu tư hoàn thiện cho hệ thống cơ sở vật chất như:

+ Cơ sở lưu trú: Tăng cường xây dựng thêm các nhà nghỉ, nhà khách hoặc khách sạn mới đủ tiêu chuẩn kinh doanh trong lĩnh vực du lịch thu hút thêm khách du lịch đến huyện ngày một đông hơn.

+ Cơ sở ăn uống: Ngoài các cơ sở lưu trú có kinh doanh dịch vụ ăn uống cần xây dựng thêm các nhà hàng chuyên phục vụ ăn uống, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra các cơ sở ăn uống này còn có khả năng phục vụ các loại đặc sản quý hiếm của vùng. Các cơ sở ăn uống nay nên đặt gần với các khu điểm du lịch để thuận lợi cho việc đi lại của khách khi đến tham quan.

+ Các quầy hàng lưu niệm: Các cửa hàng bán các đồ dùng, sản phẩm du lịch quà lưu niệm cho khách là một yếu tố không thể thiếu tại các điểm du lịch, các khu du lịch. Xây dựng các cửa hàng nhằm đáp ứng nhu cầu dịch vụ của khách mặt khác cũng tăng thêm thu nhập cho hoạt động du lịch từ các cửa hàng này.

+ Cơ sở vui chơi giải trí: Đây là yếu tố góp phần làm tăng tính đa dạng cho các loại hình du lịch, giúp kéo dài thời gian lưu trú của du khách qua đó làm tăng thêm nguồn thu cho các điểm du lịch từ các hoạt động vui chơi giải trí này.

### ***3.2.2 Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá cho các điểm du lịch***

Để góp phần vào sự phát triển du lịch huyện Kim Bảng, tạo dựng một hình ảnh hấp dẫn trong lòng du khách, thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư thì công tác xúc tiến, tuyên truyền quảng cáo là một nhiệm vụ tất yếu và cần thiết. Đây thực sự là một nội dung hoạt động quan trọng trong quá trình phát triển du lịch.

Công tác tuyên truyền quảng bá phải đạt được các mục tiêu đưa hình ảnh về cảnh quan thiên nhiên, khí hậu và con người Kim Bảng đến với du khách trong và ngoài nước, để họ đến và ở lại với mảnh đất và yêu mến con người nơi đây. Mời các chuyên gia các hãng lữ hành tới để khảo sát các tuyến tham quan, khám phá những tour mới lạ, độc đáo, Đồng thời đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước đến huyện khảo sát và đầu tư phát triển du lịch. Tiến hành hoạt động liên kết xúc tiến du lịch với các tỉnh khác trong khu vực, các công ty du lịch trong cả nước. Tập trung quảng bá, xúc tiến các sản phẩm du lịch tại các điểm đến. Hoạt động xúc tiến cần đi vào chiều sâu qua việc ban hành các cơ chế chính sách về đất đai, giải phóng mặt bằng các dự án có quy mô, trọng điểm về phát triển du lịch trên địa bàn huyện.

Không ngừng nghiên cứu tìm hiểu mở rộng thị trường khách du lịch trong nước và nước ngoài. Căn cứ vào nhu cầu và đặc điểm tâm lý xã hội của khách du lịch để có những chính sách nhằm đáp ứng các nhu cầu đó của du khách. Hoạt động du lịch có thể phát triển được hay không phụ thuộc rất nhiều vào công tác quảng cáo, quảng bá cho các điểm du lịch đến với mọi người dân không chỉ trong giới hạn tỉnh mà rộng hơn là khu vực đồng bằng bắc bộ và các điểm du lịch phụ cận khác.

Có nhiều hình thức quảng cáo mà điển hình là thông qua các lĩnh vực sau: Tăng cường quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, đài truyền hình trung ương và địa phương, các báo về du lịch Hà Nam. In ấn các ấn phẩm, tờ rơi, tập gấp, sách hướng dẫn, cẩm nang du lịch Hà Nam( Kim Bảng –Hà Nam) phát cho khách trên các tàu xe để du khách có

những hiểu biết ban đầu và hình dung tốt hơn về các du lịch của huyện. Có thể trình chiếu đĩa VCD giới thiệu về các điểm du lịch của huyện Kim Bảng trên các phương tiện để khách du lịch biết được tiềm năng du lịch của huyện và đến tham quan trong dịp gần đây nhất. Ngoài ưu điểm nổi trội trên thì ưu điểm của hình thức quảng cáo bằng các tập gấp này là rất dễ phân phát, dễ chấp nhận, có phạm vi rộng và có giá trị kinh tế cao vì chi phí rẻ hơn so với các loại hình quảng cáo khác.

Bên cạnh hình thức quảng bá trên cần tiến hành tổ chức các buổi hội chợ, văn nghệ tại thị xã trong tỉnh và các thành phố lớn khác như: Hà Nội, Hải Phòng... Nhằm quảng bá đầy đủ cho du khách hiểu biết sâu rộng về các điểm du lịch đang xây dựng và hình thành.

Mỗi đơn vị kinh doanh trên địa bàn huyện cần có một văn phòng đại diện nhằm thực hiện có hiệu quả việc nghiên cứu thị trường tiếp thị, quảng cáo tiến tới đáp ứng mọi nhu cầu chính đáng của du khách.

Tiếp đến ngành du lịch tỉnh cần có những đổi mới bổ sung và hoàn thiện các trang web của tỉnh, tiến hành xây dựng các trang web riêng về du lịch để các thông tin về du lịch đến với khách trong nước và nước ngoài. Ngoài ra các thông tin cần được truy cập thường xuyên, có sự chính xác cao và đảm bảo phải có hình ảnh minh họa. Một yếu tố cũng rất quan trọng nữa là các trang web phải thật sự dễ dàng truy cập, lấy thông tin một cách nhanh nhất và đầy đủ nhất cộng thêm tính chính xác cao.

Nên phát hành các ấn phẩm, các quyển sách nói về các điểm du lịch của huyện, của tỉnh, giới thiệu về con người và cảnh quan của huyện đến với khách du lịch.

### ***3.2.3. Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch***

Con người là yếu tố đặc biệt quan trọng, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của quá trình phát triển du lịch. Sẽ là một lãng phí lớn nếu tập trung về kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất mà bỏ qua yếu tố con người. Việc

nâng cao trình độ quản lí và nghiệp vụ du lịch cho lực lượng lao động ngành là một trong những chính sách quan trọng nhất đảm bảo cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra nhằm đẩy mạnh hoạt động trong những năm tới. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành du lịch huyện Kim Bảng cần phải thực hiện các nhiệm vụ

Căn cứ vào quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết để xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực. Trước hết ngành phải tiến hành rà soát, thống kê đánh giá và phân loại nguồn nhân lực du lịch hiện có. Phân loại các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng thành các nhóm lớn:

- + Cán bộ quản lý nhà nước về du lịch địa phương
- + Đối tượng quản lý hoạt động kinh doanh ở các doanh nghiệp du lịch
- + Nhân viên phục vụ trực tiếp tại các doanh nghiệp

Dựa trên việc phân loại, tiến hành đào tạo, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, định kỳ nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu cho hoạt động quản lý phục vụ trong du lịch.

Cần hình thành và tiến hành đào tạo đội ngũ Hướng dẫn viên, hướng dẫn và thuyết minh tại các điểm du lịch quan trọng của huyện.

Cũng dựa trên việc phân loại đó, tùy vào từng đối tượng cần nhiều chương trình đào tạo riêng, cũng như cách thức truyền đạt và đào tạo để đảm bảo chất lượng cao. Bên cạnh đó cần có những chính sách khuyến khích thu hút nhân tài, cần có chính sách thoả đáng để thu hút đội ngũ cán bộ, các nhà kinh tế giỏi khắp mọi miền đất nước về tham gia vào xây dựng ngành du lịch huyện. Có chính sách ưu tiên cán bộ là con em của địa phương được đào tạo chuyên ngành du lịch về làm việc tại địa phương.

Trước mắt đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch trong thời gian tới cần chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch. Nâng cao tỷ trọng đội ngũ cán bộ có trình độ đại học, trên đại học. Nâng dần tỷ trọng lao động phục vụ du lịch được đào tạo chính quy.

### **3.2.4. Nâng cao hiểu biết và thu hút cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch**

Du lịch là điều kiện tốt để giảm nghèo-giảm nghèo là điều kiện tốt cho du lịch:

+ Đối với chính phủ: Du lịch không chỉ cung cấp nguồn đầu tư và nguồn thuế đáng kể mà còn là một công cụ phát triển đa dạng và hữu hiệu, đặc biệt hiệu quả về chi phí, khả năng mang lại những cơ hội phát triển cho khu vực và bộ phận dân cư trong xã hội thường được coi là khó tiếp cận, mang lại nhiều lợi ích

+Đối với người nghèo: Du lịch có thể mở ra nhiều cơ hội tạo ra thu nhập. Có nhiều cách để người nghèo tham gia vào du lịch. Một người làm du lịch có thể đưa cả gia đình mình thoát khỏi cảnh nghèo. Những lợi ích phi kinh tế như tôn giáo được những hình ảnh tích cực trong việc đưa người dân thoát khỏi cảnh nghèo vươn tới một cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

+Đối với doanh nghiệp: Hỗ trợ giảm nghèo có thể tạo nên ý thức tốt trong hoạt động kinh doanh, giảm chi phí hoạt động, đa dạng hoá và cải thiện sản phẩm, đáp ứng tốt điều kiện ngày càng phát triển của người tiêu dùng. Phần thưởng cho các doanh nghiệp cam kết đào tạo và tuyển dụng, người địa phương chính là nhân viên trung thành và nhiệt tình công tác. Làm việc chặt chẽ hơn với người dân nghèo địa phương sẽ giúp doanh nghiệp tạo ra được những sản phẩm du lịch mang đậm hương vị địa phương để cung cấp cho du khách, giúp họ có được những kinh nghiệm đích thực về đời sống sinh hoạt của người dân địa phương.

Một trong ba yếu tố không thể thiếu được trong du lịch đó là sự tham gia của cộng đồng địa phương. Do đó, để phát triển tốt các loại hình du lịch thì việc chia sẻ lợi ích với cộng đồng dân cư là một điều quan trọng.

Trước hết muốn hoạt động du lịch phát triển một cách hiệu quả thì việc nâng cao nhận thức cho người dân là vấn đề cần chú trọng và làm thường xuyên. Thông qua quá trình này phải làm cho người dân thấy hết được những

giá trị về cảnh quan và tài nguyên của mảnh đất mình đang sinh sống, thấy được những lợi ích mà họ có được nếu tham gia vào công tác bảo vệ tái tạo tài nguyên, phục vụ cho phát triển du lịch một cách bền vững.

Để thu hút được cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch, nhất là du lịch sinh thái thì phải tạo ra nhiều công ăn việc làm cho họ. Việc khuyến khích cư dân địa phương tham gia hoà nhập vào hoạt động du lịch, tạo ra nguồn thu nhập từ du lịch thì bản thân họ sẽ là những người tích cực đi đầu trong công tác bảo vệ tính toàn vẹn của lãnh thổ.

Tổ chức các làng nghề sản xuất thủ công lưu niệm cho khách du lịch cũng như là biện pháp tăng nguồn thu cho người dân đồng thời phát huy được các giá trị truyền thống của địa phương. Tổ chức cho cư dân địa phương tham gia vào các dịch vụ như bán hàng, vận chuyển khách, trông giữ xe tại các điểm du lịch để tạo thu nhập hay sử dụng tốt đa nguồn lao động địa phương vào việc xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng như giao thông, đường xá, nhà nghỉ...

Đào tạo tại chỗ ngành nghề cũng như là một hướng đi cần quan tâm. Cần thường xuyên đào tạo nghiệp vụ về du lịch cho người dân địa phương như: nghiệp vụ hướng dẫn, lễ tân... để họ có thể đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch.

Bên cạnh đó cần có chính sách hỗ trợ người dân trong việc xây dựng các nhà trọ, nhà nghỉ tư nhân một cách hợp lý để họ có thể tiếp đón và phục vụ khách du lịch ngay tại nhà nhằm tạo điều kiện tăng thêm thu nhập nâng cao mức sống cho các hộ dân. Việc làm này cần phải có sự chỉ đạo chặt chẽ và phối hợp của chính quyền địa phương với cộng đồng dân cư để đảm bảo trật tự và ổn định xã hội. Nó cũng nên quản lý và điều hoà một cách thích hợp không nên bị sức hút của thị trường quyết định mà làm tổn hại đến lợi ích phát triển lâu dài.

Tất cả các biện pháp trên cần phải thực hiện một cách toàn diện và đầy đủ, có sự phối hợp của các ban ngành và cộng đồng cư dân địa phương thì mới có thể đem lại hiệu quả và lợi ích lâu dài cho hoạt động du lịch của huyện.

### **3.2.5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch**

Chính sách phát triển du lịch là một trong những điều kiện chung ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch. Bất cứ một đất nước nào, hay một địa phương nào cũng đều tồn tại bộ máy quản lý xã hội và bộ máy này có vai trò quyết định đến các hoạt động cộng đồng đó. Hoạt động du lịch không nằm ngoài quy luật chung ấy. Một đất nước hay một khu vực có tài nguyên du lịch phong phú nhưng chính quyền địa phương không có cơ chế, chính sách yểm trợ cho hoạt động du lịch thì hoạt động này cũng không thể phát triển được. Vì vậy, việc phát triển về du lịch phải cùng song hành với việc triển khai quản lý và các hoạt động hỗ trợ thúc đẩy cho du lịch phát triển.

Đối với huyện Kim Bảng để hoàn thành cơ chế, chính sách về du lịch, tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch thì cần có một số giải pháp sau:

+ Trước hết về nhận thức: Chính quyền địa phương, chính quyền các cấp cần quán triệt quan điểm “phát triển du lịch bền vững” trong mọi xây dựng, lập kế hoạch hay tổ chức quản lý và thực hiện. Để có thể phát triển du lịch bền vững phải hạn chế các tác động tiêu cực, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên đi đôi với việc bảo vệ, phục hồi để có thể phát triển bền vững thoả mãn nhu cầu hôm nay nhưng không ảnh hưởng đến mai sau.

+ Xác định rõ phương hướng, mục tiêu dài hạn, ngắn hạn, có tính khoa học cụ thể: Chương trình phát triển kinh tế của huyện cần phải xây dựng và phát triển theo từng giai đoạn và được huy động bằng nhiều nguồn vốn trên cơ sở, kế hoạch cụ thể của các ngành, các địa phương và các dự án về du lịch. Phòng tài chính - kế hoạch có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo thường xuyên với uỷ ban nhân dân huyện và đề xuất biện pháp để thực hiện có hiệu quả chương trình đề ra.

+ Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các nhà đầu tư vào phát triển du lịch ngày một tiến lên.

+ Chính quyền địa phương cần có sự phối hợp với chính quyền các cấp, các cơ sở như trường học, các hiệp hội, tổ chức, thường xuyên giáo dục mọi người dân, học sinh, sinh viên quan tâm bảo vệ hệ sinh thái, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy rừng...Nâng cao ý thức và có những hành động vì sự phát triển du lịch chung địa phương, của đất nước.

Cần thành lập các ban chỉ đạo thực hiện chương trình kinh tế du lịch của huyện bao gồm các thành viên: Thường trực huyện uỷ, thường trực uỷ ban nhân dân huyện, ban tuyên giáo huyện uỷ, phòng công thương, phòng văn hoá, trung tâm văn hoá thông tin, ban quản lý dự án công trình, đài phát thanh truyền hình huyện, trung tâm y tế giáo dục...

Ban chỉ đạo có nhiệm vụ phân công cho các thành viên lập kế hoạch chi tiết của từng ngành, đáp ứng nhu cầu mục tiêu kinh tế phát triển du lịch huyện, đồng thời kiểm tra đôn đốc các cơ quan, đơn vị các địa phương trong quá trình thực hiện.

### ***3.2.6 .Giải pháp về vốn***

Muốn đầu tư phát triển thì yếu tố quan trọng hàng đầu là vốn trong khi đó nguồn tích lũy từ GDP du lịch chỉ đáp ứng được một phần nhỏ. Đối với một huyện có nguồn thu khiêm tốn như Kim Bảng thì việc huy động vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách và tích lũy của doanh nghiệp du lịch là khá hạn chế. Vì vậy, cần có những giải pháp huy động vốn tối đa các nguồn vốn trong và ngoài nước. Các nguồn vốn có thể huy động thêm là vốn hỗ trợ trung ương và các bộ, vốn đầu tư tư nhân, vốn liên doanh liên kết, vốn vay tại ngân hàng và các nguồn khác.

Vấn đề quan trọng là phải tạo được cơ chế chính sách phù hợp, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào công trình du lịch theo quy



hoạch và dự án đầu tư cụ thể, đồng thời có chính sách rõ ràng về quản lý đầu tư xây dựng, kinh doanh và phân chia lợi nhuận.

Một số hướng đi cần nghiên cứu áp dụng là:

+Nhanh chóng xây dựng các dự án kêu gọi vốn đầu tư cho du lịch Kim Bảng. Ban hành các quy định ưu đãi về đầu tư: ưu tiên giải phóng mặt bằng, giảm giá cho thuê đất, miễn giảm các loại thuế trong một khoảng thời gian nhất định.

+Nghiên cứu áp dụng giải pháp “đổi đất lấy hạ tầng” đấu thầu sử dụng quỹ đất tạo vốn đầu tư phát triển du lịch. Giải pháp này đã được thực hiện có hiệu quả ở một số địa phương trong cả nước.

+Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống thất thu thuế từ các doanh nghiệp và các hộ tư nhân, tiết kiệm các khoản chi tiêu không cần thiết tăng cường liên doanh với các huyện, tỉnh lân cận để phát triển du lịch.

+Đơn giản hoá các thủ tục thành lập doanh nghiệp, cần cấp giấy phép đầu tư, xác định rõ chức năng và trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc hướng dẫn, xúc tiến đầu tư khuyến khích phát triển đi đôi với tăng cường quản lý nhà nước nhằm đảm bảo vai trò quản lý và điều tiết cả cơ quan nhà nước, đảm bảo tính cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng của các thành phần kinh tế trong khuôn khổ pháp luật.

+Tranh thủ sự hỗ trợ của các đoàn thể tổ chức chính phủ, phi chính phủ của bộ ngành và khuyến khích huy động vốn nhân rỗi trong dân.

### ***3.2.7. Khai thác hợp lý các tài nguyên gắn liền với công tác bảo tồn giữ gìn và bảo vệ môi trường sinh thái.***

Công việc quan trọng đầu tiên là phải tiến hành quản lý, điều tiết lượng khách đến, tuân thủ các quy định về sức chứa để tránh gây ra những ảnh hưởng xấu đến môi trường tự nhiên.

Trước khi thực hiện công tác này cần lập hệ thống quản lý, nghiên cứu, tính toán về khả năng tải cũng như sự nhạy cảm của môi trường khu vực. Đối

với đoàn khách đông nên chia nhỏ thành nhiều nhóm, chú ý điều tiết lượng khách cho phù hợp để tránh sự tập trung quá đông tại một điểm du lịch. Đối với du lịch sinh thái rừng cũng phải tôn trọng các quy định về sức chứa nên hạn chế số người cho phù hợp với khả năng tải của khu du lịch. Để thực hiện tốt các quy định này cần sự phối hợp thực hiện một cách chặt chẽ và đồng bộ giữa các nhà quản lý, các nhà điều hành, hướng dẫn viên, ban quản lý điểm du lịch cũng như ý thức cá nhân của mỗi du khách.

Sự phát triển của một điểm du lịch hay một vùng du lịch có được bền vững hay không phụ thuộc vào rất nhiều việc khai thác tài nguyên một cách hợp lý, khai thác phải đi đôi với công tác bảo vệ, giữ gìn môi trường sinh thái không chỉ tại nơi có tài nguyên du lịch mà còn ở cả các khu vực lân cận.

Biện pháp bảo vệ van giữ gìn cảnh quan môi trường là việc hết sức quan trọng trên con đường đầu tư du lịch huyện Kim Bảng nói riêng, du lịch tỉnh Hà Nam nói chung phát triển đi lên ngang tầm với du lịch của các tỉnh lân cận. Việc đầu tư khai thác đưa các tiềm năng du lịch trở thành tài nguyên du lịch, đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm ngặt về các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường, tránh việc can thiệp giá quá mức hoặc thô bạo vào môi trường, làm biến đổi các thành phần của môi trường gây nên những biến đổi nghiêm trọng dẫn đến sự suy thoái tài nguyên môi trường.

Việc đưa các điểm du lịch vào khai thác phải tuân thủ đúng các quy định, đáp ứng mối quan hệ qua lại giữa khai thác và bảo vệ, cả hai cùng tương hỗ cho nhau để có được sự phát triển du lịch một cách bền vững.

Việc khai thác tài nguyên du lịch hiện nay của huyện còn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng vốn có. Tuy nhiên để khai thác có hiệu quả trong hiện tại cũng như trong tương lai đòi hỏi cần phải có sự quan tâm và đầu tư của tỉnh, của nhà nước giúp cho việc khai thác và bảo vệ tài nguyên không bị cạn kiệt, đặc biệt không làm ảnh hưởng tới môi trường sinh thái của các khu, điểm du lịch của huyện.

Công việc phát triển du lịch bền vững cần được tiến hành ngay từ bây giờ, vấn đề này đòi hỏi uỷ ban nhân dân huyện cũng như uỷ ban nhân dân tỉnh đưa ra các văn bản ban hành những luật riêng nhằm bảo vệ khu rừng và các khu vực sinh thái, các thắng cảnh đang có nguy cơ bị cạn kiệt do việc khai thác chưa đúng mức. Tiếp đến là lập ra các điểm du lịch cần được bảo vệ, cần được quy hoạch nhằm bảo vệ môi trường sinh thái cũng như cảnh quan chung của huyện cũng như của tỉnh.

Những nơi hiện nay rừng đã bị khai thác cạn kiệt thì cần có nhiều biện pháp trồng lại rừng, cấm chặt phá cũng như việc đốt nương rẫy. Những di tích lịch sử các cấp cần được trùng tu, tôn tạo thường xuyên, tránh nguy cơ bị xuống cấp, việc trùng tu cần được tiến hành một cách khoa học mà vẫn giữ bảo lưu được các giá trị văn hoá, nghệ thuật của các di tích. Giữ gìn một môi trường trong lành là vấn đề ưu tiên hàng đầu trong việc phát triển du lịch tự nhiên, du lịch nhân văn của huyện. Như vậy khách du lịch mới cảm nhận hết mọi vẻ đẹp của mảnh đất nơi đây và luôn tìm thấy mọi sự thoải mái mỗi khi dừng chân tham quan du lịch nơi đây.

Bên cạnh đó có thể đảm bảo vệ sinh môi trường tại các điểm du lịch thì chính quyền địa phương cần có những biện pháp thu gom, xử lý kịp thời nguồn nước thải và nguồn rác thải hàng ngày. Cần tăng cường giáo dục về ý thức và trách nhiệm môi trường cho người dân và khách du lịch, đồng thời xử lý nghiêm minh đối với những hành vi gây ô nhiễm môi trường. Nhanh chóng quy hoạch và xây dựng lại các bãi rác và các trang thiết bị xử lý hiện đại, việc xử lý rác thải phải đảm bảo đúng quy định không ô nhiễm môi trường, xa nguồn nước xa nơi ở của các loài động vật và người dân cũng như nơi lưu trú của khách du lịch.

Phương tiện vận chuyển cần có hệ thống đựng rác để tránh tình trạng người dân hay khách du lịch vứt rác hay đồ phế thải xuống đất, sông, hồ. Các khu vực tham quan phải bố trí thùng đựng rác hợp lý trên các tuyến đi dẫn vào

điểm tham quan hay tại các điểm nghỉ. Do vậy cần thiết kể các thùng đựng rác có hình dáng và màu sắc hài hòa với thiên nhiên, đảm bảo vệ sinh, có lỗ thoát hơi ở dưới có nắp đậy thuận tiện khi sử dụng và thu gom. Có quy định nghiêm ngặt về việc thực hiện bảo vệ môi trường ở các điểm, khu du lịch trên địa bàn huyện Kim Bảng. Đưa ra những hình phạt để đưa ý thức của người dân và khách du lịch vào nề nếp. Ngoài ra cần kiểm tra chặt chẽ nguồn thực phẩm khi khách du lịch mang vào các điểm du lịch. Có thể sử dụng phương pháp đặt cọc bao bì, vỏ lon để hạn chế lượng rác thải, hạn chế việc bỏ lại rác tại các điểm tham quan du lịch.

### ***3.2.8. Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các tuyến du lịch liên huyện, liên tỉnh***

Giải pháp này là một trong những giải pháp vô cùng quan trọng mà huyện đã và đang tiến hành thực hiện. Tuy nhiên để thực hiện được giải pháp này thì trước hết phải hoàn thiện các giải pháp nêu ở trên, có như vậy việc triển khai giải pháp xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các tuyến du lịch liên huyện liên tỉnh mới có hiệu quả cao.

Hiện tại huyện đã mở tuyến du lịch liên huyện đầu tiên đó chính là tuyến du lịch Mỹ Kim ( Mỹ Đức- Hà Nội và Kim Bảng –Hà Nam). Khi lập tuyến du lịch này đã gặp không ít khó khăn do cơ quan chức năng tại cơ sở còn thiếu tính chuyên môn về lĩnh vực du lịch nên số lượng khách cư trú tại huyện tham quan các điểm du lịch không thật nhiều. Đây là hạn chế mà thời gian gần đây huyện chưa thể khắc phục được.

Những năm gần đây do được sự quan tâm và nỗ lực của ban ngành nên tuyến du lịch liên huyện Mỹ Kim này đã đi vào hoạt động và đã đạt được một số kết quả đáng kể, bằng chứng là số lượng khách đến và lưu trú lại huyện có sự gia tăng hơn so với những năm đầu đi vào hoạt động. Hiện nay việc quan trọng là hoàn thiện hơn nữa tuyến du lịch Mỹ Kim và mở ra một số tuyến du lịch khác rộng hơn nhằm thu hút nhiều hơn nữa lượng du khách đến huyện. Phân đấu đưa tuyến du lịch Mỹ Kim này trở thành tuyến du lịch trọng điểm

không chỉ của huyện mà là của cả tỉnh Hà Nam. Do đó cần có sự quan tâm đầu tư của các cơ quan chức năng trong việc quảng bá và thu hút nguồn nhân lực tham gia vào hoạt động du lịch của huyện nói riêng và của tỉnh nói chung.

Theo thống kê sơ bộ thì từ năm 2006-2009 đã có khoảng 1,5 triệu lượt khách đến với các điểm du lịch của Hà Nội và tỉnh Hoà Bình hành trình qua huyện. Nhưng lượng khách ở lại lưu trú và tham quan các điểm du lịch của huyện chỉ chiếm gần 9% một con số quá nhỏ bé so với lượng khách lưu thông qua huyện. Đây chính là thực tế mà du lịch huyện cần có sự bổ sung và hoàn thiện nhanh chóng tuyến du lịch Mỹ Kim sao cho có thể thu hút thêm số lượng khách đến huyện tham quan, nhằm biến mảnh đất này không chỉ trở thành nơi chung chuyển lưu thông mà còn là nơi dừng chân có thể bỏ qua trong tuyến hành trình liên tỉnh của du khách.

Ngoài việc hoàn thiện tuyến du lịch Mỹ Kim thì việc quan trọng hiện nay trong chiến lược phát triển du lịch huyện chính là mở thêm nhiều tuyến du lịch liên huyện, liên tỉnh mới Kim Bảng-Lạc Thủy ( Hà Nam-Hoà Bình).

Lạc Thủy là một huyện của tỉnh Hoà Bình- nơi có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng và hấp dẫn, có cả các di tích lịch sử, di tích khảo cổ, một nơi có nhiều dân tộc sinh sống. Kim Bảng là một huyện nằm giáp danh với huyện Lạc Thủy của Hoà Bình, đây được xem là cửa ngõ phía nam cho những cuộc hành trình tiến lên Hoà Bình cũng như lên Tây Bắc. Do đó các ban ngành cần nhanh chóng triển khai mở thêm tuyến du lịch Lạc Thủy-Kim Bảng để thu hút thêm nguồn khách đến với huyện trong thời gian tới làm tăng thêm thu nhập từ du lịch phục vụ cho việc phát triển kinh tế chung.

Hiện nay đã có rất nhiều tour du lịch đã triển khai qua Kim Bảng lên Lạc Thủy(Hoà Bình) và đây chính là điều kiện tốt cho việc thành lập tuyến du lịch mới Kim Bảng-Lạc Thủy. Đây sẽ là tuyến du lịch hấp dẫn đối với nhiều du khách gần xa trong tam giác du lịch Mỹ Đức -Kim Bảng- Lạc Thủy. Để thực hiện được các mục tiêu trên đòi hỏi cần có sự hợp tác giữa các cơ quan

chức năng của huyện, giữa các công ty lữ hành ba tỉnh và mối dây liên hệ giữa các nhà hàng, khách sạn, các điểm du lịch của ba tỉnh cũng như của ba huyện với nhau. Thực hiện tốt công tác trên thì việc triển khai xây dựng bổ sung và hoàn thiện tuyến du lịch này mới có hiệu quả cao.

## **KẾT LUẬN**

Cùng với sự phát triển của đời sống kinh tế xã hội, ngày nay nhà nước ta đã xác định “thống nhất quản lí hoạt động du lịch, bảo đảm phát triển theo hoạt động du lịch văn hoá, du lịch sinh thái, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, thuần phong mỹ tục của di tích việt nam” ( điều 3 pháp lệnh du lịch). Du lịch ngày nay có vai trò quan trọng trong đời sống của con người và trở thành yếu tố quyết định cho sự phát triển bền vững.

Kim Bảng là huyện có nhiều lợi thế để phát triển du lịch, đó là tài nguyên du lịch khá đa dạng, phong phú. Trong đó có nhiều tài nguyên tự nhiên và nhân văn đặc sắc, độc đáo có sức hấp dẫn du khách. Nó không chỉ có giá trị hữu hình mà còn có cả giá trị vô hình. Tuy nhiên, trong những năm qua việc khai thác du lịch trên địa bàn huyện còn nhiều bất cập, các tuyến, tour du lịch chưa được tổ chức nhiều, nội dung khai thác đơn điệu nên chưa thu hút được nhiều du khách. Khách du lịch mới chỉ chọn Kim Bảng làm nơi dừng chân qua đường khi đi tham quan chùa Hương và Hoà Bình. Chính vì vậy

việc xây dựng các tuyến điểm du lịch huyện là rất cần thiết nhằm khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên, đồng thời góp phần nâng cao đời sống cho nhân dân địa phương, giữ gìn nền văn hoá bản địa.

Huyện, tỉnh chưa có các giải pháp đồng bộ để xây dựng các cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng, chưa có các giải pháp phát triển các loại hình du lịch như chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa các ban ngành liên quan, người dân tại các khu, điểm du lịch chưa nhận thức đúng tầm quan trọng và ý nghĩa của hoạt động du lịch đem lại, chưa có quy hoạch tổng thể cho phát triển du lịch.

Một vài năm gần đây các ban ngành trong tỉnh, huyện đã bắt đầu chú ý đến vấn đề phát triển du lịch. Sở du lịch và một số cơ quan liên quan đến du lịch đã đưa ra các giải pháp, quy hoạch tổng thể phát triển du lịch. Với tiềm năng sẵn có nếu có các biện pháp đúng đắn kịp thời chắc chắn trong tương lai không xa du lịch của huyện sẽ phát triển đúng với tiềm năng vốn có của nó. Trên cơ sở đó em đã nêu lên một số vấn đề lý luận mang tính cơ sở chung về phát triển du lịch. Với việc nêu lên những tiềm năng, hiện trạng phát triển du lịch ở huyện Kim Bảng từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần phát triển du lịch huyện Kim Bảng nói riêng và du lịch tỉnh Hà Nam nói chung.

- Khuyến nghị

+ Sở văn hoá thể thao du lịch tỉnh và huyện nên có sự liên kết với các công ty lữ hành trong tỉnh, đặc biệt là các công ty lữ hành của các tỉnh lân cận, triển khai các tuyến điểm du lịch trong tỉnh cũng như trong huyện nhằm đưa Kim Bảng trở thành một điểm du lịch trong các tour du lịch đi chùa Hương và Hoà Bình. Bên cạnh đó có kế hoạch hỗ trợ, truyền truyền, quảng bá cho những sản phẩm du lịch của tỉnh, của huyện.

+ Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh, huyện nên đầu tư, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá ở huyện đã bị hư hại, xuống cấp. các di tích lịch sử văn hoá là đối tượng du lịch nên phải được hướng tới các lợi ích mà du lịch đem lại. Những di tích được xếp hạng nên được khôi phục, bảo vệ, giữ gìn nghiêm ngặt tránh

tình trạng khôi phục lại làm mất đi các giá trị lịch sử vốn có của di tích đó. Đồng thời giải quyết triệt để tình trạng lấn chiếm, xâm phạm di tích do không có ai quản lý.

+ Những người dân địa phương trong huyện làm du lịch thường thiếu thông tin về những mong muốn và đòi hỏi của du khách. Đa số họ còn ít hiểu biết về hoạt động du lịch, về thị trường và nghiên cứu của khách du lịch. Do vậy cần có sự hỗ trợ tuyên truyền giáo dục của chính quyền địa phương, uỷ ban nhân dân huyện, phòng văn hoá huyện...

Trong thời gian làm khoá luận này do kiến thức và thời gian nghiên cứu có giới hạn, nên khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy em rất mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ và đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, của các bạn... để bài khoá luận được hoàn thiện hơn.

## **PHỤ LỤC**

### **Hiện trạng và giải pháp phát triển du lịch của huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam**

- **Phụ lục 1:** Các bản đồ



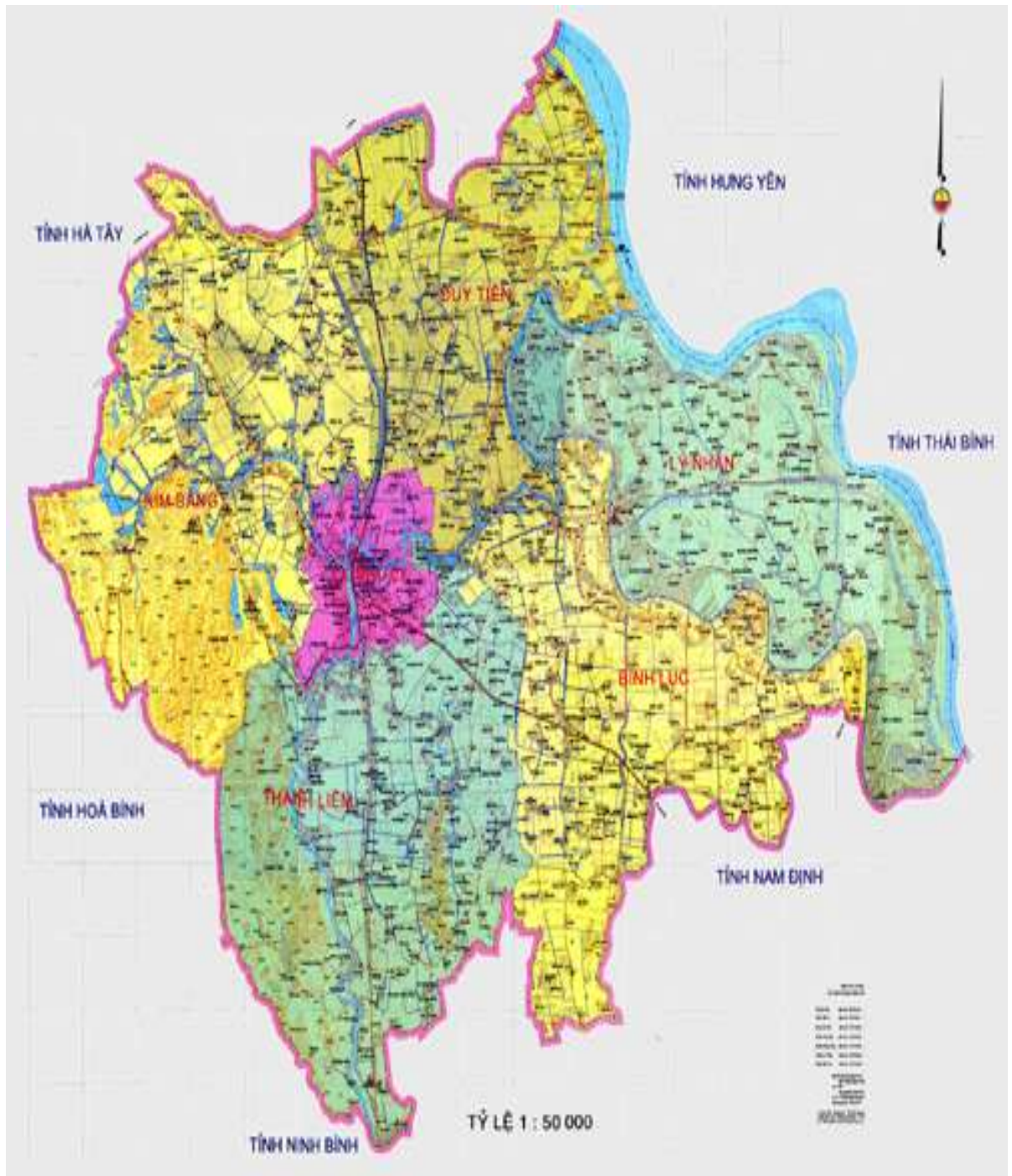
Bản đồ tỉnh Hà Nam

Bản đồ huyện Kim Bảng

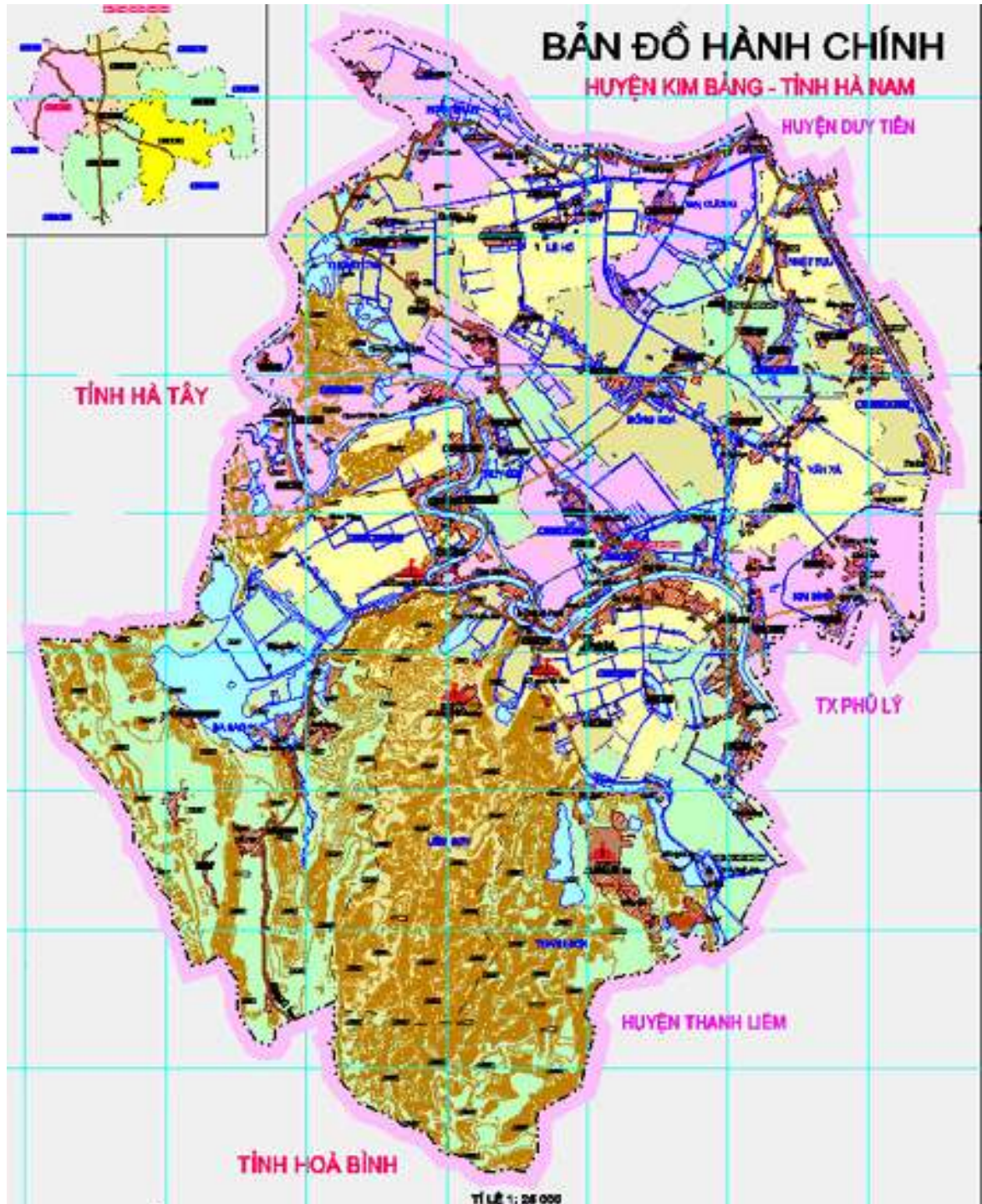
- **Phụ lục 2:** Một vài hình ảnh

## **PHỤ LỤC 1: CÁC BẢN ĐỒ**

1-BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH HÀ NAM



## 2- BẢN ĐỒ HUYỆN KIM BẢNG





**PHỤ LỤC 2:**  
**MỘT VÀI HÌNH ẢNH VỀ CÁC DI TÍCH**  
**VÀ DANH THẮNG CẢNH KIM BẢNG**



*Danh thắng Bát Cảnh Sơn*



*Chùa Tiên Ông- khu danh thắng Bát Cảnh Sơn*

1



*Đền Trúc*





*Danh thắng Ngũ Động Sơn*



*Chùa Bà Đanh*



*Danh thắng Núi Ngọc*



*Hanh Luồn – Ao Dong*





*Nhũ đá trong hang Luôn*



*Khu hồ Tam Chúc*





*Nghề gốm Đình Xá*

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, NXB GD 2001 của Phạm Trung Lương và các tác giả.
2. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) cùng các tác giả, *Địa lí du lịch*, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội năm 1999.
3. Trần Đức Thanh, *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB ĐHQG Hà Nội năm 1999.
4. Nguyễn Bích San, *Cẩm nang hoạt động du lịch*, NXB VHTT.
5. Bùi Thị Hải Yến, *Tài nguyên du lịch*, NXB GD
6. Bùi Thị Hải Yến, *Tuyển điển du lịch Việt Nam*: NXB GD năm 2006.
7. Tổng cục du lịch, *Non nước Việt Nam*, năm 2005.
8. Minh Anh-Hải Yến: *Cẩm Nang du lịch Việt Nam*, NXB Thế giới.
9. *Luật du lịch*, NXB chính trị quốc gia Hà Nội năm 2005.
10. TS. Nguyễn Ngọc Tuấn cùng các tác giả: *Chương trình địa chỉ Hà Nam*, NXB VHDL, năm 2006.
11. *Báo văn hoá thể thao số 317 năm 2006*, NXB VHTT Hà Nam, năm 2006.
12. *Báo Sông Châu số 152*, năm 2005.
13. Sở văn hoá thể thao Hà Nam di tích và thắng cảnh năm 2007.
14. Các trang web truy cập  
www: Sở thương mại du lịch Hà Nam.gov.vn  
[www.Hà Nam.gov.vn](http://www.Hà Nam.gov.vn)

## **LỜI CẢM ƠN**

Trong suốt thời gian 4 năm học tại mái Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã để lại trong em thật nhiều kỉ niệm. Đối với mỗi sinh viên được làm khoá luận là một vinh dự, một khát khao khi cấp sách đến trường. Giờ đây niềm vinh dự, niềm khát khao đó đã trở thành hiện thực đối với rất nhiều bạn bè trong số chúng em. Khoá luận được hoàn thành, đề tài khoa học trong đời sinh viên đã được hoàn tất. Để có được kết quả như ngày hôm nay lời đầu tiên em xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến tới các thầy cô giáo trong khoa Văn hoá du lịch trường ĐHDL Hải Phòng đã tận tâm chỉ bảo em, giúp đỡ em trong suốt 4 năm vừa qua.

Đặc biệt em muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến TS. Phạm văn Luân - Người đã trực tiếp chỉ bảo hướng dẫn và giúp đỡ em trong suốt thời gian em làm khoá luận này.

Để có số liệu đảm bảo tính chính xác và đầy đủ trong thời gian làm đề tài. Em xin cảm ơn Sở văn hoá thông tin và du lịch tỉnh Hà Nam và phòng văn hoá thông tin thể thao huyện Kim Bảng đã tạo điều kiện thuận lợi cũng như cung cấp tài liệu để em có thể hoàn thành khoá luận này.

Do thời gian nghiên cứu, tìm hiểu và do kiến thức còn hạn chế khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự chỉ bảo góp ý và thông cảm của các thầy cô để bài khoá luận được hoàn thiện hơn.

**Em xin trân trọng cảm ơn!**

Hải phòng, ngày tháng năm 2010

**Sinh viên**

**Nguyễn Thị Vân Anh**

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài .....	3
3. Phạm vi nghiên cứu của đề tài. ....	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	3
5. Kết cấu của luận văn .....	4
<b>CHƯƠNG I :CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG CỦA ĐỀ TÀI</b> .....	5
1.1. Một số khái niệm cơ bản.....	5
1.1.1. Khái niệm về du lịch .....	5
1.1.2. Khái niệm khách du lịch .....	6
1.1.3. Khái niệm khu, điểm du lịch.....	6
1.1.4. Khái niệm tài nguyên du lịch .....	7
1.2. Đặc điểm và vai trò của tài nguyên du lịch đối với phát triển du lịch.....	9
1.2.1. Đặc điểm chung của tài nguyên du lịch .....	9
1.2.2. Vai trò của tài nguyên du lịch .....	11
1.3. Tài nguyên du lịch tự nhiên .....	13
1.3.1. Khái niệm tài nguyên du lịch tự nhiên.....	13
1.3.2. Đặc điểm tài nguyên du lịch tự nhiên .....	14
1.3.3. Các dạng tài nguyên lịch tự nhiên.....	15
1.4. Tài nguyên du lịch nhân văn .....	18
1.4.1. Khái niệm tài nguyên du lịch nhân văn .....	18
1.4.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch nhân văn .....	18
1.4.3. Các dạng tài nguyên du lịch nhân văn .....	19

1.5. Mối quan hệ giữa tài nguyên du lịch với hoạt động du lịch .....	25
1.6. Một số kinh nghiệm khai thác tài nguyên du lịch ở một số trọng điểm du lịch ở nước ta.....	26
<b>CHƯƠNG II: HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỦA HUYỆN KIM BẢNG.....</b>	<b>29</b>
2.1. Giới thiệu khái quát về huyện Kim Bảng .....	29
2.1.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên .....	29
2.1.1.1. Vị trí địa lí .....	29
2.1.1.2. Đặc điểm địa hình .....	29
2.1.1.3. Khí hậu .....	31
2.1.1.4. Sông ngòi .....	32
2.1.1.5. Sinh Vật.....	33
2.1.2.Tài nguyên du lịch nhân văn của huyện Kim Bảng.....	34
2.1.2.1. Di tích lịch sử-văn hoá và danh thắng cảnh.....	34
2.1.2.2. Lễ hội – Phong tục tập quán.....	52
2.1.3. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	58
2.1.3.1. Dân số và lao động.....	58
2.1.3.2.Kinh tế - xã hội.....	59
2.1.3.3.Cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng .....	59
2.2. Thực trạng hoạt động du lịch của huyện.....	62
2.2.1. Vị trí của ngành du lịch huyện trong cơ cấu kinh tế - xã hội của huyện Kim Bảng .....	62
2.2.2. Hiện trạng cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch huyện .....	64
2.2.3.Kết quả hoạt động kinh doanh .....	67
2.2.4. Đánh giá hiện trạng phát triển du lịch huyện.....	69
<b>CHƯƠNG III: ĐỊNH HƯỚNG- GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỦA HUYỆN KIM BẢNG.....</b>	<b>72</b>

3.1. Định hướng phát triển du lịch huyện Kim Bảng.....	72
3.1.1 Định hướng tổ chức không gian lãnh thổ.....	72
3.1.2 Định hướng tổ chức các loại hình du lịch.....	72
3.2. Các giải pháp phát triển du lịch huyện Kim Bảng.....	73
3.2.1 . Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng...	73
3.2.2 Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá cho các điểm du lịch.....	76
3.2.3. Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch.....	78
3.2.4. Nâng cao hiệu biết và thu hút cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch .	79
3.2.5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch.....	81
3.2.6 .Giải pháp về vốn.....	83
3.2.7. Khai thác hợp lí các tài nguyên gắn liền với công tác bảo tồn giữ gìn và bảo vệ môi trường sinh thái.....	84
3.2.8. Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các tuyến du lịch liên huyện, liên tỉnh..	86
<b>KẾT LUẬN</b> .....	89

## **PHỤ LỤC**

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**